

NGUYỄN-HỮU-HỒNG
Giáo-học

Việt-Sử

LỚP NHẤT

VIỆN BẢO TÀNG

Chương trình hiện hành
của Bộ Q. G. G. D.

YÊN-SƠN

NGUYỄN HỮU HỒNG

VIỆT - SỬ[?]

Lớp Nhất



NHÀ XUẤT - BẢN
★ YÊN-SƠN ★

Sửa theo chương trình
mới của Bộ Q.G.G.D.

NHÀ NGUYỄN TÂY-SƠN

Từ 1776 đến 1802

Bài thứ 1

Nhà Nguyễn Tây-sơn (1776-1802)

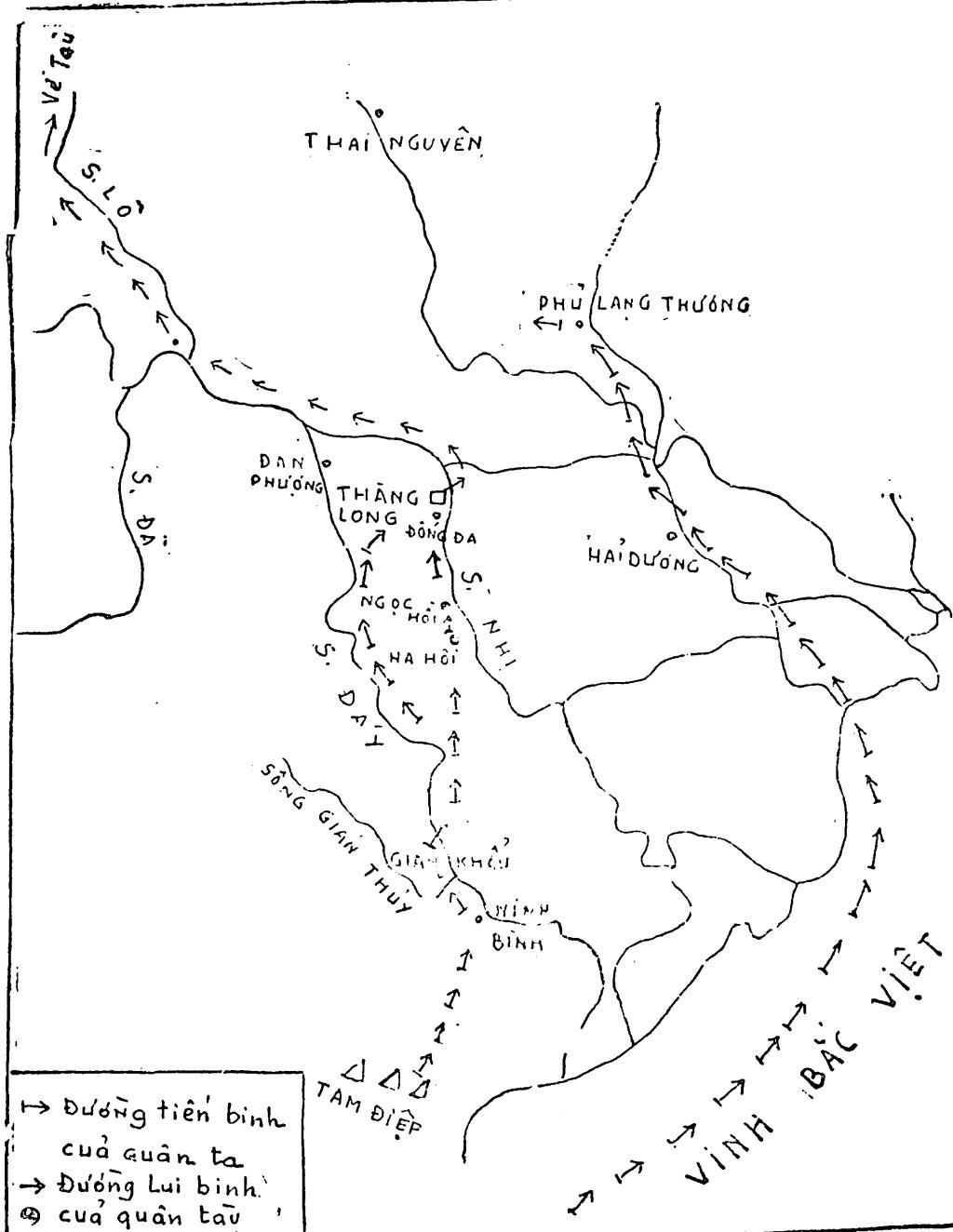
VUA QUANG-TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN NHÀ THANH

Nguyễn - hưu Chỉnh - chuyên - quyền. — Nguyễn-hữu Chỉnh, khi diệt được họ Trịnh rồi, được Lê Chiêu-Thống phong là Băng-Trung công. Từ đó, Chỉnh cậy công, khinh người, làm lầm điều trái phép, úc-hiếp nhà vua hơn chúa Trịnh trước.

Bắc-Bình vương lấy Bắc-hà. — Bắc-Bình vương được tin ấy bèn sai Vũ-văn Nhậm đem quân ra bắc, bắt được Nguyễn-hữu Chỉnh, đem về làm tội ở Thăng-long. Lê Chiêu-Thống chạy lên Cao-băng rồi sang Tàu cầu cứu.

Quân Thanh sang cướp nước ta. — Vua Càn-Long nhà Thanh, nhân cơ-hội ấp sai tông-đốc hai tỉnh Quảng-dông và Quảng-tây là Tôn-sĩ Nghị khởi quân bốn tỉnh Quảng-dông, Quảng-tây, Vân-nam và Quý-châu sang chiếm nước ta. Tôn-sĩ Nghị chia quân làm ba đạo, một đạo đi đường Tuyên-quang, một đạo đi đường Cao-băng, còn một đạo đi đường Lạng-sơn, tiến về Thăng-long.

Tướng Tây-Sơn là Ngô-văn Sở, thấy quân Tàu thế mạnh, sợ đánh đánh không nổi, bèn bỏ thành Thăng-long, lui về giữ núi Tam-điệp ở vào quãng giữa hai tỉnh Ninh-bình và Thanh-hóa ngày nay.



Chiến-thập át của Gieng

Lê Chiêu-Thống về nước.— Lê Chiêu-Thống, theo Tôn-sĩ Nghị về nước, nhưng vốn là người hèn nhát nên không làm được việc gì, chỉ lo báo ân, báo oán, giết hại những người trước theo Tây-son. Còn các việc chính-trị trong nước đều do Tôn-sĩ Nghị chỉ huy cả. Vì thế dân chúng ai cũng chán ghét.

Bắc-Bình vương đại phá quân nhà Thanh.— Bắc-Bình vương được tin ấy, làm lê lên ngôi Hoàng-đế, tự mình thống-lĩnh đại quân ra đánh giặc Thanh.

Quân Tây-son chia làm ba đạo :

1.— Thủy quân đi đường biển, vào sông Thái-bình, chiếm Hải-dương, Bắc-giang, Lạng-son để chặn đường rút lui của quân Tàu.

2.— Một đạo đi đường núi, tiến về phía huyện Mỹ-dức, rồi từ đó, đánh về phía tây thành Thăng-long.

3.— Một đạo do Bắc-Bình vương chỉ huy theo đường thiên lý, tiến về phía nam thành Thăng-long.

Đại quân Tây-son phả được toán quân nhà Lê đóng ở sông Giản thủy, bắt sống được tất cả quân Tàu đóng ở huyện Phú-xuyên và làng Hà-hồi (thuộc tỉnh Hà-dông ngày nay).

Ngày mồng 5 tháng giêng năm Kỷ-dậu (1789), sau khi đại phá quân Tàu đóng ở làng Ngọc-hồi, quân ta tiến thẳng ra Thăng-long. Các tướng Tàu đóng ở Đống-đa (phía nam thành Thăng-long) như Hứa-thể Hanh, Trương-sĩ Long, Thượng-duy Thăng đều tử trận. Sầm-nghi Đống phải thắt cổ chết.

Quân Tàu, tranh nhau qua cầu sông Nhị để chạy sang Gia-lâm. Một lát, cầu đỗ, sa cả xuống sông chết đuối, sông Nhị đầy những thi thể người chết.

Tôn-sĩ Nghị, Lê Chiêu-Thống theo đường Việt-trì, chạy trốn về Tàu.

Kết-quả cuộc chiến-tranh. — Sau trận này, vua Tàu thấy quân ta thế mạnh, đành bỏ ý định xâm-lăng và công nhận Bắc-Binh vương là vua nước ta.

BÀI HỌC

Nguyễn-hữu Chỉnh, diệt được họ Trịnh rồi, cậy công, khinh người, làm lầm điều trái phép, lại hèn hiếp vua Lê hơn các chúa Trịnh.

Bắc-Binh Vương, được tin ấy, sai Vũ-văn Nhậm, đem quân ra bắc, bắt Chỉnh giết đi. Lê Chiêu-Thống chạy trốn sang Tàu để cầu viện binh.

Vua nhà Thanh, nhân dịp ấy, bèn sai Tôn-sĩ Nghị lấy quân bốn tỉnh Quảng-đông, Quảng-tây, Vân-nam và Quý-châu sang cướp nước ta. Tướng Tây-sơn là Ngô-văn Sở rút về đóng ở núi Tam-điệp và quân Tàu vào thành Thăng-long.

Được tin ấy, Bắc-Binh vương lên ngôi hoàng-đế, đem quân ra bắc. Quân ta bắt sống được toán quân Tàu đóng ở Phú-xuyên và Hà-hồi, đại phá quân Tàu đóng ở Ngọc-hồi và Đống-đa. Quân Tàu chạy qua cầu sông Nhị, bị chết rất nhiều. Tôn-sĩ Nghị và Lê Chiêu-Thống theo đường Việt-trì chạy về Tàu.

CÂU HỎI. — Nguyễn-hữu Chỉnh đổi sứ với vua Lê thế nào ? — Bắc-Binh vương được tin ấy làm thế nào ? — Vua Lê Chiêu-Thống bèn chạy về đâu ? — Ngô-văn Sở thấy quân Tàu sang, rút về đâu ? — Vua Quang-Trung thắng quân Tàu ở những trận nào ? — Kết quả cuộc chiến tranh này thế nào ?

Nhà Nguyễn Tây-sơn

VIỆC NỘI TRỊ

Nước ta dưới triều Nguyễn Tây-sơn. — Nhà Nguyễn Tây-sơn, kể từ năm 1776 là năm Nguyễn Nhạc xưng là Tây-Sơn vương đến năm 1802 là năm Nguyễn-quang Toản bị giết cả thảy 26 năm. Trong thời-gian ấy, nước ta chia làm ba phần:

Nguyễn Nhạc xưng là Trung-Uơng Hoàng-dế, cai-trị từ-Quảng-nam đến Bình-thuận, đóng đô ở Qui-nhơn.

Nguyễn Huệ xưng là Bắc-Bình vương, cai-trị từ đèo Hải-vân ra bắc, đóng đô ở Phú-xuân (Huế).

Nguyễn Lữ, xưng là Đông-Định vương, cai-trị miền Nam việt ngày nay, đóng đô ở Sài-côn (Sài-gòn).

Nhưng miền nam luôn luôn có chiến-tranh với Nguyễn Ánh. Ở miền trung, Nguyễn Nhạc tuy có công gầy thế lực nhà Tây-sơn, nhưng không có tài kinh-khang tể-thế. Duy có Nguyễn Huệ là anh hùng hơn cả và đã thực-hành được nhiều điều cải-cách quan-trọng.

Việc cai-trị trong nước. — Bắc-Bình vương sửa đổi việc triều chính, đặt chức tam công, tam thiếu, đại tư-dồ, đại tư-mã...

Trong nước chia làm 11 trấn có trấn-thủ coi việc võ, hiệp-trấn coi việc văn. Mỗi trấn chia làm nhiều phủ, có phán-xuất coi việc võ, phán-tri coi việc văn. Làng, tổng thì có xã-trưởng, tổng-trưởng coi việc hàng xã, hàng tổng.

Bắc-Bình vương định lại thuế đinh, thuế điền cho được công - bằng, cho khai khẩn những đất bỏ hoang, chiêu mộ dân chúng vì loạn lạc giặc giã đã phải bỏ đi tha phượng cầu-thực, về quê hương làm ăn. Ngài lại yêu cầu với vua Tàu cho các thương gia Việt-nam mở cửa hàng ở Nam-ninh (Quảng-tây) và đóng quân ở đây để bảo vệ Việt-kiều.

BÀI HỌC

Nhà Nguyễn Tây-sơn được tất cả 26 năm. Thời đó, nước ta chia làm ba phần :

Nguyễn Nhạc, xưng là Trung-Uơng Hoàng-đế, đóng đô ở Qui-nhơn.

Nguyễn Lữ, xưng là Đông-Bình vương, đóng đô ở Sài-côn (Sài-gòn).

Nguyễn Huệ, xưng là Bắc-Bình vương, đóng đô ở Phú-xuân.

Trong ba người có Bắc-Bình vương là anh hùng hơn cả. Ngài chia miền bắc làm 11 trấn, đặt quan chẽ, tổ chức việc cai-trị, định lại thuế má cho được công bằng, khuyến khích dân khai khẩn những đất hoang và mở mang việc buôn bán với nước Tàu, khiến nền kinh tế trong nước dần dần được phục hồi.

CÂU HỎI.— Nhà Tây-sơn làm vua được bao nhiêu năm ? — Thuở đó, nước ta chia làm mấy phần ? — Trong ba vua, ai là người anh hùng hơn cả ? — Bắc-Bình vương sửa đổi việc cai trị thế nào ? — Ngài sửa lại thuế má thế nào ? — Ngài làm thế nào để khuyến khích nông nghiệp.

Nhà Nguyễn - Tây-sơn

QUÂN SỰ VÀ NGOẠI GIAO

Kiểm tra dân số.— Bắc-Bình vương nuôi chí lớn là đòi lại hai tỉnh Quảng-dòng và Quảng-tây mà ngài coi là đất cũ của Việt-nam. Vì vậy ngài đặc biệt chú ý đến việc tăng cường binh lực.

Năm 1790, ngài ra lệnh cho các trấn phải làm lại sổ đinh, đàn ông từ 18 tuổi trở lên đều được cấp một cái thẻ gọi là « tin bài », trên có ghi tên, họ và quê quán.

Sổ đinh làm xong, dân số đã biết rõ, thì cứ ba người, chọn một người làm linh.

Quân đội.— Quân đội được tổ-chức có cơ ngũ và phải hàng ngày luyện tập.

Thuở đó, có nhiều người Tàu đi làm giặc bể, gọi là giặc Tàu-đ. Bắc-Bình vương phong quan trước cho họ rồi sai sang quấy rối miền duyên hải Quảng-dòng, Phúc-kiến, mục-dich là làm cho thế lực quân Tàu yếu đi. Cả những tàn quân Thiên địa-hội là một đảng cách mệnh của Trung-hoa cũng được ngài thu dụng để tăng cường quân lực.

Nhờ vậy, trong đời ngài, binh lực nước ta hùng hậu, nước Tàu cũng phải e dè.

Giao thiệp với Trung-hoa.— Khi thắng được đại quân của Tôn-sĩ Nghị rồi, Bắc-Bình vương muốn cho yên mặt bắc, bèn cho sứ sang Tàu xin giảng hòa. Vua Tàu thấy đánh nước ta không lợi cũng phải nhận lời và công nhận Bắc-Bình vương là vua nước Nam.

Thấy binh lực mệt ngày mệt mạnh, ngài định khiêu khích vua nhà Thanh, bèn sai sứ sang Tàu đòi lại hai tỉnh Quảng-đông và Quảng-tây. Nhưng sứ bộ đi nửa đường thì ngài mất, và việc ấy cũng bỏ đi (1792).

Nhà Nguyễn Tây-son suy vong.— Bắc-Binh vương mất, con là Quang-Toản hãy còn ít tuổi lên nối ngôi. Quyền hành về tay Bùi-đắc Tuyênn. Bùi-đắc Tuyênn làm nhiều điều trái phép, triều đình phẫn ra bèn dâng, thế lực yếu đi, chẳng bao lâu cơ-nghiệp nhà Nguyễn Tây-son cũng đổ nát.

BÀI HỌC

Bắc-Binh vương đặc biệt chú ý đến việc tăng cường binh lực. Ngài cho làm lại sổ đinh để tuyển lính, tổ chức quân đội có cơ ngũ và bắt binh sĩ hàng ngày luyện tập.

Sau khi đại thắng quân của Tôn-sĩ Nghị, ngài sai sứ sang Tàu xin giảng hòa. Vua nhà Thanh, thấy đánh nước ta không lợi cũng phải chịu và công nhận ngài là vua nước Nam.

Năm 1792, ngài mất, con là Quang-Toản còn ít tuổi, nên không nối chí ngài được. Vì vậy cơ nghiệp nhà Nguyễn Tây-son không bao lâu cũng đổ nát.

CÂU HỎI.— Tại sao Bắc-Binh vương chú ý đến việc tăng cường binh lực?—Ngài làm thế nào để tiện việc tuyển binh?—Quân đội có luyện tập không?—Sau khi thắng Tôn-sĩ Nghị, ngài giao thiệp với nước Tàu thế nào?—Vua Tàu sử với Bắc Bình vương thế nào?—Ngài mất năm nào?—Quang-Toản là người thế nào? Tại sao cơ-nghiệp nhà Tây-Sơn đổ nát?

Nhà Nguyễn Tây-sơn

VĂN - HÓA

Việc học hành và thi cử. — Bắc-Bình vương săn sóc đến việc đào tạo nhân tài. Ngài mở mang việc học. Tại các phủ huyện đều đặt chức huấn đạo để dạy dân học, mở những khoa thi để chọn người có học ra làm quan. Nhưng việc quan trọng nhất là việc dùng chữ nôm trong công-văn và thi-cử.

Tại sao về đời Tây-sơn, chữ nôm được chú ý? — Trong thời Bắc thuộc, người Tàu muốn cho dân ta mất tinh thần quốc-gia, đã mang những sách vở chữ Hán từ bên Tàu sang để dạy dân ta học. Các sách như Tứ-thư đại-toàn, Tinh-lý đại-toàn đều được phát đi khắp nơi. Khi nhà Minh cai-trị nước ta thì bao nhiêu sách vở của ta làm từ đời nhà Trần, nhà Lý đều thu thập mang về Tàu hết.

Khi được độc-lập, tuy người nước ta giữ được chủ quyền về chính trị và văn-hóa, nhưng vì hai nước còn có nhiều mối liên-lạc khăng khít, không thể mỗi lúc bỏ đi được. Nước ta lại có những nhà nho, thuộc lòng các sách Tàu, mở miệng nói ra toàn những truyện bên Trung-hoa; sử ký Trung-hoa thì thuộc lòng, mà sử nước ta thì không thèm đọc đến.

Nhưng người bình-dân Việt-nam thường có tinh-thần dân-tộc thuần túy hơn, « Nguyễn-Huệ, xuất thân từ đám áo vải, có tinh-thần một nhà cách-mạng, có đủ tư-cách là một nhà lãnh đạo, nên về phương diện văn hóa đã sáng-suốt hơn ai hết; trọng dụng quốc-văn, vạch rõ con đường tiến tới, di sát với thực-tế, gần gũi đám bình-dân ».

Chữ nôm thông dụng như thế nào ? — Mỗi khóa thi vào kỳ đệ tam, các sĩ tử đều phải làm thơ phú bằng quốc-văn.

Trong những bài hiệu-triệu tướng-sĩ, những bài hịch kề tội họ Trịnh khi quân Tây-sơn ra Bắc-hà, quốc văn, cũng được dùng đến. Trong những bài lê có tinh-cách thiêng-liêng như bài văn-tế Quang-Trung, triều-dinh cũng dùng tiếng nôm.

Các danh sĩ đời Nguyễn Tây-sơn. — Một người có công lớn trong việc truyền bá chữ nôm là Nguyễn Thiệp gọi là La-sơn phu-tử. Biết Nguyễn Thiệp là người có tài, Bắc-Bình vương nhiều lần đến triệu ra làm quan, nhưng Nguyễn Thiệp đều từ chối.

Sau thấy Bắc-Bình vương thật lòng trọng sĩ, Nguyễn Thiệp nhận lời dịch những kinh truyện ra chữ nôm. Công cuộc chưa xong thì nhà Tây-sơn đã.

Ngoài ra, thời đó còn có nhiều danh sĩ nổi tiếng như Phạm-Thái, Nguyễn-hữu Chỉnh, Hồ-xuân Hương, Ngọc-Hân công-chúa, đã để lại cho đời sau những áng văn kiệt tác còn truyền tụng đến ngày nay.

BÀI HỌC

Bắc-Binh vương mở trường học tại các phủ huyện, đặt chức huấn đạo để dạy dân học, mở khoa thi để chọn người có học ra làm quan.

Bắc-Binh vương, xuất thân từ đám áo vải, có tinh thần cách-mạng dân-tộc, có óc sáng suốt của một nhà lãnh đạo, nên hiểu rõ hơn ai hết những tư tưởng cổ hủ của một số nhà nho đương thời, những nguyên vọng chính đáng của phái bình dân. Vì vậy, ngài nhiệt thành làm một việc cải cách táo bạo trong văn-hóa: dùng chữ nôm trong các công văn thi cử,

những người đi thi, vàoky đệ tam đều phải làm thơ
phú bằng chữ nôm.

Các bài hịch, chiếu, biểu, công văn mà cả đến
văn tế cũng đều dùng chữ nôm.

Nguyễn Thiệp, một danh sĩ thời bấy giờ,
được cử ra để dịch các kinh truyện ra chữ
nôm cho học trò học, nhưng việc chưa xong
thì Bắc - Bình vương mất, công việc cũng bỏ dở,

Các nhà văn có tiếng thời bấy giờ là Phạm
Thái, Nguyễn-hữu Chính, Hồ-xuân-Hương. Ngọc
Hân công-chúa.

CÂU HỎI. — Bắc-Bình vương mở mang sự học thế nào ?
— Việc cải cách lớn nhất của ngài trong phạm vi văn hóa là gì ?
— Vì đâu Bắc-Bình vương có những tư-tưởng ấy ? — Thuở đó chữ
nôm được thông dụng thế nào ? — Ai là người có công giúp Bắc-
Bình vương trong việc dịch sách ? — Kè các nhà văn có tiếng
thời bấy giờ ?

Bài thứ 5

Nguyễn Ánh lấy lại miền Nam-việt

Nguyễn-Ánh cầu viện nước Pháp. — Sau khi thấy ha;
vạn quân Xiêm-la bị Nguyễn-Huệ phá tan, Nguyễn-Ánh thế
cùng lực kiệt, phải nhờ Giám-mục Bá-da-Lộc là một người Pháp
giúp đỡ. Bá-da-Lộc khuyên Nguyễn Ánh cầu cứu nước Pháp. Năm

1784, Bá-đa-Lộc đưa hoàng-tử Cảnh về Pháp để xin vua Pháp là Lô-ý XVI giúp quân và khi giới.

Nguyễn Ánh nương-náu ở Xiêm-la. — Bá-đa-Lộc đi rồi, Nguyễn Ánh phải sang nương náu ở Xiêm-la (Thái-lan). Tuy vậy, Nguyễn Ánh vẫn chuẩn bị binh lực, tăng gia sản xuất để lấy lương ăn, đóng chiến thuyền ở các đảo ngoài biển, cho người về nước chiêu mộ quân sĩ.

Nguyễn Ánh lấy lại Gia-dịnh. — Năm 1787, được tin Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ hiềm khích lẫn nhau, thế lực yếu đi, Nguyễn Ánh đem quân về nước.

Nguyễn Ánh thoát đầu chiếm Long-xuyên. Hào kiệt các nơi nghe tin, theo về rất đông. Thấy thế lực đã mạnh, Nguyễn Ánh đem thủy quân vào cửa Cần giờ (gần Bà-rija) định ngược dòng sông Đồng - nai và sông Sài - gòn để chiếm lấy Gia-dịnh. Bị tướng Tây-sơn là Phạm-văn-Tham đánh thua, Nguyễn Ánh phải chạy về Mỹ-tho, mò thêm quân sĩ. Được Võ Tánh và quân Đồng-sơn về giúp, Nguyễn Ánh phá được quân Tây-sơn ở đồn Ngũ-kiều rồi chiếm lại thành Gia-dịnh (1788).

Nguyễn Ánh củng cố lực lượng. — Thu phục được miền nam rồi, Nguyễn Ánh chăm lo kiến-thiết lực-lượng chống lại quân Tây-sơn : cấm cờ bạc, đồng bóng để giữ gìn phong tục, chỉnh đốn việc thuế má, khuyến khích nông nghiệp để lấy tiền nuôi quân, xây thành đắp lũy, đóng chiến thuyền, mò binh lính để tăng cường quân đội. Nhờ vậy binh lực miền nam, một ngày một hùng hậu.

BÀI HỌC

Sau khi quân Xiêm-la bị Nguyễn Huệ phá, Nguyễn Ánh phải nhờ Bá-đa-lộc đem hoàng-tử Cảnh sang Pháp cầu cứu, còn mình thì sang nương náu bên Xiêm-la.

Năm 1787, được tin anh em Tây-sơn đánh lẩn khau, thế lực yếu đi, Nguyễn Ánh về nước, đóng ở Long-xuyên chiêu mộ binh sĩ rồi đem quân vào cửa Căn-giờ. Bị quân Tây-sơn đánh bại, may nhờ có Võ Tánh và quân Đông-sơn về giúp, Nguyễn Ánh lấy lại được thành Gia-dịnh.

Từ đó, Nguyễn Ánh sửa sang việc cai-trị và việc vò bị, định lại thuế má, khuyến khích nông nghiệp khiến miền nam một ngày một phong phú và cường thịnh.

CÂU HỎI.— Khi quân Xiêm bị phá, Nguyễn Ánh nhờ ai cầu viện nước Pháp? — Bá-đa-lộc về Pháp với ai? — Sau đó, Nguyễn Ánh đi trốn ở đâu? — Nhân dịp nào, Nguyễn Ánh trở về nước? — Lúc đầu Nguyễn Ánh đóng quân ở đâu? — Sau khi bị thua, Nguyễn Ánh được ai giúp đỡ? — Năm nào, Nguyễn Ánh lấy lại được Gia-dịnh? — Lấy được Gia-dịnh rồi, Nguyễn Ánh sửa sang việc chính-trị thế nào?

Bài thứ 6

Nguyễn Ánh thống nhất nước ta

Người Pháp giúp Nguyễn Ánh. — Ngày 28-11-1787, Bá-đa-lộc thay mặt Nguyễn Ánh, ký với nước Pháp tại Véc-say (Versailles) một hiệp ước đại lược nói :

Vua nước Pháp giúp Nguyễn Ánh 1.200 lục quân, 200 pháo-bin, 4 chiếc tàu cùng khí giới đầy đủ. Đề trả ơn đó, Nguyễn Ánh phải nhường cho nước Pháp cửa bắc Hội-an và

quần đảo Côn-lon và cho người Pháp tự-do buôn bán trên đất nước Việt-nam.

Việc thi-hành giao cho tổng-trấn Pông-di-sè-ri (Pondichéry) là Đò-công-oai (De Conway). Nhưng viên này từ chối sự giúp đỡ, Bá-da-lộc bèn bỏ tiền riêng của mình ra mua kỵ binh, mua kỵ giáp Nguyễn Ánh.

Những trận giặc mùa.— Năm 1798, Nguyễn Ánh sai Võ Tánh đem quân ra đánh Bình-thuận nhưng không đủ lực giữ, lại phải rút về. Rồi từ đấy, hàng năm, cứ đến khi gió mùa thổi, quân Gia-dịnh lại ra đánh quân Tây-sơn làm cho địch quân tiêu hao lực lượng. Dân chúng thường gọi là những trận giặc mùa.

Nguyễn Ánh chiếm Qui-nhơn và Phú-xuân.— Năm 1799, Nguyễn Ánh tự cầm quân vào cửa Thị-nại, chiếm lấy thành Qui-nhơn, dê Võ-Tánh và Ngô-tông-Chu ở lại giữ thành còn mình lại về Gia-dịnh.

Năm sau, tướng Tây-Sơn là Trần-quang-Diệu và Võ văn-Dũng đem quân vào vây thành Qui-nhơn. Nguyễn Ánh đem thằng thủy quân ra cửa Thuận, đại phá quân Tây-sơn đóng ở đó, rồi chiếm lấy thành Phú-xuân. Trong khi đó, Võ-Tánh và Ngô-tông-Chu, giữ thành không nổi phải tự tận. Trần quang-Diệu tuy lấy được Qui-nhơn, nhưng bị Lê Chất và Lê văn-Duyệt ở mặt bắc đánh xuống, Tống-viết Phúc ở mặt nam đánh lên cũng phải bỏ thành mà trốn ra bắc.

Nguyễn Ánh lên ngôi hoàng đế.— Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi hoàng đế, niên hiệu là Gia-Long rồi đem quân ra bắc. Vua tôi nhà Tây-sơn, trong khi chạy trốn, bị dân chúng bắt đem nộp cho vua Gia-Long.

Từ đó nhà Nguyễn Tây-sơn bị dứt hẳn đế nhà Nguyễn thống nhất sơn bà.

BÀI HỌC

Tuy không được nước Pháp viện-trợ, Bá-đa-lộc cũng bỏ tiền riêng của mình ra mua quân, mua súng ống sang giúp Nguyễn Ánh.

Từ khi Bắc-Bình vương mất, thế lực nhà Tây-sơn suy yếu dần, trong khi đó ở miền nam, Nguyễn Ánh nhờ các danh tướng như Lê Văn-Duyệt, Nguyễn Văn-Thành, Lê Chất và một số người Pháp hết lòng giúp nên binh lực mỗi ngày một mạnh. Năm 1799, Nguyễn Ánh chiếm thành Qui-nhơn, rồi năm sau lấy được Phú-xuân. Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi hoàng-đế, niên hiệu Gia-Long rồi đem đại binh ra bắc. Vua Cảnh-Thịnh nhà Tây-sơn bị bắt và bị giết.

CÂU HỎI.— Nguyễn Ánh có được nước Pháp giúp đỡ không? — Không được nước Pháp giúp, Bá-đa-lộc bèn làm thế nào? — Nhờ đâu mà binh lực miền nam được mạnh? — Tại sao thế lực nhà Tây-sơn yếu đi? — Thoạt đầu quân Nguyễn Ánh chiếm thành nào? — Sau chiếm thành nào? — Vua Tây-sơn chạy ra bắc có chống cự được lâu không? — Nguyễn Ánh lên ngôi năm nào?

NHÀ NGUYỄN
THỜI KỲ ĐỘC LẬP
(1802 - 1883)

Vua Thái-tổ : Niên hiệu Gia-Long

(1802-1820)

VIỆC CAI TRỊ

Nhà Nguyễn. — Nhà Nguyễn làm vua từ năm 1802 đến năm 1945 là năm Bảo-Đại tuyên-bố thoái vị, được tất cả 143 năm. Nhưng thực ra chủ quyền chỉ có được đến năm 1883 là năm ký hòa ước nhận quyền bảo hộ của nước Pháp. Trong khoảng 81 năm đó có cả thảy bốn vua là : Gia-Long, Minh-Mạng, Thiệu-Trị và Tự-Đức.

Nội trị dưới triều Gia-Long. — a) Quốc-hiệu : Gia-Long đặt tên nước là Việt-nam, đóng đô ở Phú-xuân tức là Huế ngày nay, đổi tên thành Thăng-long ra thành Hà-nội.

b) Định công, phạt tội. — Nước nhà được thống nhất, Gia-Long ban thưởng các tướng sĩ có công. Mà Thái-Đức Nguyễn Nhạc và Quang-Trung Nguyễn Huệ đều bị quật lên, thây vứt đi, còn đầu thì bỏ giam trong ngục tối.

c) Chính quyền trung-ương. — Triều đình gồm có sáu bộ là :

Bộ lai : coi việc thăng thưởng, bồ nhiệm quan lại.

Bộ lê : coi việc học hành và tể tự.

Bộ binh : coi về võ bị.

Bộ hình : coi việc xử án.

Bộ công : coi việc đê điều, đường xá.

Bộ hộ : coi việc thuế má, lương bông.

Đứng đầu mỗi bộ có một thượng thư. Ngoài ra lại có một Hòa-dò-sát giữ việc can gián vua và đàm-hạch các quan lại.

d) *Chính quyền địa-phương*. — Nước ta thuở đó chia làm 23 trấn và 4 doanh (tỉnh).

1.— Từ Ninh-bình trở ra có 11 trấn gọi là Bắc-thành có Bắc-hành tổng-trấn cai-trị.

2.— Từ Biên-hòa trở vào có 6 trấn gọi là Gia-dịnh thành, có Gia-dịnh thành tổng-trấn cai-trị.

3.— Miền trung chia làm 6 trấn và 4 doanh đặt dưới quyền kiểm-soát trực tiếp của triều-dinh.

Trấn hay doanh chia ra phủ, huyện, châu, tờ ơg, xã có tri-phủ, tri-huyện, tri-châu, cai-lồng-xã-trưởng, coi việc hành chính.

Ngoài bắc, dân chúng còn tướng mến nhà Lê, vua Gia-Long cho các cựu quan lại nhà Lê ra giúp việc ở miền trung châu, còn miền thượng du thì giao cho hào-mục địa-phương cai-trị lấy nhau.

BÀI HỌC

Nhà Nguyễn làm vua từ năm 1802 đến năm 1945 tất cả 143 năm, nhưng chỉ có chủ quyền đến năm 1883 là năm ký hòa ước nhận quyền bảo hộ của nước Pháp.

Vua Gia-Long, khi tức vị, thăng thưởng cho tướng sĩ, tổ-chức lại việc hành chính. Triều đình gồm có sáu bộ là bộ Lại, bộ Lễ, bộ Bình, bộ Hình, bộ Công, bộ Hộ và một tòa đô-sát.

Miền bắc chia làm 11 trấn gọi là Bắc-thành, miền nam chia làm 6 trấn gọi là Gia-dịnh thành, còn 6 trấn và 4 doanh ở miền trung thì đặt dưới quyền kiểm soát trực tiếp của triều đình.

CÂU HỎI. — Nhà Nguyễn làm vua từ năm nào đến năm nào? — Cả thảy bao nhiêu năm? — Nhà Nguyễn giữ được chủ quyền bao nhiêu năm? — Sau khi lên ngôi vua Gia-Long thưởng công cho tướng sĩ thế nào? — Vua Gia-Long đối với các vua nhà Tùy-Sơn thế nào? — Triều đình gồm có mấy bộ? — Tòa đô-sát có nhiệm vụ gì? — Nước ta chỉ làm bao nhiêu trấn? — Ngoài bắc — trong Gia-dịnh — có ai đứng đầu? — Anh nói qua về việc cai trị các trấn và hương thôn.

Bài thứ 8

Vua Gia-Long

TÀI-CHÍNH, PHÁP-LUẬT VÀ BINH-BỊ

Tài chính. — Gia-Long sửa lại thuế má : ruộng chia làm ba hạng tốt xấu, bắt lập sổ địa-bạ để tiện việc thu thuế.

Đàn ông từ 18 đến 60 tuổi, hàng năm phải nộp thuế định.

Những năm bị đại hạn hay vỡ đê thì được giảm hay miễn thuế. Số đinh cứ 5 năm làm lại một lần. Các sản phẩm nhau quế, tò yến, hương, gỗ, các hàng xuất nhập cảng đều phải chịu thuế cả.

Gia-Long khuyến khích việc khai mỏ sắt ở Thái-nguyệt mỏ chì và mỏ bạc ở Cao-bằng.

Ngài mở sở đúc tiền ở Hà-nội và Huế để đúc tiền kẽm, đồng, bạc nén cho dân tiêu dùng. Dân chúng được yên làm ăn, nền kinh tế một ngày một phồn thịnh.

Pháp luật. — Gia-Long sai Nguyễn văn-Thành soạn luật, ta thường gọi là luật Gia-Long. Bộ luật này bắt chước luật nhà Thanh nên không hợp với phong tục của người Việt-nam bằng bộ luật Hồng-Đức.

Công chính. — Gia-Long lo sửa sang đường xá và cống, dắp lại các đê diều để phong giữ nạn lụt. Ngài cho sang đường quan lộ từ ải Nam-quan đến Bình-thuận qua H-nội, Huế, cứ 400 trượng (16 km) lại đặt một nhà trạm để chở hàng ván.

Quân đội. — Là người đã quen đánh dẹp bùi Gia-Long tổ-chức quân-dội có cơ ngũ.

Ở kinh đô có thân-binh và cấm-binh bảo vệ hoàng thành. Linh-binh để đi đánh dẹp giặc giã.

Ở các trấn thì có linh-cơ, lính-mò coi việc an ninh địa-phương.

Tượng-binh có chừng 200 con voi, chia làm 16 vaches.

Thủy binh được đặc biệt chú ý. Thời đó nước ta có chừng 200 chiến thuyền trên có đặt đại bác và súng bắn lại có nhiều thuyền bọc đồng để đi tuần tiễu ngoài kh

Tại các nơi hiểm yếu đều có những đồn lũy kiên cố để phòng bị giặc giã.

BÀI - HỌC

Vua Gia-Long sửa lại thuế má, chia ruộng làm ba hạng tốt xấu, bắt làm sổ đinh, sổ diền để tiện việc thu thuế. Đàn ông từ 18 đến 60 tuổi đều phải đóng thuế đinh. Các sản phẩm như quế, tơ yến, các thứ gỗ, các hàng xuất cảng và nhập cảng cũng đều phải chịu thuế.

Gia-Long sai soạn bộ luật mới thay thế cho bộ luật Hồng-Đức. Ngài bắt sửa sang đường xá; đường quan lộ từ ái Nam-quan đến Bình-thuận cứ 16 kilômét lại lập một nhà trạm để chạy công-văn.

Bộ-binh, tượng binh, thủy binh cũng đều được tổ chức có qui-cử để phòng giặc giã.

CÂU HỎI.— Vua Gia-Long sửa lại thuế đien như thế nào? — Đàn ông phải đóng thuế gì? — Đinh-bà và đền-bạ lập ra để làm gì? — Gia-Long còn đánh thuế nào nữa? — Ngài sai làm bộ luật nào? — Đường xá được sửa sang làm sao? — Bộ binh lúc đó được lô chúc thế nào? — Ngoài bộ binh ra, quân đội Việt-nam lúc đó còn có binh chủng nào nữa?

Vua Gia-Long

GIAO THIỆP VỚI NƯỚC NGOÀI

Giao-thiệp với nước Trung-hoa. — Sau khi diệt nhà Tây-sơn, Gia-Long sai sứ sang Tàu kề tội Nguyễn Huệ và cầu phong. Năm 1804, vua nhà Thanh sai sứ sang tuyên phong. Từ đây hai nước lại giao hữu như cũ.

Giao-thiệp với Chân-lạp và Xiêm-la. — Từ đời các chúa Nguyễn, Chân-lạp (Cao-mên) vẫn triều cống nước ta. Khi Gia-Long và Tây-sơn đánh nhau, quân thế nước ta kém đi, Chân-lạp thắn phục Xiêm-la ('hái-lan). Khi Gia-Long lên ngôi, vua Chân-lạp là Nặc ông-Chân lại bỏ Xiêm-la và triều cống triều đình Việt-nam.

Em Nặc ông-Chân là Nặc ông-Đôn làm phản, đưa quân Xiêm về định cướp ngôi. Nặc ông-Chân phải chạy sang nước ta cầu cứu. Gia-Long sai Lê văn-Duyệt, lúc đó là Gia-dịnh thành tông-trấn, đưa vua Chân-lạp về nước, đồng thời gửi thư trách Xiêm-la. Trước lực lượng mạnh mẽ của ta, vua Xiêm nhượng bộ và ra lệnh rút quân về.

Lê văn-Duyệt cho xây thành Nam-vang là thủ đô Cao-mên, để Nguyễn văn-Thụy lĩnh 10.000 quân ở lại bảo-hộ Chân-lạp.

Giao-thiệp với nước Pháp. — Gia-Long biệt đãi những người Pháp có công với ngài. Se-nhô (Chaigneau), Van-

ni-ê (Vannier) cùng nhiều người nữa được phong tước và được liệt vào hoàng tộc.

Các tầu buôn của người Pháp ghé Đà-năng cũng được tiếp đón tử tế.

Nhưng Gia-Long không chính thức giao thiệp với nước Pháp. Năm 1817, nước Pháp sai sứ sang nhắc lại việc thi hành hiệp-ước Véc-say (Versailles). Nhưng Gia-Long không tiếp sứ và trả lời rằng hiệp-ước không hề được nước Pháp thi hành thì tất nhiên không còn giá trị nữa.

Giao thiệp với nước Anh.— Nhiều lần vua nước Anh, sai sứ mang phẩm vật sang để xin buôn bán với nước ta, Gia-Long lần nào cũng nhất quyết cự tuyệt. Chính sách bế-quan tỏa-cảng bắt đầu từ đó và có ảnh hưởng tai hại cho nước ta về sau này.

BÀI HỌC

Vua Chân-lạp (Cao-mên) là Nặc Ông-Chân
vẫn thắn phục triều đình Việt-nam. Em Nặc
Ông - Chân là Nặc Ông - Đôn đón quân Xiêm-
la về định cướp ngôi vua của anh.

Gia-Long gửi thư trách vua Xiêm-la và đồng thời sai Lê văn-Duyệt đem 10.000 quân đưa vua Chân-lạp về nước. Quân Xiêm-la phải rút về và quân ta ở lại bảo-hộ Chân-lạp.

Gia-Long trọng đài những người Pháp có công với ngài như Van - ni - ê (Vannier), Se - nhô (Chaigeau), cho phép những tầu buôn của người Pháp đến buôn bán ở Đà-năng, nhưng không chính thức giao-thiệp với nước Pháp.

Nhiều lần vua nước Anh sai sứ sang xin buôn bán với nước ta, Gia-Long đều chối từ. Chính sách bế-quan tỏa-cảng đó có ảnh hưởng rất tai hại cho nước ta sau này.

CÂU HỎI. — Vua Chân-lạp vẫn thắn phục nước nào? — Em vua Chân-lạp phản quốc ra sao? — Gia-Long bệnh vực Nặc Ông-Chân thế nào? — Kết quả cuộc can thiệp này thế nào? — Đối với những người Pháp có công, Gia-Long cư xử thế nào? — Các tầu buôn Pháp có được biệt đãi không? — Gia-Long có cho người Anh buôn bán ở nước ta không? — Chính sách bế quan tỏa cảng có hại gì cho nước ta không?

Bài thứ 10

Vua Thánh tổ : Niên hiệu Minh-Mạng (1820-1840)

VIỆC NỘI TRỊ

Nội trị. — Mạnh-Mạng sửa sang việc cai trị, triệt để lập trung chính quyền về triều đình. Ngài lập thêm tôn-nhân phủ đế nâng cao quyền lợi của hoàng-tộc, cơ-mật viện để bùn bắc và quyết định các việc quan-trọng về chính-trị và quân-sự. Các

chức tông-trấn đều bāi bỏ. Các trấn đều đổi thành tinh có luân-phủ đứng đầu. Bốn năm tinh lại đặt một chức tông-dốc để kiềm-soát công việc và đánh dẹp giặc giã.

Thuế má. — Các thứ thuế định, thuế điền, thuế mỏ, đều theo như triều Gia-Long. Dân Trung-hoa sang làm ăn bên ta đều phải họp thành ấp, gọi là Minh-hương và đều phải nộp thuế đầy đủ.

Thuế muối cũng được sửa sang để tránh những vụ trốn thuế.

Xã hội. — Để giúp đỡ dân nghèo, Minh-Mạng dựng nhà dưỡng tế tại các tỉnh ngoài bắc : những người già cả mà nghèo khó, cò độc hay tàn tật đều được đến ở và được cấp gạo và tiền.

Võ bị. — Vì trong nước lăm giặc giã, nên Minh-Mạng đặc biệt săn sóc đến việc võ bị, Ngài chỉnh đốn lại quân đội, định lại phầm trật cho các quan võ, và thường ra chiếu khuyên các quan năng luyện tập binh mã.

Giết hại công thần. — Minh-Mạng có tâm địa hẹp hòi nên tìm cách hâm hại công thần. Một số quan lại a-dua tìm cách bới móc những tội lỗi không đâu của các đại thần để được lòng chúa.

Lê văn-Duyệt vì có con nuôi là Lê văn-Khôi làm giặc nên bị kết bảy tội nên trám và hai tội nên giảo. Lê văn-Duyệt tuy chết, nhưng mộ bị san phẳng, trên đóng cọc xích lại.

Lê Chất, một danh tướng của Gia-Long, cũng bị kết sáu tội nên chết. Mả Lê Chất cũng bị san phẳng, gia sản bị tịch biên, vợ con bị giam cho đến lúc chết.

BÀI HỌC

Vua Minh-Mạng sửa sang việc cai-trị, tập trung quyền hành về cả triều đình. Các chức tổng-trấn đều bị bãi bỏ. Các trấn đều đổi thành tỉnh có tuần-phủ cai-trị.

Thuế má cũng được sửa sang cho công bằng. Minh-Mạng lập những nhà dưỡng tể để nuôi những người già cả, tàng tật, tổ chức quân đội cho thêm qui-cử, định lại phẩm trật cho các quan vō và bắt quân lính nǎng luyện tập để phòng giặc giã.

Tâm địa hẹp hòi, Minh-Mạng bới móc những lối nhỏ của các đại thần có công gây dựng nên nhà Nguyễn và xử nhiều vụ án bất công làm lầm người bị tù tội oan uổng.

CÂU HỎI.— Vua Minh-Mạng sửa sang việc cai-trị thế nào ? — Quyền hành được tập trung ở kinh đô thế nào ? — Thuế má có được sửa sang lại không ? Việc vō bị được chỉnh đốn lại thế nào ? — Vua Minh-Mạng cư xử với các công thần ra sao ? — Kè vài vụ án do độ lượng hẹp hòi của nhà vua mà ra.

Bài thứ 11

Vua Minh-Mạng NHỮNG CUỘC NỒI LOẠN Ở NAM-VIỆT

Nguyễn nhân những cuộc nổi loạn.— Nhà Nguyễn tuy làm vua từ năm 1802, nhưng ở ngoài bắc nhiều người còn tưởng nhớ tới nhà Lê, nổi lên chống lại triều đình.

Quan lại thời đó, nhất là tại các tỉnh, phủ, huyện có
nhiều người tham nhũng, dè nén dân chúng, làm lầm điều
sẵng bậy khiến lòng người oán giận.

Vua Minh-Mạng tám địa hép hỏi, cư xử với quan lại thì
không có độ lượng, với dân chúng thì khắc nghiệt.

Vì vậy, số người bắt mẫn một ngày một đồng, giặc
cướp nỗi lên khắp nơi, khiến quan quân phải đi đánh dẹp
vất vả, dân sự lầm than khổ sở.

Giặc giã ở Nam-việt : Lê văn-Khôi.-- Lê văn-Duyệt,
tông-trấn Gia-dịnh vốn là người thẳng thắn nên Minh-Mạng
không ưa. Khi ông mất, bổ chánh thành Phiên-an, là người
tàn ác, lại muốn lập công với triều đình bèn đòi hỏi, bắt bớ
giam cầm những thuộc hạ cũ của ông ngày trước.

Lê văn-Khôi là con nuôi Lê văn-Duyệt, lúc đó đang làm
phó vệ-úy, cũng ở trong số những người bị Bạch-xuân Nguyên
bắt giam.

Phần thi túc giận, phần thi sợ tội, Khôi mưu với đồng
đảng và một số quan lính, nỗi lên giết Bạch-xuân Nguyên, chiếm
lấy thành Phiên-an tức là thành Gia-dịnh ngày nay (tháng 5
năm 1833). Khôi tự xưng là Đại-nghuyên-sùy, đặt các quan chức
như một triều đình riêng vậy và trong vòng một tháng chiếm
cả 6 tỉnh miền Gia-dịnh.

Triều đình sai Tống-phúc Lương đem quân vào đánh.
Biết thế chống không nổi, Khôi rút vào thành Phiên-an rồi
cho người sang Xiêm-la cầu cứu.

Vua Xiêm, nhận cơ hội ấy, sai năm đạo binh sang đánh
nước ta, nhưng quân Xiêm đều bị thua khắp các mặt trận.

Cuối năm ấy, Lê văn-Khôi phải bệnh chết, nhưng vì chính sách quá nghiêm khắc của Minh-Mạng, quân giặc trong thành cứ chống giữ mãi, non ba năm trời quan quân mới hạ được thành.

Thủ hạ của Khôi, tất cả 1.831 người đều bị giết, đem chôn vào một chỗ, gọi là « mả ngụy », còn những chánh phạm thì đóng cùi giả về kinh làm tội.

Từ đó, miền Nam-việt mới được yên ổn.

BÀI HỌC —

Tuy nhà Nguyễn làm vua từ năm 1802, nhưng nhân dân ngoài bắc nhiều người còn tưởng nhớ tới nhà Lê. Vua Minh-Mạng thi hành một chính sách khắt nghiệt, quan lại thi nhiều người tham nhũng nên trong nước lầm giặc giã.

Khi tổng-trấn Gia-dịnh là Lê-văn Duyệt mất đi, bổ-chánh thành Phiên-an là Bạch-xuân Nguyễn bắt các thuộc hạ cũ của Lê văn-Duyệt đem làm tội. Lê-văn Khôi bèn mưu với đồng đảng, chiếm lấy thành Phiên-an rồi sau chiếm 6 tỉnh miền Gia-dịnh. Bị quân triều đình vây đánh, Khôi rút vào thành Phiên-an. Năm đao quân Xiêm-la sang cứu Khôi cũng đều bị đánh tan. Sau khi Khôi chết các đồng đảng của y cũng cố giữ thành non ba năm mới chịu hàng.

CÂU HỎI.— Tại sao về đời Minh-Mạng, trong nước lầm giặc giã?—Quan trọng nhất là đám giặc nào?—Bạch xuân-Nguyễn là người thế nào?—Tại sao Khôi chống lại triều đình? —Lúc đầu, Khôi thắng lợi thế nào? —Bị thua, Khôi làm thế nào?—Khi Khôi

chết, đồng đang của y có bị hàng không? — Những tên giặc ra hàng bị trưng trị thế nào? — Anh nghĩ gì về chính sách của Minh-Mạng thời bấy giờ?

Bài thứ 12

Vua Minh-Mạng

NHỮNG CUỘC NỘI LOẠN Ở BẮC-VIỆT

Về đời Minh-Mạng, giặc giã ở miền bắc thì nhiều, khắp các tỉnh, chỗ nào cũng có, nhưng thanh thế to hơn cả thì có Phan-bá Vành, Lê duy-Lương và Nông-văn Vân.

Phan bá-Vành.— Năm 1826, Phan bá-Vành khởi binh ở Nam-dịnh, đánh phá miền Hải-hậu, Xuân-trường. Trấn-thủ Nam-dịnh là Lê mậu-Cúc đeo quân xuống đánh cũng bị tử trận. Triều-dinh cử đại binh di dẹp, quân Vành tan vỡ. Vành chạy ra biển, hợp với bọn giặc Khách về quấy rối mạn Hải-dương, Thái-bình, Nam-dịnh. Bị quan quân vây đánh, Vành bị bắt ở Trà-lũ (Nam-dịnh) cùng với hơn bảy trăm đồng đảng.

Lê-duy Lương.— Lê duy-Lương là dòng dõi nhà Lê. Năm 1833, Lương giãy binh ở Ninh-bình, xưng là Đại-Lê Hoàng-tôn rồi đem quân di đánh các châu-huyện.

Minh-Mạng sai tông-đốc Nghệ-tĩnh là Phạm quang-Cự, tông-đốc Thanh-hóa là Nguyễn văn-Trọng đi đánh. Lương chỉ chống cự được vài ba tháng thì bị bắt, đóng cùi giải về kinh trị tội.

Nông văn-Vân.— Nông văn-Vân là anh vợ Lê-văn Khôi. Khi Lê-văn-Khôi làm loạn ở Nam-việt, triều đình sai bắt anh em, họ hàng Khôi để trị tội.

Nông văn-Vân, lúc đó đang làm tri-châu Bảo-lạc, biết vấp đến thân, bèn nỗi lên xưng là Tiết-chế thương-tướng-quản, rồi chia quân đi quấy rối miền Tuyên-quang, Hà-giang, Cao-bằng, Thái-nguyên, (1833). Quân Triều-định tuy đông, nhưng Văn dựa vào núi non hiểm trở, sắn chõ ẩn nấp, khi lực lượng mạnh thì đánh, khi lực lượng yếu thì lui.

Ròng rã hơn hai năm trời, quan quân phải trèo non lặn suối rất là vất vả, tốn bao quân lính mới dẹp được loạn này.

Kết-quả của các cuộc nổi loạn.— Những cuộc nổi loạn dưới triều Minh-Mạng tuy đều được dẹp yên, nhưng do đó mà nền kinh-tế bị sút kém, tinh thần quốc-gia bị suy nhược và nước nhà bị kiệt quệ, không đủ sức đương đầu với bọn giặc Khách và quân đội tây phương sau này.

BÀI HỌC

Về đời Minh-Mạng, ở ngoài bắc có nhiều giặc giã, nhưng thanh thố to hơn cả thì có Phan bá-Vành, Lê-duy Lương và Nông-văn Vân.

Phan-bá Vành làm loạn ở miền Hải-hậu tỉnh Nam-định. Bị truy nã, Vành hợp với bọn giặc Khách về quấy rối mạn Hải-dương, Thái-bình, Nam-định, sau bị bắt ở Trà-lũ (Nam-định).

Lê duy-Lương là dòng dõi nhà Lê, nỗi lèn ở Ninh-bình sau cũng bị bắt đóng cùi giải về kinh trị tội.

Nóng văn-Vân làm tri-châu Bảo-lạc, vì là anh vợ Lê-văn Khôi nên bị lùng bắt. Vân bèn phản lại triều-định, sai quân đi cướp phá mấy tỉnh Cao-bằng, Lạng-sơn, Hà-giang, Tuyên-quang. Quan quân phải đánh dẹp vất vả hơn hai năm trời mới trừ được giặc này.

CÂU HỎI.— Về đời Minh-Mạng ở miền Bắc có những bọn giặc nào tham thế to hơn cả ? Phan bú-Vành làm loạn ở đâu ? — Bị thua, Vành hợp với bọn giặc nào ? — Vành bị bắt ở đâu ? — Lê duy-Lương làm loạn ở đâu ? — Lương có bị dẹp yên không ? — Tại sao Nóng văn-Vân nổi lên chống lại quân triều-định ? — Vân đánh phá những tỉnh nào ? — Tại sao việc đánh dẹp Vân lại khó khăn ? — Anh nghĩ gì về những cuộc nổi loạn này ?

Bài thứ 13

Vua Minh Mạng

GIAO THIỆP VỚI NƯỚC NGOÀI

Giao thiệp với Ai-lao.— Về đời Minh-Mạng, xứ Ai-lao chia làm nhiều nước nhỏ. Các nước nhỏ đó thường đem quân đánh lấn nhau. Năm 1827, người Nam-chưởng (Luang-prabang) hợp với quân Xiêm-la cướp phá Trấn-ninh. Tù-trưởng Trấn-ninh là Chiêu-nội xin phụ thuộc vào nước Việt-nam.

Thầy Trấn-ninh nhờ vậy được yên ổn, các nước nhỏ khác như Tam-động, Sầm-núra, Cam-cốt, Cam-môn cũng xin nội thuộc nước ta.

Giao-thiệp với Chân-lạp.— Khi Lê văn-Khôi làm loạn ở Việt-nam, quân Xiêm chiếm lấy thành Nam-vang là thủ đô Chân-lạp, đuổi vua Chân-lạp là Nặc ông-Chân, rồi tràn sang nước ta. Trương-minh Giảng phá được quân Xiêm ở Châu-dốc, tiến binh lên Nam-vang, đưa vua Chân-lạp về nước. Trương minh-Giảng lập đồn ở những nơi hiểm yến, đóng quân để bảo hộ Chân-lạp.

Khi Nặc ông-Chân mất, Minh-Mạng cho con gái Nặc ông-Chân lên làm quận-chúa, chia nước Chân-lạp làm quận, huyện, để cai trị.

Người Chân-lạp, không chịu nền bảo hộ, nổi lên đánh phá khắp mọi nơi. Quân ta dẹp mãi không được, đến năm 1841 phải rút về.

Giao thiệp với các nước tây phương.— Minh-Mạng thi-hành hai chính sách: cấm đạo công-giáo và triệt để không cho người Âu-tây sang buôn bán.

Ở kinh đô, những người Pháp giúp vua Gia-Long chỉ còn vài người. Năm 1821, vua nước Pháp cử Se-nhô (Chaigneau) làm lãnh sự và xin thông thương. Minh-Mạng tiếp đãi Se-nhô tử tế, nhưng từ chối việc ký hiệp ước thương mại.

Sau đấy cũng có nhiều tàu buôn Pháp và Anh-cát-lợi cập bến Đà-nẵng, xin buôn bán với nước ta, nhưng Minh-Mạng nhất nhất từ chối từ.

Chính sách bế-quan tỏa-cảng, bắt đầu từ triều Gia-Long, rất có hại cho nước ta. Người Việt-nam, vì chính sách này, chẳng khác chi ếch ngồi đáy giếng, không nhìn rõ những sự tiễn bợ của nền văn-minh Âu-tây, và vì vậy đã phạm nhiều lầm lỗi trong việc ngoại giao sau này.

BÀI HỌC

Về đời Minh-Mạng, Ai-lao chia làm nhiều nước nhỏ. Bị quân Xiêm sang quấy nhiễu, các tú-trưởng Trấn-ninh, Cam-môn, Sầm-núra đều xin Việt-nam bảo-hộ để được yên ổn làm ăn.

Khi Lê văn-Khôi làm loạn ở Nam-việt (1833), quân Xiêm chiếm thành Nam-vang là thủ đô Chân-lạp. Tướng Việt-nam là Trương minh-Giảng, phá được quân Xiêm, đưa vua Chân-lạp về nước và bảo-hộ xứ này. Nhưng người Chân-lạp không chịu, nồi lên đánh phá khắp nơi. Quân ta dẹp không được, đến năm 1841 phải rút về.

Đối với người tây phương, Minh-Mạng triệt để cấm đạo công-giáo, không nhận sứ thần của nước Pháp và không cho người Âu-tây sang buôn bán ở nước ta. Mỗi bất hòa giữa Pháp và Việt-nam bắt đầu từ đó.

CÂU HỎI.— Về đời Minh-Mạng, nước Ai-lao đã được thống nhất chưa? — Tại sao các tú-trưởng Ai-lao xin nội thuộc nước ta? — Nhân dịp nào, quân Xiêm chiếm Chân-lạp? — Việt-nam bênh vực Chân-lạp thế nào? — Người Chân-lạp có chịu nhận nền bảo hộ của ta không? — Ý kiến anh về cuộc bảo hộ này thế nào? — Đối với người Âu-tây, Minh-Mạng thi-hành chính sách gì? — Chính sách này có lợi gì cho nước ta không?

Vua Hiển tօ : Niên hiệu Thiệu-Trị

(1841 - 1847)

Về nội-trị. — Thiệu-Trị là một ông vua tinh thông nho học, tính nết thuần hòa. Trong sáu năm làm vua, Ngài không sửa đổi gì, học hiệu, chế độ thuế má, điều gì cũng theo như triều Minh-Mạng cả.

Giao thiệp với Xiêm-la. — Ở Trà-vinh có tên Lâm Sâm cung một số thày chùa khởi loạn. Khi quân triều đình đánh tan, dư đảng của Lâm Sâm bèn rước quân Xiêm-la về đánh phá miền tây Nam-việt. Quân ta, do Lê văn-Đức chỉ-huy, chia làm ba mặt, tiến đánh quân Xiêm. Giặc thua to phải rú về Nam-vang (Chân-lạp).

Ở Nam-vang, quân Xiêm tօ ra tàn bạo, người Chân-lạp không phục, sang ta cầu cứu. Triều đình sai Võ văn-Giải sang kinh lý việc Chân-lạp.

Năm 1845, quân ta đại phá quân Chân-lạp ở dồn Dây-sắt, lấy lại thành Nam-vang. Đoạn quân ta tiến lên, vây quân Xiêm-la ở U-dòng (Oudon), tướng Xiêm là Trát-Tri xin giảng hòa và rút và nước, trả lại đất Chân-lạp cho người Chân-lạp.

Vua Chân-lạp là Nặc օng-Đôn cũng dâng biểu lên vua Thiệu-Trị để tạ tội và sai sứ sang triều cống. Thiệu-Trị phong cho Nặc công-Đôn là Cao-mèn Quốc-vương và hạ lệnh cho quân đội rút về nước.

Từ đó việt-Nam mới được yên ổn.

Việc cấm đạo. — Cũng như Minh-Mạng, Thiệu-Trị cũng cấm đạo công-giáo. Các giáo sĩ ngoại-quốc vẫn bị giam ở Hué.

Năm 1843, trong tá hải quân Pháp Pha-vanh Lơ-véc (Favin Levêque) đến Đà-nẵng xin cho năm giáo-sĩ được tha.

Năm 1845, một giám-mục Pháp là Lơ-phe (Lefèbre) bị xử tử, nhưng tướng Xè-xin (Cécille), tư-lệnh hải quân Pháp ở Viễn-dông can-thiệp, nên Lơ-phe được tha.

Năm 1847, đại-tá La-pi-e (Lapierre) đem hai chiến thuyền đậu ở Đà-nẵng, gửi lên Thiệu-Trị một bức thư phản kháng việc cấm đạo và yêu cầu triều-dinh Việt-nam cho phép các giáo sĩ tự do truyền đạo trong nước.

Trong khi hai bên còn đang thương-nghỉ về việc này, thì quân Pháp thấy quân ta chuẩn bị kháng-chiến bèn nổ súng bắt đầu chiến thuyền của ta rồi nhô neo ra biển.

Được tin này, Thiệu-Trị lấy làm bất-bình, hạ lệnh cấm người ngoại-quốc vào giảng đạo và trị tội những người theo đạo công-giáo ngặt hơn trước,

BÀI HỌC

Vua Hiển-tồ, niên hiệu Thiệu-Trị, tính nết ôn-hòa
Trong đời Ngài làm vua, mọi việc học hành, cai-trị
thuế má, việc gì cũng theo đúng như triều trước.

Khi Ngài mới lên ngôi, ở Trà-vinh có Lâm Sâm
làm loạn. Bị quân triều-diều đánh tan dứ đảng của
Lâm Sâm đi đón quân Xiêm-la về quấy nhiễu miền

Nam-việt. Quân ta tiến đánh, quân Xiêm phải rút về Nam-vang. Năm 1845, quân ta phá quân-Chân-lạp ở gần Nam-vang, vây quân Xiêm ở U-dông. Tướng Xiêm là Trết tri phải xin giảng hoà và rút quân về. Vua Chân-lạp xin triều cống nước ta như cũ.

Đầu đời Thiệu-Trị việc cấm đạo cũng giảm bớt, nhưng năm 1847, đại-tá La-pi-e (Lapierre) đem chiến thuyền vào Đà-năng. Vì một sự hiểu lầm, bắn đắm chiến thuyền của quân ta, việc cấm đạo lại ngặt nghèo hơn trước.

CÂU HỎI. — Thiệu-Trị tinh nết thế nào? — Ngài có sỉa sang được gì không? — Khi ngài mới lên ngôi, có ai làm phản? — Dư đảng của Lâm Sâm phản quốc thế nào? — Quân ta thắng quân Xiêm những trận nào? — Kết quả cuộc chiến-tranh này thế nào — Đầu đời Thiệu-Trị, việc cấm đạo thế nào? — Tại sao cuối đời Thiệu-Trị, việc cấm đạo lại ngặt nghèo hơn trước?

Bài thứ 15

Văn - hóa nước ta về đời nhà Nguyễn

Việc học hành và thi cử. — Các vua nhà Nguyễn đều săn sóc đến việc học hành, thi cử. Tại các phủ, huyện đều có huấn-đạo, giáo-thụ, tại các tỉnh có đốc-học để dạy dân học.

Về đời Gia-Long thi cứ sáu năm một lần thi hương, đến đời Minh-Mạng thì 3 năm một lần thi hương và một lần thi hội, những người đỗ kỳ thi hương gọi là cử-nhan hay tú-tài. Những người đỗ kỳ thi hội gọi là hoàng-giáp, tiến-sĩ hay phó-bảng và đều được vua ban mũ áo, vinh quí về làng.

Quốc văn về đời nhà Nguyễn.— Từ đời Lê mạt và đời Tây-Sơn, các nhà văn đã dần dần thoát ly ảnh hưởng của Hán văn và đã bắt nguồn sống của nhân dân, nên quốc-văn đã tiến bộ rất nhiều. Sang đến đời Gia-Long, các nho giả quay về tiếng mẹ đẻ, diễn đạt tự-tưởng của mình bằng chữ nôm, mỗi ngày một đông, vì vậy quốc văn tiến bộ rất mau.

Ta có thể chia làm hai thời kỳ :

1.— Thời kỳ thứ nhất: từ năm 1802 đến năm 1820

2.— Thời kỳ thứ hai: từ năm 1820 cho đến khi người Pháp sang lập cuộc bảo-hộ.

a) *Thời-kỳ thứ nhất.*— Trong buổi Nguyễn Sơ, các thi-gia phần nhiều là những cựu thần nhà Lê miên cưỡng phải thờ nhà Nguyễn nên trong thơ văn thường thô lòi lòng tưởng nhớ nhà Lê, than tiếc cảnh cũ. Hai thi gia tiêu biểu cho phái ấy là Phạm quý-Thích tác giả Thảo-dường thi-tập và Nguyễn Du, tác giả Bắc hành thi-tập và Đoạn-trường tân-thanh (tức truyện Kiều).

b) *Thời-kỳ thứ hai.*— Thời kỳ này các danh sĩ một ngày một nhiều, Lý-văn Phúc, Nguyễn-định Chiều, Bùi-hữu Nghĩa, Tôn-thọ Tường, bà huyện Thành-quan Cao-bá Quát, Nguyễn-công Trứ đều là những danh sĩ thời bấy giờ.

Sử-ký, địa-dư.— Các vua triều Nguyễn đặc biệt đề ý đến quốc sử và sai quốc sử-quán viết những sách như Đại-nam

vực-lục. Đại-nam liệt-truyện, Khâm-dịnh Việt-sử, Thông-giám cương-mục.

Nhất-thống địa-dư chí, Đại-nam nhất-thống chí. Gia-dịnh thống-chí đều là những sách địa-lý thời bấy giờ.

Chữ quốc-ngữ.— Chữ quốc-ngữ đã có từ thế-kỷ thứ 17. Theo bộ tự-diễn của A-léch-dăng do-rốt (Alexandre de Rhodes) soạn vào năm 1651, chữ quốc-ngữ thời đó còn có nhiều cách phiên-âm khác bấy giờ.

Các hình thức hiện giờ của chữ quốc-ngữ là do Bá-đa-lộc và Ta-be (Taberd) sửa đổi vào năm 1808. Linh-mục Ta-be đã xuất bản cuốn Nam-việt dương-hiệp tự-vựng làm cǎn-bản cho chữ quốc-ngữ sau này.

BÀI HỌC

Các vua nhà Nguyễn đều săn sóc đến việc học hành, tại phủ huyện đặt chức giáo-thụ, huấn-đạo, tại tỉnh đặt chức đốc-học để dạy dân học. Đời Gia-Long thì cứ 6 năm mở một kỳ thi hương, đời Minh-Mạng thì cứ 3 năm triều-dịnh lại mở một kỳ thi hương và một kỳ thi hội. Những người đỗ đều được vua ban mũ áo, vinh-quí về làng, được bồ làm quan. Các nho gia dần dần thoát ty ảnh hưởng của Hán-văn, quay về tiếng mẹ đẻ, diễn đạt tư-tưởng bằng tiếng nôm nên quốc-vă.i cũng tiến-bộ rất nhiều, vì vậy thế kỷ thứ 19 đã sản xuất được rất nhiều thi gia có tiếng như Phạm quý-Thích, Nguyễn Du, Nguyễn Đình-Chiểu, Bùi Hữu-Nghĩa, Tôn Thọ-Tường, Nguyễn Công-Trứ, Cao Bá-Quát. Sử học và địa-lý học cũng được triều-dịnh để ý tới.

Chữ quốc-ngữ đã có từ thế kỷ thứ 17 và đã được giám-mục Bá-đa-Lộc và linh-mục Ta-be sửa đổi; và lối phiên-âm đời Gia-Long cũng đã gần giống lối phiên âm ngày nay.

CÂU HỎI.— Các nhà vua Nguyễn tổ-chức việc học thế nào? — Người thi đỗ được ban thưởng thế nào? — Các nho gia về đời Nguyễn so với các nho gia đời Lê mạt đã tiến bộ thế nào? — Kể các thi gia có tiếng thời đó. — Chữ quốc-ngữ được sửa đổi thế nào? — Người nào có công lớn trong việc sửa đổi chữ quốc-ngữ thời đó.

Bài thứ 16

Vua Dục-Tôn : Niên hiệu Tự Đức

(1848 — 1883)

Chính sách cai-trị của Tự-Đức.— Năm 1847, Thiệu-Trị mất, Tự-Đức lên vua. Về phương diện cai-trị thì cũng như các triều Minh-Mạng và Thiệu-Trị, nhưng việc cấm đạo có phần ngặt hơn trước.

Tuy Tự-Đức châm lo việc nước, nhưng trong đời Ngài có rất nhiều giặc giã.

Nguyên nhân những cuộc nổi loạn.— Nền kinh tế lạc hậu và chính sách bế-quan tỏa-cảng của triều đình đã đưa dân ta đến nạn đói khô. Chính sách tham nhũng của

một số quan lại thời bấy giờ làm số người bắt đắc chí một ngày một đóng. Vì vậy, khi có người hô hào làm giặc thì số người theo rất nhiều.

Bên Trung-hoa, đảng Thái-binh thiên-quốc bị quân Thanh triều đánh đuổi, tràn sang nước ta cướp phá mọi nơi. Quân đội của triều-dinh phần thi thiếu luyện tập, phần thi thiếu khí giới, lại phải đương đầu với quân nước Pháp xăm-lăng thành không đủ lực lượng để dẹp các đám giặc trong nước.

Những giặc giã.— a) *Giặc Tam-Đường* — Năm 1851, ba tên giặc khách là Quang nghĩa-Đường, Lục thắng-Đường và Đức thắng-Đường quấy nhiễu miền Thái-nguyễn. Sau ông Nguyễn Đăng-Giai dù được chúng về hàng.

b) *Giặc Châu-chấu*.— Năm 1854, Cao bá-Quát khởi loạn ở Sơn-tây, tôn Lê duy-Cự làm minh chủ. Năm đó có nhiều châu-chấu phá hại mùa màng nên dân chúng gọi giặc này là giặc Châu-chấu. Sau Cao bá-Quát và Lê duy-Cự bị phó lãnh-binh Sơn-tây là Lê Thuận bắt được.

c) *Giặc tên Phụng*.— Năm 1861, Tạ văn-Phụng làm loạn ở Quảng-yên rồi đưa giặc Tàu-ô vào quấy rối mạn Hải-dương.

Phụng lại liên lạc với Nguyễn văn-Thịnh túc cai-tông Vàng lúc đó đang cướp phá mấy tỉnh Bắc-ninh, Bắc-giang, Thái-nguyễn.

Triều-dinh sai Nguyễn-tri - Phương đem quân đi dẹp. Quan quân thoát tiên dẹp giặc Cai-tông Vàng, rồi tiến ra miền duyên hải tiêu diệt bọn Tạ văn-Phụng. Phụng chạy ra các đảo ngoài biển, mãi đến năm 1865 mới bị bắt, đồng đảng cũng bị tan vỡ.

d) Giặc Đinh Đạo.— Một số người bất mãn ở kinh thành lập ra Sơn-dông thi-tửu hội, tôn Đinh Đạo làm minh chủ và chiêu dụ những quan linh đang phải xây lăng khó nhọc. Năm 1866, bọn Đinh Đạo đem quân vào cung, định giết Tự-Đức, nhưng chúng bị quan quân đánh tan.

e) Giặc khách.— Năm 1866, dư đảng của Thái-bình thiên-quốc, do Ngô Côn cầm đầu tràn sang ta, chiếm giữ miền thượng du Bắc-việt.

Khi Ngô Côn chết, đồ đảng là bọn Hoàng sùng-Anh (cờ vàng), Lưu vĩnh-Phúc (cờ đen) và Bàn văn-Nhị (cờ trắng) mới bọn chiếm cứ một miền, quấy nhiễu dân chúng cho đến khi người Pháp sang cai trị mới thôi.

Kết quả các cuộc nội loạn.— Các cuộc loạn ly này làm cho dân sự diêu linh khổ sở, nước nhà kiệt quệ không đủ sức đương đầu với nạn ngoại xâm.

BÀI HỌC

Dưới triều Tự-Đức, nền kinh tế lạc hậu, nạn quan lại tham nhũng làm dân chúng bất mãn, nhiều người lợi dụng cơ hội nổi lên chống lại triều đình. Các dư đảng của Thái-bình thiên-quốc tràn sang nước ta làm cho dân chúng thêm khổ sở.

Thuở đó, giặc Tam Đường quấy rối tỉnh Thái-nguyên, giặc Châu-chấu cướp phá Sơn-tây, Tạ văn-Phụng làm loạn ở Quảng-ý-en, Nguyễn văn-Thịnh ở Bắc-ninh, Đinh Đạo làm phản ở kinh đô. Những bọn này vừa dẹp được yên thì dư đảng của Thái-bình thiên quốc là bọn cờ đen, cờ vàng, cờ trắng chia nhau chiếm cứ miền thượng du Bắc-việt, tàn sát dân chúng cho đến khi người Pháp sang bảo hộ mới thôi.

CÂU HỎI. — Tại sao dưới triều Tự-Đức, nước ta hay có nội loạn ? — Kè những đám giặc lớn thời bấy giờ, Bọn Tam Đường quấy nhiễu ở đâu ? — Ai dù được chúng hàng ? — Tại sao ta gọi là giặc Châu-chấu ? — Giặc này do ai cầm đầu ? — Ai bắt được Cao bá-Quát ? — Tạ văn-Phụng quấy rối man nào ? — Cai-tông Vàng quấy rối tinh nào ? — Chúng bị ai đánh dẹp ? — Ở kinh-đô có ai làm phản ? — Dư Đảng Thái-binh thiên-quốc tàn sát dân ta ở miền nào ?

Bài thứ 17

Nguyên nhân cuộc chiến tranh Việt-Pháp SỰ TIẾN-BỘ CỦA NỀN KINH-TẾ ÂU-TÂY

Những sự tiến-bộ của nền kinh-tế Âu-tây. — Cuối thế-kỷ thứ 18 và đầu thế-kỷ thứ 19, nền kinh-tế Âu-tây tiến-bộ rất nhiều. Tất cả các ngành canh-nông, thương-mại, kỹ-nghệ, hóa-học, vật-lý-học đều bước những bước dài nhờ sự sáng chế của các nhà bác-học.

Sáng chế quang trọng nhất trong ngành kỹ-nghệ là máy hơi nước. Máy này được đem áp dụng để lắp vào đầu xe lửa, tàu thủy khiến sự giao thông trở nên tiện lợi và nhanh chóng. Nền kỹ-nghệ, nhất là nền kỹ-nghệ kim-khi, cũng nhờ máy này trở nên thịnh vượng.

Các nhà doanh nghiệp châu Âu nghĩ ra cách hùn vốn để lập các công-ty vô-danh khiến những người ít vốn cũng có thể điều khiển các công xưởng lớn lao. Việc phân công tỷ mỷ và việc áp dụng cơ khí vào tất cả các ngành công nghệ làm cho các hàng sản xuất một ngày một rẻ, một nhiều và một tinh xảo. Chỉ trong vòng năm chục năm, các nước Anh, Pháp, Đức, Hoa-kỳ trở nên những nước tư bản trù phú.

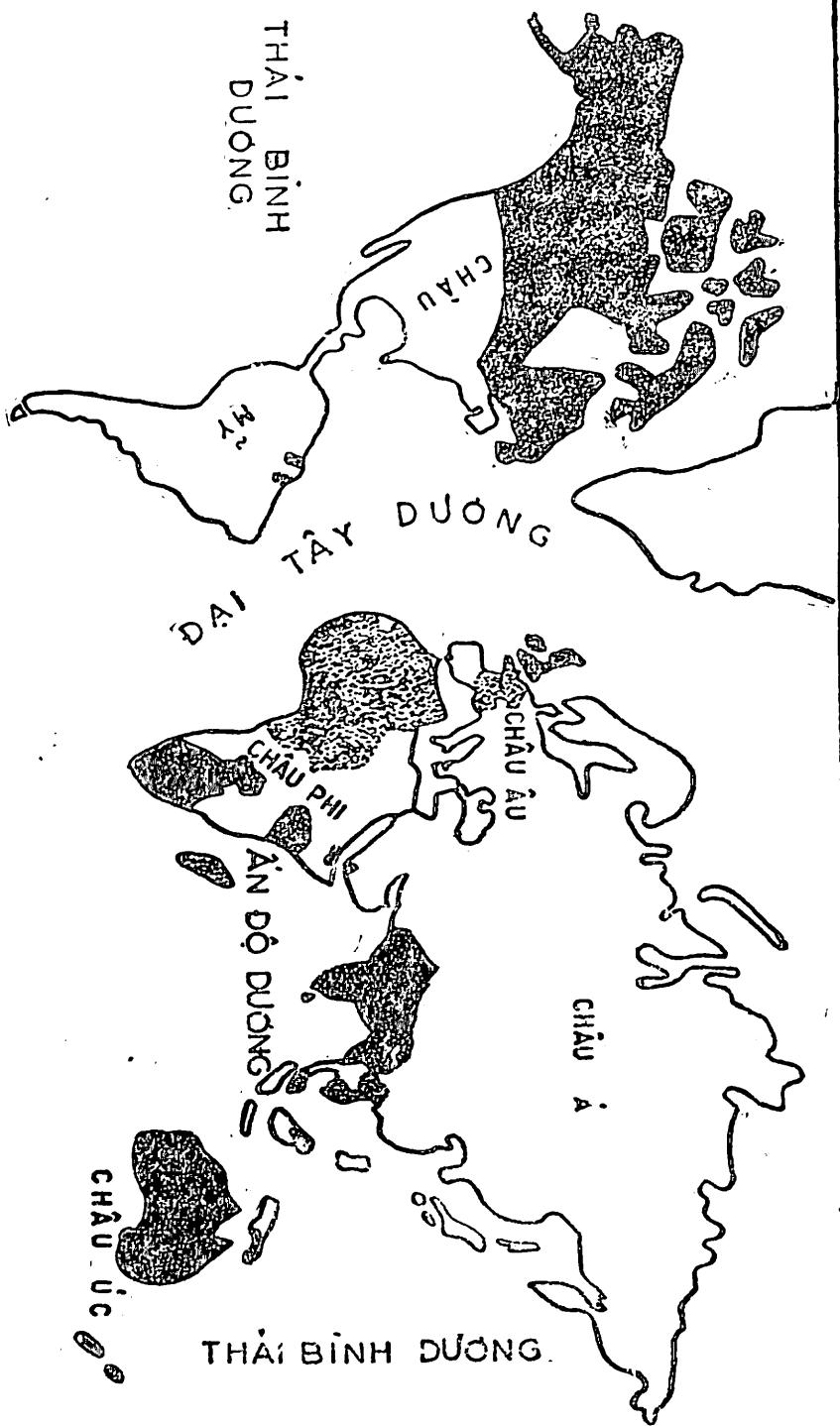
Nhưng sản xuất hàng hóa chưa đủ, cần phải nghĩ đến việc tiêu thụ hàng hóa và mua những nguyên liệu bằng giá rẻ.

Các nước Âu-tây đi tìm thuộc địa.— Muốn tiêu thụ hàng sản-xuất, các nước Âu-tây không thể bán lỗ cho nhau được vì nước nào cũng đóng cửa bằng một hàng rào quan thuế. Các nguyên liệu trong nước cũng dần dần ít đi. Vì vậy các nước Anh, Pháp, Đức, Ý, Hà-lan đua nhau đi tìm các thuộc địa ở châu Phi và châu Á. Nước nào có một đế quốc rộng lớn để bóc lột sức lao động của dân bản xứ, mua rẻ các nguyên liệu và độc quyền bán các hàng chế tạo thì trở nên giàu có.

Đế quốc Anh.— Đầu thế kỷ thứ 19, người Anh đã chiếm được Gia-nã-dai, đảo Ảng-ti, một phần Ấn-dộ, và bờ biển phía đông đảo Úc.

Từ năm 1815 trở đi, họ chú ý đặc biệt đến việc mở mỏ maug đẽ quốc. Nhờ ở đạo thủy quân hùng mạnh, nhờ ở sự sáng chế vô tuyển diệu, người Anh dần dần chiếm được các đất đai rộng lớn như nam Phi châu, Diển-diện, Ấn-dộ, Úc và những địa điểm thương mại và quan sự quan trọng như Gi-bran-ta (Gibraltar), kênh đào Suy-ê (Suez) Tân-gia-ba v.v...

Cuối thế kỷ thứ 19, đế quốc Anh rộng đến 35 triệu kilomét vuông, có 400 triệu người tức là hơn một phần năm đất liền và một phần tư dân số của thế-giới.



DE QUỐC ANH
DE QUỐC PHÁP

Đế quốc Pháp. — Không chịu kém nước Anh, nước Pháp cũng cố gắng để mở mang đế-quốc của mình cho rộng lớn.

Năm 1830, vịn vào một cớ nhỏ nhặt, quân đội Pháp chiếm đóng An-giè-ri (Algérie) rồi dần dần bành trướng thế lực sang cả Bắc-phi.

Từ năm 1855 trở đi, người Pháp chiếm thêm Phi-châu xích-dạo, Tây-phi, sa-mạc Sa-ha-ra, đảo Ma-da-gá-sa. Cuối thế kỷ thứ 19, đế quốc Pháp bao trùm một diện tích 12 triệu kilômét vuông và có đến 69 triệu người.

Trước tham vọng của các đế quốc tây-phương như vậy Việt-nam là một miếng mồi ngon, nên chiến tranh giữa Việt và Pháp là một việc khó mà tránh được.

BÀI HỌC

Cuối thế kỷ thứ 18 vào đầu thế kỷ thứ 19, nhờ ở sự tiến-bộ của khoa-học, thương mại, công nghệ, nhờ ở cách phân-công tỷ-mỷ và cách tổ chức các công ty vô danh, nền kinh-tế ở châu Âu tiến bộ rất nhiều. Hàng hóa sản xuất một ngày một rẻ, một nhiều và một tinh xảo.

Chỉ trong vòng năm chục năm, các nước Anh, Pháp, Đức, Hoa-kỳ đã trở nên những nước tư-bản trù phú.

Nhưng muốn tiêu thụ hàng hóa, các nước Âu-tây không thể bán lân cho nhau được và các nguyên liệu trong nước cũng dần dần ít đi. Vì vậy họ đua nhau chiếm các nước mà nền kinh tế chưa được mở mang để làm thuộc địa.

Trước tham vọng của các đế quốc tây-phương như vậy, cuộc chiến tranh Việt Pháp khó mà tránh được.

CÂU HỎI. — Đầu thế-kỷ thứ 19, nền kinh-tế châu Âu tiến bộ thế nào? Kể những nước trở nên trù phú? Muốn tiêu thụ hàng hóa, các nước tây phương gặp những trở ngại gì? Vì vậy họ làm thế nào để tiêu thụ hàng hóa? Người Anh chiếm những nước nào? — Người Pháp chiếm những nước nào làm thuộc địa?

Bài thứ 18

Tình hình các nước miền đông Á về thế kỷ thứ 19

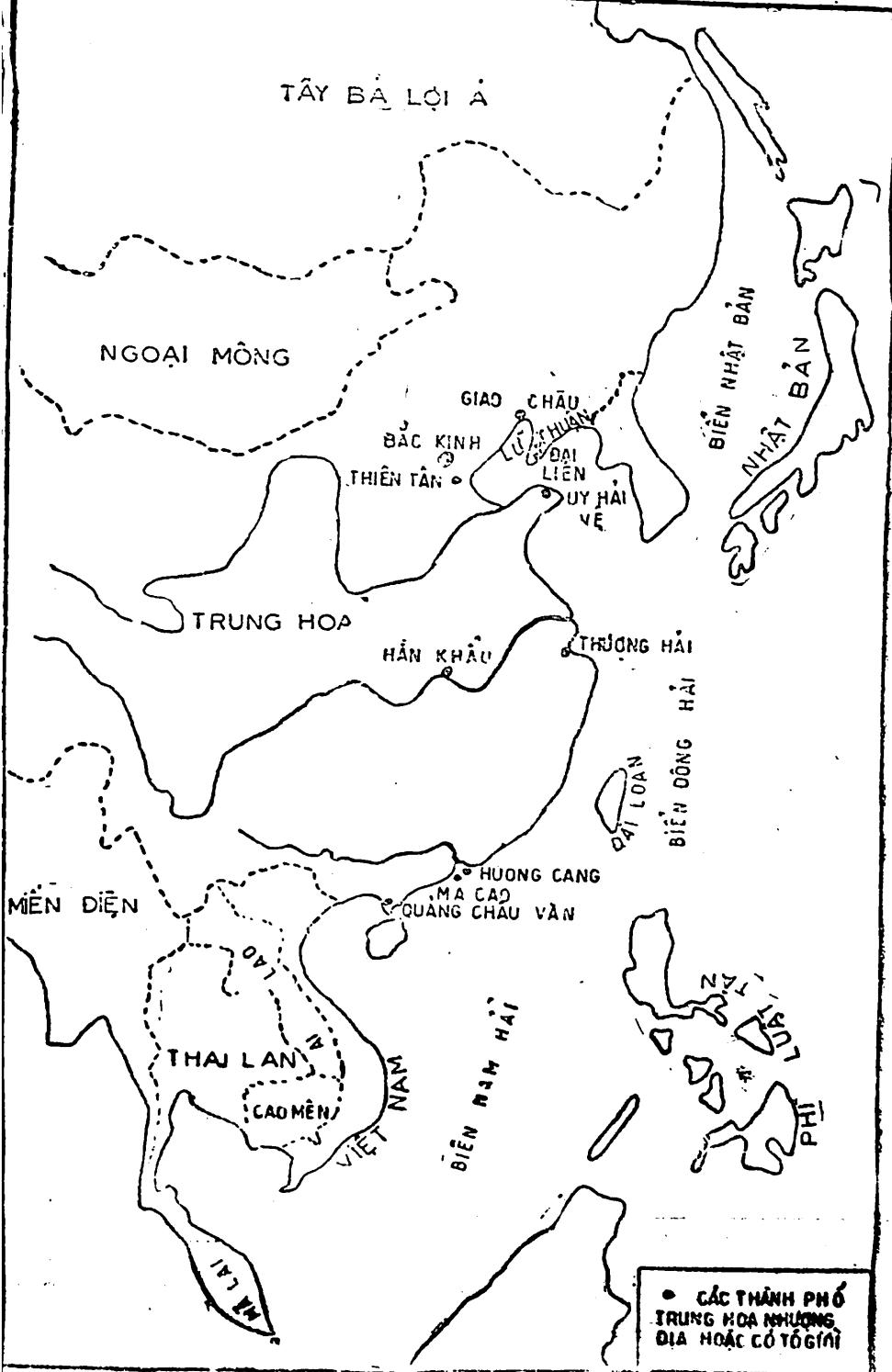
Đầu thế-kỷ thứ 19, các nước miền đông Á còn trong tình trạng phong kiến. — Đầu thế kỷ thứ 19, trong khi các nước Âu Mỹ thực-hành được nhiều cải-cách về chính-trị và kinh-tế, các nước đông Á vẫn còn giữ những chính-thì phong kiến và một nền kinh-tế lạc hậu.

Nước Nhật-bản còn có một ông vua vô quyền và chia xẻ làm nhiều địa phương độc-lập. Các quý tộc, chúa-tể các địa phương đó, thường đem quân đi đánh lấn nhau chẳng khác gì thời thập-nhi sứ-quân ở bên ta hồi thế kỷ thứ 10.

Trung-hoa thì bị nước Mãn-châu chiếm từ thế-kỷ thứ 17. Triều-dinh Mãn-Thanh, đóng ở Bắc-kinh, áp-chế dân Tàu bằng đủ mọi cách làm cho dân chúng điêu-linh khổ-sở.

Các cường quốc tây phương muốn chiếm miền đông Á. — Đứng trước tình-thì lạc hậu của miền đông Á, các

TÂY BẮC LỢI Á



cường quốc Âu Mỹ, nước nào cũng muốn chiếm nước Tàu trước là để bành trướng thế lực cho đế quốc được rộng lớn sau là tìm một thị trường tiêu thụ những sản phẩm của mình và để mua rẻ các nguyên liệu cần thiết cho nền kỹ nghệ.

Nhật-bản canh tân.— Chưa hiểu rõ những sự tiến bộ của nền văn hóa tây phương, đầu thế kỷ thứ 19, tất cả các nước Á-dông đều cấm người Âu Mỹ vào trong buôn bán

Năm 1854, hạm đội Hoa-kỳ bắn phá Đông-kingh bắt Nhật hoàng phải cho người Âu Mỹ vào buôn bán. Những tiếng súng đó đã làm thức tỉnh dân Nhật. Năm 1868, vua Minh-Trị dùn vũ lực, thu lại quyền hành, bãi bỏ chế độ phong kiến di phuong, tổ chức quốc gia theo kiểu tây phương. Nhờ lòng yêu quốc nhiệt thành, người Nhật đã học được và làm lấy đường sắt lửa, lập các công ty thương mại, đóng tàu thủy, tổ chức một đội quân tối tân. Nhờ vậy, năm mươi năm sau, họ có thể đánh bại thủy quân Nga ở eo biển Đồi-mã, đại phá lục quân Nga ở Mãn châu, đứng ngang hàng với các cường quốc trên thế giới.

Trung-hoa chìm đắm trong chế độ phong kiến.— Trái lại Trung-hoa, do triều đình Mãn Thanh cai trị vẫn chìm đắm trong chế độ phong kiến lạc hậu.

Năm 1840, mượn cớ viễn tông-đốc Quảng-đông cấm bắt thuốc phiện và vứt bỏ những kho thuốc phiện của mình xuống biển, người Anh dùng vũ lực, bắt chính phủ Tàu nhường cho họ Hương-cảng, cho phép người ngoại quốc đến buôn bán năm thành phố lớn (hòa ước năm 1842).

Dân chúng Trung-hoa phẫn uất, nô lèn chống lại triều đình và giết người ngoại quốc. Năm 1858 và 1860, liên quân Anh-Pháp bắn phá các thành phố Tàu ở Hoàng-hải, bắt buộc tri

định Trung-hoa phải ký hòa ước Bắc-kinh, mở thêm 7 thành phố cho người châu Âu vào buôn bán.

Theo gương Anh, Pháp, các nước Nga, Đức, Bồ-dào-nha, Hoa-kỳ cũng can thiệp vào việc Trung-hoa bắt nước này nhường cho họ nhiều đất đai và quyền lợi về kinh tế.

Nước Tàu trở thành một bán thuộc địa của người Âu Mỹ. Sau này, chính phủ Trung-hoa Quốc-gia phải mất nhiều thời giờ xóa bỏ được các hiệp ước bất bình đẳng do triều đình Mân-Thanh ký với các cường quốc tây phương.

BÀI HỌC

Dẫu thế kỷ thứ 19, các nước châu Á như Trung-hoa và Nhật-bản hãy còn chìm đắm trong chế độ phong kiến.

Năm 1854, hạm đội Hoa-kỳ bắn phá Đông-kinh, bắt Nhật-hoàng mở hai thương cảng cho người Âu Mỹ vào buôn bán. Dân Nhật, bừng thức dậy, dưới sự lãnh đạo của vua Minh-Trị, tiêu diệt chế độ phong kiến địa phương, cho thanh niên sang các nước Âu-tây học tập, làm đường xe lửa, mở các công ty thương mại, đóng tàu chiến và tàu buôn, nên chỉ năm mươi năm sau, trở thành một cường quốc trên thế giới.

Trung-hoa trái lại, vẫn giữ một chế độ lạc hậu. Sau trận nha-phiến chiến tranh (1840-1842) và trận chiến tranh ở Hoàng-hải (1860), Trung-hoa phải cho người Anh và Pháp vào buôn bán trong nước và nhường cho nước Anh thành phố Hương-cảng. Sau đó các cường quốc khác như Nga, Đức, Hà-lan, Bồ-dào-nha, Hoa-kỳ cũng can thiệp vào việc Trung-hoa, biến nước này thành một báu thuộc địa của người Âu Mỹ.

CÂU HỎI. — Đầu thế kỷ thứ 19, các nước châu Á tò-chức xã-hội thế nào? Năm nào, hạm đội Hoa-kỳ bắn phá Đông-kinh? Cuộc bắn phá này có ảnh hưởng gì cho người Nhật không? Người Trung-hoa phải ký với Anh và Pháp những hiệp ước nào? Sau người Anh và người Pháp, những nước nào can thiệp vào việc Trung-hoa? So sánh tình trạng nước Tàu với tình-trạng nước ta cũng thời đó.

Bài thứ 19

Tình hình nước ta về thế kỷ thứ 19

TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ XÃ HỘI

Vua và triều-định. — Trong đời vua Tự-Đức, việc cai-trị đại khái cũng như các triều trước. Vua là người vắng lệnh trời để cai trị dân. Giúp việc vua tại kinh đô thì có triều định. Mỗi tháng hai lần, vua họp triều định để bàn việc nước. Khi vua và triều định sáng suốt thì trong nước được yên ổn, khi vua mù ám, triều định lẩn kẽ gian nịnh thì việc nước hư hỏng.

Hành chính địa phương. — Đại diện vua và triều định để cai trị dân tại các tỉnh, phủ, huyện thì có quan lại. Quan là cha mẹ dân, có bôn phận dạy dỗ, chấn dắt cho dân được an cư lạc nghiệp, nhưng cũng có quyền bắt dân theo mệnh-lệnh của mình.

Quan lại thì do triều đình bỗ nhậm, nhưng những nhân viên hành-chính ở làng thì do dân bầu ra.

Làng gồm có nhiều gia-dình quây quần sau lũy tre xanh. Làng có phong tục luật lệ riêng, gọi là hương-ước, chinh-phủ không có quyền can thiệp nên có câu : « phép vua thua lệ làng ». Người dân Việt tha thiết thương yêu làng mình. Cũng nhờ đó mà tinh-thần gia-lộc và tinh-thần quốc gia thèm bền vững, nhưng cũng vì đó mà óc bài ngoại, óc thủ cựu cũng dễ phát triển.

Xã hội.— Xã hội chia làm bốn hạng người là :
Sĩ, nông, công, thương.

Công là những người làm thợ mướn hoặc làm các tiều công-nghệ như nghề dán rồ, rá, dệt vải, làm thợ mộc, thợ nề.

Nông là những người làm ruộng, cày sâu cuốc bãm, đổi bát mồ hôi lấy hạt gạo mà ăn.

Thương là những người sống về nghề buôn bán, hoặc buôn thúng bán mèo ở các chợ búa, hoặc mở cửa hàng ở các đô thị.

Ba hạng người này, phần nhiều ít học và không được kính trọng bằng kẻ sĩ.

Sĩ là những người đi học, thi đỗ thì được làm quan, nếu không may thi hỏng mãi thì về làng dạy học hoặc làm thầy thuốc, thầy số, thầy địa-lý v.v. ..

Vì vậy, ai ai cũng cố đi học, mong đỗ ông nghè, ông cống, trước là được sung-sướng thân mình, sau là cho cha mẹ; vợ con được hiển vinh.

BÀI HỌC

Khi vua Tự-Đức lên ngôi, việc cai trị đại khái cũng như những triều trước.

Vua là người thay mệnh giờ để cai trị dân. Giúp vua tại kinh đô thì có triều đình. Khi vua và triều đình sáng suốt thì trong nước được yên ổn làm ăn. Khi vua mờ tối, triều đình lầm kẽ gian nịnh thì việc nước hư hỏng.

Tại các tỉnh, phủ huyện có các quan lại thay mặt vua để cai trị dân. Nhưng làng, xã thì tự bầu lấy người cai trị mình và có hương-trúc riêng.

Xã hội gồm có bốn hạng người là sĩ, nông công, thương, nhưng chỉ có kẻ sĩ là những người đi học, thi đỗ làm quan là được kính trọng hơn cả, còn những người làm ruộng, làm thợ hàn đi buôn đều bị coi rẻ.

CÂU HỎI. — Khi vua Tự-Đức lên ngôi, việc cai trị có sự đổi không? Đứng đầu quốc-gia có ai? Vua thay mặt ai để cai trị dân? Giúp vua ở kinh-đô thì có ai? Ở địa phương thì có ai? Làng, xã do những người nào cai trị? Xã-hội có mấy hạng người? Trong bốn hạng người này, hạng người nào được kính trọng hơn cả? Tại sao? Ý kiến anh về việc đó thế nào?

Tình hình nước ta về thế kỷ thứ 19

(Bài nói)

SỰ SINH HOẠT CỦA NGƯỜI DÂN TRONG NƯỚC

Nông-nghiệp. — Chín mươi phần trăm người Việt-nam sống về nông nghiệp, nhưng hầu hết đều làm ruộng ở miền trung châu, không mấy người dám lên mạn thượng du để khai khẩn ruộng đất. Các cây thường giồng thì toàn lúa, khoai, sắn, là những cây dễ ăn, ít khi giồng những cây dùng trong công-nghệ. Cây bùa, gặt hái, phàn bón đều cỏ lỗ. Đã thế, người nông dân lại phải đương đầu với bao thiên tai như nạn hạn hán, nạn úng thủy, nạn vỡ đê. Năm nào được mùa, dân chúng may ra còn mót mặt; năm nào mất mùa thì tình cảnh thật là khốc liệt.

Công nghệ. — Người nước ta tuy khéo chân tay nhưng xưa kia chỉ làm một số tiều công-nghệ cần thiết cho đời sống hàng ngày như dệt lụa, dệt vải, làm đồ gỗ, làm nấm muối. Nhân công dùng toàn chân tay nên hàng sản-xuất vừa thô sơ, vừa kém tinh-vi. Những thợ chuyên môn phần nhiều ít học nên không có tổ-chức và vì vậy không có đại kỹ-nghệ mà cả đến những công xưởng dùng năm bảy chục nhân công cũng không có nốt.

Thương mại. — Nền thương mại của ta thời ấy lại càng kém cỏi lắm. Đa số các nhà buôn là những người buôn thùng bán met ở các chợ búa, hoặc mở một cửa tiệm nhỏ ở chốn

thị thành, suốt đời không đi đến đâu. Thỉnh thoảng có một vài người buôn gỗ (cây) từ mạn thượng du xuống miền trung châu, hoặc có một chiếc thuyền đi từ lĩnh nợ sang tỉnh kia đã được coi là giàu có. Vì vậy bao nhiêu mối lợi lớn đều ở trong tay người Tàu cả.

Kết quả của nền kinh tế lạc hậu. — Nông nghiệp, thương mại và công nghệ đều không ra gì, người dân Việt nam sống trong cảnh nghèo đói :

*Một tiền gạo chín mươi tháng.
Mẹ con chết đói vì chưng không tiền.*

Nhà ở phần nhiều là nhà gianh, vách đất, quần áo thì toàn quần nau áo vải, ai làm nên danh phận mới có chiếc quần trắng, áo the. Thực ăn hàng ngày thì toàn có rau dưa, ít khi có thịt cá.

Đã thế, chính-sách bế-quan tỏa-cảng không cho người ngoại quốc vào buôn bán của triều đình, lại làm cho dân chúng không hiểu rõ những tiến bộ của nền văn-hóa Âu-tây và đã đưa nước ta đến nạn vong quốc trong khoảng gần một trăm năm.

BÀI HỌC

Về thế kỷ thứ 19, đa số người Việt-nam đều sống về nghề nông, nhưng ruộng đất trồng trọt không có máy, phương pháp cày cấy thì cỏ lở. Người nước ta tuy khéo chân tay nhưng những người làm công nghệ đều ít học, nên không tổ chức được xí

nghiệp nào quan trọng. Còn nền thương mại phần nhiều ở trong tay người Tàu cả.

Vì vậy dân ta nghèo đói, ở nhà gianh, mặc áo vải, ăn rau dưa. Đã thế, chính sách bế quan tỏa-cảng của triều đình lại làm cho dân chúng không hiểu rõ những sự tiến bộ của nền kinh tế Âu-tây, và đưa nước ta đến nạn vong quốc trong khoảng gần một trăm năm.

CÂU HỎI.— Vài thế kỷ thứ 19, đ ỉ số dân ta sống về nghề gì? Nông-nghiệp có được thịnh vượng không? Công-nghệ và thương-mại kém cỏi thế nào? Vì vậy dân ta có được phong lưu không? Nguyên-vọng chính của kẻ sĩ là gì? Chính sách bế-quan tỏa-cảng của triều đình có ảnh hưởng cho dân ta thế nào?

Bài thứ 21

Những tư tưởng duy tân dưới triều Tự-Đức

NGUYỄN TRƯỜNG-TỘ

Những người có tư tưởng duy-tân.— Dưới triều Tự-Đức, tuy đa số các quan lại trong triều và nho sĩ trong nước có óc thủ cựu, nhưng cũng có một số người, hoặc có óc

sáng suốt, hoặc được may mắn đi du học nước ngoài, hoặc đã đi sứ ngoại quốc, nên đã nhận rõ tình hình kém cỏi của nền văn-hóa nước nhà và những sự tiến bộ của nền văn-hóa Âu-tây.

Năm 1868, Đinh văn-Điền, người tỉnh Ninh-bình, dâng sớ xin vua cho khai mỏ vàng, mỏ bạc, làm tầu-hóa, để người tây phương vào nước buôn bán.

Năm 1879, Nguyễn Hiệp đi xứ Xiêm-la về dâng sớ nói rằng nước này đã cho các người Anh, Pháp, Mỹ, Đức đặt lãnh-sự và buôn bán, nên các nước tây phương không lấy có gì mà sinh sự được.

Năm 1881, Lê Đinh đi sứ Hương-cảng về và Phan Liêm, một vị quan tại triều cũng xin vua Tự-Đức mở mang nền thương mại, cho phép người ngoại quốc vào buôn bán. Nhưng những lời đề nghị tâm huyết đó đều bị triều đình bác bỏ. Đặc biệt nhất trong đám sĩ phu sáng suốt ấy có Nguyễn-trường-Tộ.

Nguyễn trường-Tộ.— Nguyễn trường - Tộ, người làng Bùi-chu, phủ Hương-nghuyên tỉnh Nghệ-an. Thuở trẻ, ông học chữ Hán, tư chất thông minh, nên nổi tiếng là Trạng Tộ. Vì triều đình cấm người theo đạo công-giáo thi cử, nên ông không đỗ đạt gì. Ông cũng tinh thông Pháp ngữ, năm 1860 sang Ba-lê, nghiên cứu về chính trị, văn học, kỹ nghệ và chịu khó vào các nhà máy quan sát những sự tiến bộ về cơ khí của nước ngoài.

Là người yêu nước, ông thiết ta mong muốn đem cái học thâu thái được bên Âu châu về giúp ích cho quốc gia.

Những bản điều trần của Nguyễn trường-Tộ.— Khi về nước ông dâng lên Tự-Đức gần hai chục bản điều trần, trong

vạch rõ một chương trình đầy đủ để cải cách nước nhà, nâng cao đời sống nhân dân, mở rộng cửa ngõ cho các nước vào buôn bán.

Tự-Đức khen ông về những ý kiến ích quắc lợi dân nhưng không sốt sắng thi-hành. Triều thần phần nhiều thiện cảm, tìm lời đèm pha, nên những tư tưởng của ông không sao thực hành được.

BÀI HỌC

Dưới triều Tự-Đức, có nhiều nhà nho sáng suốt, hoặc đã được đi du học ngoại quốc, hoặc đi sứ nước ngoài, đã nhận rõ sự kém cỏi của nền văn-hóa Việt-nam và sự tiến bộ của nền văn-hóa Tây phương nên đã dâng sớ lên vua, xin mở mang nền thương mại và kỹ-nghệ, cho phép các cường quốc Âu-tây đặt lãnh-sự và đến nước ta buôn bán. Nhưng những lời đề nghị tâm huyết ấy đều bị triều đình bác bỏ.

Đặc sắc nhất trong đám sĩ phu sáng suốt ấy có Nguyễn trườnq-Tộ. Ông người tỉnh Nghệ-an, tinh thông chữ Hán và chữ Pháp, đã từng sang Ba-lê du học. Khi về nước, ông dâng lên Tự-Đức gần hai chục bản điều-trần, trong vạch rõ một chương-trình cải cách nước nhà. Vua tuy khen, nhưng không sốt sắng thi hành, triều đình lại lầm kẻ đèm pha, nên những tư tưởng của ông không thực hành được.

CÂU HỎI.— Dưới triều Tự-Đức, có phải nhà nho nào cũng có óc thủ cựu không? Kẽm một vài người có tư tưởng duy-tân. Những lời đề nghị của các vị đó có được triều đình chấp thuận không? Ai là người đặc sắc nhất trong đám sĩ phu sáng-suốt? Nguyễn-trườnq-Tộ đã đi du học những đâu? Khi về nước, ông làm gì để xin vua và triều-dinh cải cách chính sự? Những lời điều-trần của ông có kết quả gì không?

Quân Pháp chiếm ba tỉnh miền đông Nam-việt

Quân Pháp gây hấn.— Nước Pháp từ lâu vẫn có ý muốn chiếm nước ta. Vin vào cớ Việt-nam không chịu thương với nước Pháp và giết hại các giáo sĩ ngoại quốc, Pháp hoàng là Nã-phá-luân đệ tam (Napoléon III) quyết ý đem quân sang đánh nước ta.

Tháng 7 năm 1858, trung tướng hải quân Ri-gô-nô-de Gio-nui-y (Rigault de Genouilly) hợp với quân Tây-ban-nha đến binh vào chiếm Đà-năng. Thấy quân ta chống cự mạnh mẽ quân Pháp bèn kéo vào Gia-dịnh là miền phì nhiêu nhất Việt-nam.

Quân Pháp lấy Gia-dịnh.— Chiến thuyền Pháp tiến vào cửa Cần-giờ, bắn phá các pháo đài rồi ngược dòng sông Đồng-nai và sông Sài-gòn, chiếm thành Gia-dịnh.

Quân Pháp chỉ đe lại một ít quân ở Gia-dịnh, còn bao nhiêu lại kéo cả ra Đà-nẵng, đánh phá đồn Phúc-minh rồi sai người thương thuyết nghị hòa, nhưng triều đình ta không chịu.

Lúc đó nước Pháp có chiến tranh với nước Trung-hoa nên quân Pháp bỏ Đà-nẵng kéo sang Tàu dự chiến.

Nguyễn tri-Phương vào giữ Gia-dịnh.— Triều đình bèn sai Nguyễn tri-Phương đem quân vào chống giữ Gia-dịnh.

Nguyễn tri-Phương vào đắp đồn Chí-hòa để đối phó với quân địch. Quân ta tuy đông và dũng cảm, nhưng khi giới tho sơ, binh lính thiếu luyện tập nên không thắng được trận nào quan trọng cả.

Năm 1861, chiến tranh ở Tàu kết liễu, quân Pháp kéo về tiến đánh đồn Chí-hòa, quân ta phải bỏ đồn rút về Biên-hòa.

Quân Pháp lấy Định-tường, Biên-hòa và Vĩnh-long.— Khi phá vỡ được đồn Chí-hòa rồi, quân Pháp lại chia làm hai cánh thủy, bộ chiếm tỉnh Định-tường (Mỹ-tho).

Cuối năm đó, quân Pháp lại chia làm ba đạo, tiến lên lấy tỉnh Biên-hòa và năm sau chiếm nốt tỉnh Vĩnh-long. Thế là ba tỉnh Định-tường, Biên-hòa và Vĩnh-long đều lọt vào tay quân Pháp.

Hòa-ước năm nhâm-tuất (1862).— Ngày mồng 9 tháng 5 năm nhâm-tuất (1862), Phan thanh-Giản và thiếu-tướng Bô-na (Bonard) ký tờ hòa-ước.

Theo hòa-ước này, ta phải nhường cho nước Pháp ba tỉnh miền đông Nam-việt là Gia-dịnh, Định-tường và Biên-hòa, cho người nước Pháp và Tây-ban-nha tự do giảng đạo công-

giáo, cho người Pháp tự do buôn bán ở Đà-nẵng, Ba-lạt, Quảng-yên và trả tiền kinh phí 4 triệu nguyên cho nước Pháp.

BÀI HỌC

Vin vào cớ nước Việt-nam không chịu thông thương với nước Pháp và chém giết các giáo sĩ ngoại quốc, vua Pháp là Nâ-phá-luân đệ tam (Napoléon III) quyết ý đem quân sang đánh nước ta.

Tháng 7 năm 1856, quân Pháp hợp với quân Tây-ban-nha, chiếm đóng Đà-nẵng, rồi lại bỏ Đà-nẵng kéo vào nam, chiếm thành Gia Định.

Nguyễn tri-Phương đáp đòn Chí-hòa để chống cự. Vì lúc đó bận chiến tranh với nước Tàu, nên quân Pháp chỉ giữ thế thủ. Năm 1861, họ mới khởi công, phá đòn Chí-hòa, rồi lần lượt chiếm Định-tường, Biên-hòa và Vĩnh-long.

Năm nhâm-tuất (1862), triều đình phải ký một hòa-ước nhường cho nước Pháp ba tỉnh Gia Định, Định-tường và Biên-hòa, cho người Pháp tự do buôn bán ở Đà-nẵng, Ba-lạt và Quảng-yên, cho các giáo sĩ ngoại quốc tự do giảng đạo Công-giáo trong nước ta.

CÂU HỎI.— Quân Pháp vin vào cớ gì để đem quân sang đánh nước ta ?— Thoạt đầu, quân Pháp đánh tỉnh nào ?— Sau họ kéo vào đâu ?— Triều đình sai ai chống với quân Pháp ? — Tại sao quân Pháp không khởi thế công ? — Năm nào quân Pháp phá thành Chí-hòa ? — Sau đó quân Pháp chiếm tỉnh nào ? — Nơi qua về hòa ước năm nhâm-tuất.

Phan thanh-Giản đi sứ

Mục đích của sứ đoàn Việt-nam. — Triều đình Việt-nam tuy bắt buộc phải ký hòa-ước năm nhâm-tuất, nhường ba tỉnh miền đông Nam-việt cho nước Pháp, nhưng vẫn muốn chuộc lại vì biết rằng nếu quân Pháp ở Gia-dịnh họ sẽ gây cho mình nhiều sự khó khăn.

Sứ đoàn Việt-nam. — Năm 1863, Tự-Đức cử một phái đoàn ngoại giao do Phan thanh-Giản cầm đầu, sang Pháp và Tây-ban-nha để điều đình về việc chuộc lại ba tỉnh miền đông. Phái đoàn xuống tàu É-cô (Echo) vào Gia-dịnh rồi sang tàu O-rô-pè-ăng (Européen) cùng với đại-diện nước Pháp và nước Tây-ban-nha sang châu Âu.

Cuộc điều đình. — Khi sứ bộ Việt-nam đến Ba-lê, thì xin vào yết kiến hoàng đế Nã-phá-luân đệ tam. Không có ý muốn điều đình, Pháp-hoàng lấy cớ sắp đi nghỉ mát nên không chịu tiếp. Sứ ta phải đợi hơn một tháng trời mới được tiếp kiến.

Khi Phan thanh-Giản trình bày những đề-nghị của chính phủ Việt-nam, Pháp-hoàng nói : « Nước Pháp lúc nào cũng khoan hồng và lo việc bảo hộ các nước như cũ tiền », rồi giao việc này cho triều đình xét.

Sứ đoàn ta đợi mãi, không được trả lời rút-khoát bèn sang Tây-ban-nha, rồi cuối năm ấy xuống tàu « Nhật-bản » về nước.

Cuộc điều đình tiếp tục. — Năm sau, triều đình Pháp sai trung-tá Ô-ba-rê (Aubaret) sang điều đình với triều đình Huế. Triều đình ta cér Phan thanh-Giản và Trần tiễn Thành thương nghị với nước Pháp.

Ô-ba-rê đưa đề nghị là nước Pháp sẽ trả ba tỉnh Gia-dịnh, Định-tường và Biên-hòa cho nước ta, chỉ giữ lại Sài-gòn, Mỹ-tho và Thủ-dầu-một để đóng quân. Trái lại, nước ta phải để nước Pháp bảo hộ cả sáu tỉnh Nam-việt và mỗi năm nộp cho nước Pháp hai triệu nguyên tiền thuế.

Theo đề nghị này thì bě ngoài ta lấy lại được ba tỉnh đã mất, nhưng thực tế thì ta mất hết cả sáu tỉnh Nam-việt, lại đèo thêm hai triệu nguyên mỗi năm.

Tất nhiên, triều đình ta không sao chấp thuận và cuộc điều đình bị tan vỡ.

BÀI HỌC

Triều đình Việt-nam, tuy bất - đắc - dĩ phải nhường cho nước Pháp ba tỉnh Gia-dịnh, Định-tường và Biên-hòa, nhưng vẫn muốn chuộc lại.

Năm 1863, triều đình sai Phan thanh-Giản cầm đầu sứ đoàn sang Pháp và Tây-ban-nha để điều đình. Sứ đoàn đến Ba-lê yết kiến Pháp-hoàng, Phan thanh-Giản trình bày những đề-nghị của chính phủ Việt-nam. Pháp-hoàng không trả lời rút khoát, nên đến cuối năm, sứ đoàn sang Tây-ban-nha rồi về nước.

Năm sau, chính - phủ Pháp sai Ô - ba - rê (Aubaret) sang nước ta, tiếp tục cuộc điều - đình. Ô - ba - rê đưa ra đề-nghị là nước Pháp trả

lại cho ta các tỉnh đã chiếm, chỉ giữ lại Sài-gòn, Mỹ-tho và Thủ-dầu-một để đóng quân. Trái lại ta phải để nước Pháp bảo hộ cả sáu tỉnh Nam-việt và trả cho nước Pháp hai triệu nguyên mỗi năm. Tất nhiên đề nghị này không được triều đình ta chấp thuận.

CÂU HỎI.— Triều đình Huế có muốn chuộc lại ba tỉnh miền đông Nam-việt không? — Tự-Đức sai ai đi sứ? — Sứ đoàn ta đến Ba-lê có đạt được kết quả gì không? — Sứ đoàn theo đường nào về nước? — Năm sau, vua Pháp sai ai sang điều đình? — Ô-ba-rê đưa ra những đề nghị gì? — Anh nghĩ gì về những đề-nghị của Ô-ba-rê?

Bài thứ 24

Quân Pháp chiếm ba tỉnh miền tây Nam-việt

Nước Pháp bảo hộ Cao-mèn.— Khi ở bên ta, quân Pháp đánh cửa bể Đà-năng, thì bên Cao-mèn, vua An-dương mất, con là Nô-rô-dôm (Norodom) lên nối ngôi. Em Nô-rô-dôm là Si-vat-ta (Sivatha) nối lên tranh ngôi của anh. Nô-rô-dôm phải chạy sang Xiêm-la, vua Xiêm sai quân đưa Nô-rô-dôm về nước, rồi ở lại bảo-hộ Cao-mèn.

Thấy mình bị lừa, Nô-rô-đôm bèn xin người Pháp bảo vệ Thiếu-tướng Đờ la Grăng-di-e (de la Grandiere) lúc đó ở Sài-gòn, đem quân sang Nam-vang, bắt quân Xiêm rút về nhường quyền bảo hộ cho nước Pháp.

Thời kỳ sửa soạn.— Người Việt-nam ta ở ba tỉnh miền đông do quân Pháp chiếm đóng không chịu nền đô hộ; năm 1865, tri-huyện Toại và thiên-hộ Dương, mộ nghĩa quân ở Đồng-tháp-mười, dùng lối du kích đánh phá các đồn lẻ, các đoàn vận tải và các đường giao thông của quân đội Pháp.

Năm 1862, Trương-Định, một võ tướng của triều đình, tự ý ở lại Gia-dịnh, khởi nghĩa chống lại quân Pháp ở vùng Chợ-lớn, Tân-an, Gò-công. Bị tổn hại nặng nề, quân Pháp nhờ triều đình Huế gọi ông về, nhưng ông không chịu, ở lại kháng chiến, hơn hai năm sau bị tử trận ở Kiến-phước.

Nước Pháp lấy ba tỉnh miền tây Nam-việt.— Năm 1863, thượng-thư bộ Hải-quân Pháp là Sát-sơ-lúp Lô-ba (Chasseloup Laubat) yêu cầu triều-định Pháp cương-quyết đặt nền cai trị ở Việt-nam.

Người Pháp bèn đồ cho các quan ta xui giục và giúp đỡ nghĩa quân, nên năm 1867, La Grăng-di-e đem thủy và lục quân tiến đánh ba tỉnh miền tây Nam-việt là Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên. Phan thanh-Giản, lúc đó làm kinh-lược ba tỉnh miền tây, biết thế chống không nổi, hạ lệnh cho quân ta giao thành trì cho quân Pháp. Rồi ông uống thuốc độc tự-tử, dặn con cái phải cày ruộng làm ăn chứ không được nhận chúc tước gì của người Pháp cả.

Từ đó, toàn cõi Nam-việt thành đất thuộc địa của người Pháp. Thuế-má, luật-lệ, binh bị, ngoại giao, việc gì cũng do chính phủ Sài-gòn quyết định cả.

BÀI HỌC

Năm 1862, em vua Nô-rô-đôm (Norodom) nước Cao-môn nỗi lên tranh ngôi của anh. Nô-rô-đôm chạy sang Xiêm-la. Quân Xiêm đưa Nô-rô-đôm về rồi ở lại bảo hộ Cao-môn.

Thấy bị lừa, Nô-rô-đôm bèn xin người Pháp bảo vệ. Năm 1862, La Grang-di-e đem quân từ Sài-gòn sang Nam-vang, bắt quân Xiêm rút về và nhường quyền bảo hộ cho nước Pháp.

Được Cao-môn rồi, nước Pháp quyết lấy nốt ba tỉnh miền tây Nam-việt. La Grang-di-e đã cho triều đình Huế xui giục và giúp đỡ những người Việt-nam ở ba tỉnh miền đông chống lại chính sách thuộc địa; năm 1867, y đem quân sang chiếm Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên. Phan thanh-Giản, biết thế chống không nổi, hạ lệnh cho quân sĩ nộp thành trì rồi uổng thuộc độc tự tận.

Từ đó, toàn cõi Nam-việt trở thành thuộc địa của người Pháp.

CÂU HỎI.— Tại sao Nô-rô-đôm xin người Pháp che chở? — Người Pháp lập nền bảo hộ xíu Cao-môn thế nào? — Được Cao-môn rồi, người Pháp định lấy thêm những tỉnh nào nước ta? — Người Pháp vin vào cứ gì để đánh quân ta? — Phan thanh-Giản có chống cự không? — Sau khi mất thành, ông làm thế nào? — Ý-kien anh về việc Phan thanh-Giản dâng thành cho quân Pháp thế nào?

Người Pháp tìm đường sang Trung-hoa

Người Pháp tìm đường sang Trung-hoa.— Khi lập được căn bản vững chắc ở Nam-việt rồi, người Pháp bèn tìm đường thông sang nước Tàu để khuếch-trương nền thương-mại và gây ảnh-hưởng chính-trị và kinh-tế.

Năm 1866, La - gré, (Doudard de Lagrée) Gác - ni - è (Francis Garnier) và một số người Pháp nữa, theo đường sông Cửu-long lên Vân-nam, qua Cao-môn và Ai-lao. Non hai năm tì-ri, họ mới đến đất Tàu.

Nhận thấy sông Cửu-long không phải là con đường thiên nhiên tốt để thông thương với Trung-hoa, người Pháp bèn nghĩ đến sông Nhị ở miền bắc nước ta.

Đồ - phô - nghĩa (Jean Dupaix) gây sự ở Bắc-việt.— Đồ-phô-nghĩa là một lái buôn, nhận bán súng đạn và muối cho viễn tông-dốc Vân-nam.

Năm 1873, Đồ-phô-nghĩa chở hàng đến Hà-nộii trong khi đó trung-lá Sê-nét (Sénès) đem chiến thuyền đến đậu ở Bắc-ninh rồi yêu-cầu khâm sai Lê-Tuấn mở sông Nhị cho người Pháp đến buôn bán. Lê-Tuấn không dám tự-quyết, phải trình với triều-dinh.

Không đợi lệnh, Đồ-phô-nghĩa cứ tự tiện thuê thuyền tải hàng lên Vân-nam rồi lại về Hà-nộii đem theo một bọn giặc Cờ vàng, đóng ở phố Mới Hà-nộii, thuê mấy người khách là Bành-lợi-ký và Quan-tá-dinh mua gạo, muối để chở lên Vân-nam.

Thứ đó, nước ta cầm chở muối sang Tàu mà Đồ phô-nghĩa cứ làm bừa, không coi triều-dinh ta ra gì cả.

Quan ta không muốn bắt Đồ-phô-nghĩa vì sợ nước Phápvin vào cớ ấy để gây sự lần nữa. Sau thấy ý càn rõ quá bèn bắt Bành-lợi ký và Quan-tá-dinh về tội chở muối lèn Vân-nam thì Đồ-phô-nghĩa sai người bắt quan phòng-thành Hà-nội và quan huyện Thọ-xương đem giam dưới thuyền.

Triều đình cố thu xếp việc Đồ-phô-nghĩa.— Triều đình sai Nguyễn tri-Phương ra Hà-nội để thu xếp cho yên chyện. Nguyễn tri-Phương mời Đồ-phô-nghĩa đến hội quán Quảng-đông để hội-nghị. Đồ-phô-nghĩa đến nơi hội họp, tỏ vẻ khinh mạn triều đình ta, nói nhiều câu vô lễ.

Thấy việc lôi thôi mãi, triều đình Huế sai Lê Tuấn và Nguyễn - văn Tường đi sứ vào Sài-gòn, nhờ chính phủ Sài-gòn phân xử việc này.

BÀI HỌC

Khi lập được căn cứ vững chắc ở Nam-việt rồi, người Pháp sai một đoàn thám-hiểm ngược dòng sông Cửu-long, tìm đường sang Tàu. Nhận thấy sông Cửu-long không phải là con đường thông thương tốt, họ nghĩ đến sông Nhị-hà.

Năm 1872, Đồ-phô-nghĩa ngược dòng sông Nhị chở khí giới mang bán cho tổng-đốc Vân-nam, không coi triều-dinh ta ra gì cả, lại làm nhiều điều càn rõ như mộ giặc Cờ vàng đóng ở phố Mới (Hà-nội), bắt quan phòng-thành Hà-nội và quan huyện Thọ-xương giam dưới thuyền.

Nguyễn tri-Phương cố dàn xếp cho yên chuyện, nhưng, trước thái-độ ngoan-cố của Đồ-phô-nghĩa, triều đình Huế đành cử Lê Tuấn và Nguyễn văn-Tường vào Sài-gòn, nhờ chính-phủ Sài-gòn can thiệp việc này.

CÂU HỎI.— Người Pháp làm thế nào để tìm đường sang Tàu ? — Họ có đạt được kết-quả tốt khi theo đường sông Cửu-long không ? — Đồ - phô - nghĩa làm nghề gì ? — Đồ-phô-nghĩa có được triều-định cho phép chở hàng sang Vân-nam không ? — Đồ - phô - nghĩa có tuân theo pháp - luật nước ta không ? — Trước thái-độ ngoan-cố của Đồ-phô-nghĩa triều-định ta làm thế nào ?

Bài thứ 26

Quân Pháp đánh Bắc-việt lần thứ nhất

Thâm ý của chính-phủ Sài-gòn.— Thống đốc Nam-việt là Duy-prê (Dupré) có ý muốn lấy Bắc-việt đã lâu, nhưng chính phủ Pháp còn do dự. Duy-prê lại đánh thêm điện tín về Ba-lê nói : « Việc Đồ-phô-nghĩa đã thành công rồi. Cần phải lấy Bắc-việt để giữ lấy con đường thông sang Tàu ». Kèm theo một tờ trình cam kết sẽ thành công, nếu chính-phủ Pháp cho phép được toàn quyền hành động.

Đang lúc ấy thì triều đình Huế cử Lê Tuấn vào Sài-gòn yêu cầu Duy-prê can thiệp việc Đồ-phô-nghĩa.

Gác-ni-ê ra Hà-nội.— Được dịp may, Duy-prê bèn cử Gác-ni-ê ra Hà-nội, đem mấy chiếc tàu và 170 người lính, nói là phản xử việc Đồ-phô-nghĩa.

Tin vào thiện chí của người Pháp, quan ta tiếp đãi Gác-ni-ê rất long trọng. Gác-ni-ê đóng quân ở Trường-thị làm tờ hiệu-dụ cho dân nói rằng : « Bản chúc ra bắc, cốt để dẹp yên giặc già và mở mang sự buôn bán ».

Gác-ni-ê hạ thành Hà-nội.— Mục đích của Gác-ni-ê rõ rệt, lại thấy Gác-ni-ê củng cố dinh trại, nhận quân tiếp viện, quân ta bèn sửa soạn việc phòng thủ thành Hà-nội.

Ngày 15 tháng 10 năm quý-dậu (1873), Gác-ni-ê bắt thình lính tấn công vào thành Hà-nội.

Nguyễn tri-Phương bị thương nặng và bị quân Pháp bắt đem xuống tàu. Ông không chịu uống thuốc, nhịn ăn mà chết.

Quân Pháp lấy miền trung châu Bắc-việt.— Lấy xong thành Hà-nội, quân Pháp chia nhau ra chiếm các thành Ninh-bình, Nam-định, Hải-duong.

Gác-ni-ê tử trận.— Hoàng kế-Viêm, lúc đó làm tiết-chef quân-vụ, đóng ở Sơn-tây bèn gọi Lưu-vĩnh Phúc, tướng Cờ đen về giúp. Quân Cờ đen về Hà-nội và trong một cuộc phục kích, giết được Gác ni-ê ở Cầu-giấy.

Hòa ước năm giáp-tuất (1874).— Thấy chính-phủ Pháp không thuận việc chiến-tranh, Duy-prê sai Phi-lát (Philastre) ra bắc cùng với Nguyễn văn-Tường, trả lại Hà-nội và các tỉnh khác cho quân ta. Ngày 27 tháng giêng năm Giáp-tuất (1874), Duy-prê, Lê Tuấn và Nguyễn văn-Tường ký tờ hòa-ước. Theo đó thì Pháp tặng nước ta 5 chiếc tàu có đủ súng ống, 100 khẩu đại bác, 1.000

khầu súng tay. Nhưng nước ta phải nhường đất 6 tỉnh Nam-việt cho nước Pháp, cho các giáo-sĩ được tự-do giảng đạo và cho người Pháp được tự-do buôn bán ở Qui-nhơn, Hải-phòng, Hà-nội và trên sông Nhị-hà.

BÀI HỌC

Thống-đốc Nam-kỳ là Duy-prê vẫn có ý muốn chiếm Bắc-việt từ lâu, nên khi triều đình Huế yêu cầu can thiệp việc Đồ-phô-nghiā, Duy-prê cùi ngay đại-úy Gác-ni-ê đem quân ra bắc.

Tuy được quan ta đón tiếp long trọng, ngày 15 tháng 10 năm quý-dậu (1873), Gác-ni-ê cũng tấn công thành Hà-nội. Nguyên-tri-Phương bị thương nặng, và bị bắt. Sau ông nhịn ăn mà chết.

Lấy được Hà-nội, Gác-ni-ê chia quân đi chiếm Hải-dương, Nam-định, Ninh-bình. Nhưng chính phủ Pháp lúc đó không muốn có chuyện chiến tranh, Duy-prê phải trả lại thành trì mới chiếm được cho quân ta và ký tờ hòa-ước năm giáp-tuất (1874).

Theo tờ hòa-ước này thì nước ta phải nhường đất cho nước Pháp 6 tỉnh Nam-việt, cho các giáo-sĩ ngoại quốc được tự-do giảng đạo và cho người Pháp tự-do buôn bán ở Qui-nhơn, Hải-phòng, Hà-nội và trên sông Nhị-hà.

CÂU HỎI.— Duy-prê có muốn lấy Bắc-việt không? — Nhân dịp nào, Duy-prê sai Gác-ni-ê ra bắc? — Gác-ni-ê được quan ta tiếp thế nào? — Ngày nào Gác-ni-ê đánh thành Hà-nội? —

Lấy được Hà-nội, Gác-ni-ê còn lấy những đâu nữa ? — Tại sao Duy-pré phải trả thành cho quân ta ? — Kể một vài khoản quan trọng trong tờ hòa ước năm giáp-tuất.

Bài thứ 27

Quân Pháp lấy Bắc-việt lần thứ hai

Nguyên nhân cuộc xung đột.— Năm 1873, nước Pháp chua muốn chiến tranh là vì vừa thua trận nước Phổ, để chế bị lật đổ và một chính phủ cộng-hòa mới lên thay. Nội bộ nước Pháp còn đang lúng-cùng lăm, đảng này muốn giữ nền cộng hòa, đảng kia muốn tái lập chính thể quân chủ.

Đến năm 1881, tình hình nước Pháp đã yên ổn nên vẫn đề lấy thêm đất làm thuộc địa lại được nhiều người nhắc đến.

Thái độ của triều đình Huế.— Triều đình Huế, lúc đó đã hiểu rõ sự cần - thiết của tàn học, có gửi sinh - viên ra ngoại quốc du học, cố gắng mở mang nền thương mại theo tinh thần tờ hòa ước giáp-tuất, nhưng ý chí xâm lăng của người Pháp ở Việt-nam đã rõ-rệt.

Ri-vi-e ra Hà-nội.— Năm 1882, nhân có hai người Pháp có giấy thông hành đi Vân-nam bị giặc khách làm ngăn trở ở dọc đường, thống-đốc Nam-kỳ sai đại-tá Ri-vi-e (Henri Rivière) đem quân ra đóng ở Đồn-thủy, phía đông nam thành Hà-nội.

Tông - Đốc Hà - nội là Hoàng Diệu thấy quân Pháp đột-
ngột ra bắc, lấy làm lo ngại, bèn ngoài vẫn tiếp rước quân
Pháp long trọng, nhưng bên trong sai lính sửa soạn thành trì
để phòng bị.

Sáng ngày 8 tháng 3 năm nhâm- ngọ (1882), Ri - vi - e gửi
tối hậu thư cho Hoàng Diệu, bắt phải giải binh và thân dân
tướng sĩ Việt-nam ra đợi lệnh ở Đồn-thủy. Tất nhiên quân ta
không chịu. Ri-vi-e hạ lệnh đánh thành. Thành bị mất và
Hoàng Diệu thất cõi tự tử.

Cuộc điều đình thất bại.— Triều đình sai Trần - định-
Túc và Nguyễn hữu-Đò ra Hà-nội thương thuyết với Ri-vi-e,
nhưng không lợm được kết quả gì trước thái độ ngoan cố của
người Pháp, bèn cho người sang cầu cứu bên Tàu.

Ri-vi-e tử trận.— Ri - vi - e được thêm quân tiếp viện,
bèn đi lấy Nam-dịnh. Quân ta, có quân Tàu giúp sức, khởi
thế công. Ri - vi - e quay về giữ Hà-nội. Trong một trận giao
phong ở Cầu - giấy, Ri-vi-e và gần một trăm quân Pháp bị
tử trận.

Chính-phủ Pháp được tin này bèn trích năm triệu rưỡi
quân để chi tiêu về việc chiến tranh, cho thêm tàu và quân
sang tiếp ứng.

Quân sĩ của triều đình và dân chúng tự động nồi lên
chống lại quân Pháp khắp nơi. Quân ta, tuy đông và dũng cảm,
nhưng thiếu kinh giới, lại không được huấn luyện thì làm sao
địch nồi đạo quân thiện chiến của người Pháp.

Tháng 6 năm 1883, vua Tự-Đức mất làm cho việc nước
thêm bối rối.

BÀI HỌC

Năm 1883, tình hình nước Pháp đã được yên-
 ổn, chính phủ Pháp mới nghĩ đến việc lấy Bắc-việt.

Mượn cớ hai người Pháp đi từ Hà-nội sang
Vân-nam bị giặc khách ngăn trở, đại-tá Ri-vi-e đem
quân ra Hà-nội, nói là để dẹp giặc giā và bênh
vực quyền lợi của nước Pháp.

Ngày 8 tháng 3 năm nhâm-ngọ (1882), Ri-vi-e hạ
lệnh đánh thành Hà-nội. Thành vỡ, tổng-đốc Hoàng
Diệu phải thắt cổ tự tận.

Triều đình ta, trước hành động ấy, một mặt
hạ lệnh cho các tướng sĩ chống cự, một mặt nhờ
quân Tàu sang cứu viện.

Ri-vi-e, khi được thêm viện binh, bèn đem quân
chiếm Nam-dịnh nhưng sau khi bị tử trận tại Cầu-
giấy.

Được tin này, chính phủ Pháp bèn tăng số tiền
chi tiêu vào việc chiến tranh và gửi thêm quân sang
ta để lập cuộc bảo hộ.

CÂU HỎI.— Năm 1883, tại sao người Pháp lại nghĩ đến
việc lấy Bắc-việt ? — Vin vào cớ nào, Ri-vi-e đem quân ra Hà-
nội ? — Ri-vi-e có những cử chỉ vô lễ như thế nào ? Ngày nào,
Ri-vi-e đánh Hà-nội ? — Kết-quả cuộc chiến-tranh này thế nào ?
— Được tin này, triều đình Huế làm thế nào ? Ri-vi-e bị tử trận
ở đâu ? — Sau khi Ri-vi-e chết, chính phủ Pháp hành động thế
nào ? — Tình thần kháng-chiến của quân ta lúc đó ra làm sao ?

Quân Pháp hạ thành Huế HÒA-ƯỚC NĂM QUÝ-MÙI (1883) VÀ NĂM GIÁP-THÂN (1884)

Nguyễn văn - Tường và Tôn thắt - Thuyết chuyên quyền. — Khi Tự-Đức mất, quyền hành về hai quan phụ chính Nguyễn văn-Tường và Tôn thắt-Thuyết. Tường và Thuyết chuyên quyền, giết vua Dực-Đức là con Tự-Đức rồi lập em Tự-Đức lên làm vua tức Hiệp-Hòa. Được ít lâu lại giết vua Hiệp-Hòa, lập vua Kiến-Phúc và sau lại giết vua Kiến-Phúc để lập vua Hàm-Nghi.

Quân Pháp đánh Thuận-an. — Sau khi Ri-vi-e tử trận, quân Pháp mở cuộc tấn công khắp nơi. Tuy họ thắng nhiều trận nhưng quân Tàu và quân Cờ-den vẫn còn mạnh. Toàn-quyền Hác-măng (Harmand) và thiếu tướng Cuốc-bè (Courbet) đem thủy quân vào chiếm cửa Thuận-an. Triều đình phải sai sứ-thần đến giảng hòa.

Hòa - ước năm quý - mùi (1883). — Ngày 23 tháng 7 năm 1883, hai bên Việt và Pháp ký tờ hòa ước theo đó thì quân Pháp đóng từ đèo Ngang trở ra Bắc và từ Bình-thuận trở vào Nam, triều đình chỉ còn lại từ đèo Ngang đến Khánh-hòa mà thôi. Nước ta phải nhận cho nước Pháp bảo hộ và việc ngoại giao với ngoại quốc cũng phải để cho nước Pháp chủ trương.

Việc bình định ở Bắc.việt. — Tuy hòa-ước đã ký mà quân Tàu và nghĩa quân Việt-nam không chịu tuân lệnh triều đình. Quân Pháp phải vất vả lắm mới chiếm được Ninh-bình,

Sơn-tây, Bắc-ninh, Thái-nguyên, Hưng-hóa, Tuyên-quang. Tuy vậy, quân Tàu kéo sang ta một ngày một nhiều.

Hải quân trung - tướng Pháp là Phuốc - ni - ê (Fournier) bèn sang Tàu nghị hòa với chính phủ Trung-hoa, Năm 1884, Phuốc-ni-ê ký với Lý-hồng Chương ký một tờ hòa ước. Theo đó, chính phủ Tàu sẽ rút quân ở Bắc-việt và công nhận nền bảo hộ của người Pháp ở Việt-nam.

Hòa - ước năm giáp-thân. — Ngày 6 tháng 6 năm 1884, nước Pháp và nước ta ký tờ hòa ước mới. Tờ hòa ước này đại dẽ cũng như tờ hòa ước năm quý-mùi, chỉ khác có một điều là các tỉnh Bình-thuận, Thành-hóa, Nghệ-an, Hà-lĩnh lại thuộc về Tíung-kỳ.

Tờ hòa ước ký xong, khâm - sứ Rè-na (Rheinat) họp triều đình Việt-nam, bắt đem cái ăn bạc mà vua Tàu ban cho vua Gia-Long bỏ vào bể, nấu lên và hủy đi. Việc này có nghĩa là từ đó, nước Việt-nam không thần phục nước Tàu nữa và sẽ do nước Pháp bảo hộ.

BÀI HỌC

Khi Tự-Đức mất, quyền hành về hai quan phụ-chính là Nguỵ-en văn - Tường và Tôn thắt-Thuỵết. Tường và Thuỵết chuyên quyền, lần lượt giết ba vua **Dực-Đức, Hiệp-Hòa và Kiến-Phúc**, và sau cùng đưa vua Hàm-Nghi lên ngôi.

Ở ngoài bắc, sau khi Ri-vi-e mất, quân Pháp mở cuộc tấn công khắp mọi nơi. Nhưng thế của quân ta và quân Tàu còn mạnh. Thủ quan Pháp bèn kéo vào bắn phá cửa Thuận - an (gần Huế) buộc triều đình ta phải ký tờ hòa-ước năm quý-mùi (1883) và

năm giáp-thân (1884). Theo hai tờ hòa ước này, thì nước ta phải nhận quyền bảo hộ của người Pháp và việc giao thiệp với nước ngoài phải do người Pháp chỉ huy. Nước Pháp lại dùng đường lối ngoại giao, bắt chính phủ Tàu phải rút quân về.

Từ đó, nước ta hoàn toàn mất chủ quyền.

CÂU HỎI.— Khi Tự-Đức mất, tình hình triều đình ta thế nào? — Nguyên văn-Tướng và Tôn-thất Thuyết làm những sự phế lập nào? — Ở ngoài bắc, quân Pháp có dẹp được quân ta và quân Tàu không? — Muốn uy hiếp triều đình Huế, chính phủ Pháp làm thế nào? — Nói qua về tờ hòa ước năm giáp-thân? — Quân Tàu ở Bắc-việt có chịu rút về nước không? — Người Pháp làm thế nào để buộc họ phải về nước? — Hai năm 1883 và 1884 quan trọng thế nào đối với lịch sử Việt-nam?

Bài thứ 29

Vua Hàm-Nghi và phong trào Cần-vương

Thái độ kiêu căng của Đơ Cuốc - xy.— Năm 1885, tướng Đơ Cuốc-xy (de Courcey) từ Pháp sang Huế để bắt triều đình ta thi hành hai tờ hòa ước quý-mùi và giáp-thân. Đến

Huế, Đơ Cuốc - xy tỏ vẻ kiêu căng như bắt Nguyễn văn-Tường và Tôn thất-Thuyết phải thân sang dinh Khâm-sứ Pháp để định nghi lễ lúc vào yết kiến vua, bắt triều đình Việt-nam phải mở cửa giữa hoàng cung để cho y và quân lính Pháp cùng vào.

Triều đình chạy ra Quảng-trị.— Thấy người Pháp kiêu căng và hách dịch như vậy, triều đình ta rất lấy làm công phẫn, ai nấy đều tò ý thà chết chứ không chịu nhục. Đêm hôm 22 tháng tư, trong khi các tướng sĩ Pháp đang dự tiệc thì quân ta khởi công, bắn vào dinh khâm-xứ Pháp. Đến sáng quân Pháp tiến lên đánh, quân ta thua to, vua Hàm-Nghi và triều đình phải chạy ra Quảng-trị.

Người Pháp đưa Đồng-Khánh lên làm vua.— Không chịu được gian khổ, Nguyễn văn-Tường về hàng với người Pháp sau bị đưa đi đày ra đảo A-i-ti (Haiti) giữa Thái-binh dương. Người Pháp lập người con thứ ba Tự-Đức là Chánh-Mông lên làm vua. Chánh-Mông sang dinh Khâm-sứ Pháp thụ phong lấy niên hiệu là Đồng-Khánh.

Phong trào Cần-vương.— Trong nước tuy có vua mới, nhưng Hàm - Nghi và Tôn thất - Thuyết ở mạn Quảng - bình, truyền hịch Cần-vương, quyết chống nhau với quân Pháp. Khắp mọi nơi trong nước, những người nghĩa khí đều nồi lèn hướng ứng toan bề khôi phục lại đất nước.

Ở Quảng-nam các thân hào lập Nghĩa-hội. Các tỉnh Phú-Yên, Bình-dịnh, Bình-thuận đều noi theo.

Trương đình-Hợi ở Quảng-trị, Lê Trực Nguyễn phạm-Tuân, ở Quảng-bình, Phan đình-Phùng ở Hà-!nh, Mai xuân-Thường Tăng bạt Hồ ở Bình-dịnh, Trần văn-Du, Nguyễn Hàm ở Quảng-ngãi, Tống-duy-Tân, Hà văn-Mao ở Thanh-hóa, Nguyễn Thiện-Thuật ở Hưng-yên cũng mộ quân để chống lại người Pháp, hòng khôi phục lại nước.

Những cuộc kháng chiến này, tuy không đem lại nền độc lập cho tổ quốc, nhưng cũng luôn luôn thức tỉnh lòng yêu nước của toàn dân và gày cho chính phủ bảo hộ những tổn thất nặng nề.

Hàm - Nghi bị bắt.— Hàm - Nghi chống với quân Pháp trong ba năm giờ, khi ở Quảng-bình, khi chạy ra Hà-ĩnh, chịu gian lao vất vả không hề nản chí. Tuy có những tướng tá can đảm và trung thành như Tôn thắt-Thiệp, Tôn-thắt Đạm, Lê-Trực phò-tá, nhưng binh ít thê cō, quân Cần-vương thua nhiều trận và sau cùng Hàm-Nghi bị tên Trương quang-Ngọc bắt đem nộp cho Pháp (1888) và sau bị đày sang Bắc-phi.

BÀI HỌC

Năm 1885, Đợt Cuộc-xã ở Pháp sang, tỏ thái độ kiêu căng làm triều-dinh ta ai nấy đều tức giận. Quân ta nửa đêm, bắn sang doanh trại quân Pháp. Sáng hôm sau, quân Pháp phản công lại, vua Hàm-Nghi và triều đình phải chạy ra Quảng-trị, truyền hịch Cần-vương, mong đường khôi phục. Người Pháp bèn đưa hoàng-tử Chánh-mông lên làm vua túc vua Đồng-Khánh.

Những người nghĩa-khí trong nước, hưởng ứng lời hiệu-triệu của Hàm-Nghi, nổi lên chống lại quân Pháp. Ở Quảng-nam, Phú-ý-en, Bình-thuận, các thân hào lập ra Nghĩa-hội. Trương-dinh Hội khởi nghĩa ở Quảng-trị, Nguyễn-phạm Tuân ở Quảng-bình, Phan - đình Phùng ở Hà-tĩnh, Mai xuân-Thường, Tăng bạt-Hồ ở Bình-dịnh, Trần văn-Du, Nguyễn Hàm ở Quảng-ngãi, Tống duy-Tân, Hà văn-Mao ở Thanh-hóá, Nguyễn thiện-Thuật ở Hưng-ý-en. Năm 1888, tên Trương quang-Ngọc phản chúa, bắt Hàm-Nghi nộp cho Pháp và phong trào Cần-vương cũng dần dần tan rã.

CÂU HỎI. — Đò Cuốc-xy tò vè kiêu-căng thế nào? — Triều đình dối phó ra làm sao? — Khi triều đình ra Quảng-binh rồi, quân Pháp làm thế nào? — Vua Hàm-Nghi ra Quảng-binh làm gì? — Nói qua về phong trào Cần-vương. — Hàm-nghi bị bắt trong trường hợp nào? — Người Pháp dày Ngài đi đâu?

Bài thứ 30

Phan đình-Phùng

Thân thế Phan đình-Phùng. — Phan đình-Phùng, người làng Đông-thái, tỉnh Hà-tĩnh, thi đỗ đình nguyên về dời Tứ-Đức, tinh ngay thẳng, không ưa những sự khuất tất. Khi Nguyễn văn-Tường và Tôn thất-Thuyết chuyên quyền, giết Dực-Đức, ông mắng chung giữa triều-dình nên chúng cách chức đuổi về làng.

Phan đình-Phùng khởi-nghĩa. — Nghe tin Hàm-Nghi bỏ kinh đô chạy ra Quang-binh, ông mở đồn điền ở Vũ-quang, phía bắc huyện Hương-khê, tỉnh Hà-tĩnh, rồi cho người sang Xiêm-la và Trung-hoa học đúc súng, đúc đạn, chiêu mộ nghĩa quân, định ngày khởi sự.

Ông không những có tài văn chương mà còn là người thao lược, tổ chức quân đội có cơ ngũ, luyện tập quân lính có kỷ-luật.

Nhờ Cao Thắng giúp đỡ, ông đã cho quân lính luyện tập theo kiểu Âu-tây, lập công binh xuồng, tự chế ra súng đạn gần

giống như súng của người người Âu Mỹ, khiến cho người Pháp cũng phải kinh phục.

Cuộc kháng chiến. — Cuối năm 1893, ông cho quân đội vây nhà tên Trương quang-Ngọc là người đã bán vua Hàm-Nghi cho Pháp, bắt tên Ngọc chém đầu. Các văn thân nghe tin ông khởi nghĩa, kéo đến một ngày một đông.

Người Pháp cho quân đến đánh, ngót hai năm trời không đạt được kết quả mà lại chết hại rất nhiều. Hoàng cao-Khai là người đồng hương, viết thư dụ ông về hàng, nhưng ông nhất định không chịu.

Người Pháp bèn huy động một lực lượng hùng-hậu, sai tông đốc Bình-dịnh là Nguyễn Thân làm tiết chế quân-vụ, quyết tiêu diệt nghĩa-quân.

Đảng Văn-thân tan rã. — Phan đình-Phùng, lúc đó tuổi già, sức yếu, lại phải khổ nhọc nơi lam sơn chướng khí, nay nấp chồ này, mai ẩn chồ khác thật là gian khổ, nên mắc bệnh chết nơi quân thứ.

Tàn quân của Phan đình-Phùng, người thì chạy sang Lào, vượt sông Cửu-long để sang Xiêm-la trốn tránh, người thì ra bắc nhập với Hoàng-hoa Thám, tiếp tục kháng chiến. Những người không chạy kịp, bị Nguyễn Thân bắt được đều bị giết hay bị đày đi Côn-đảo.

BÀI HỌC

Phan đình-Phùng, người làng Đông-thái, tỉnh Hà-tĩnh, đỗ đình-nguyên, làm quan ngự-sử dưới triều Tự-Đức. Tính ngay thẳng, ông đã mắng bọn Nguyễn văn-Tường và Tôn thất-Thuyết giữa triều đình nên bị chúng cách chức đuổi về làng.

Khi Hàm-Nghi chạy ra Quảng-trị, ông mở đồn điền ở Vũ-quang (Hà-tĩnh) cho người sang Xiêm-la và Trung-hoa học đúc súng, đúc đạn. Các văn thân trong nước nghe tin kéo đến theo giúp rất đông.

Người Pháp đem quân đến đánh ngót hai năm trời không đạt được kết quả, bèn sai Nguyễn Thành làm tiết-chẽ quân vụ, quyết tiêu diệt nghĩa quân.

Tuổi già, sức yếu, Phan đình-Phùng mất nơi quân thứ. Quân của ông bị thua nhiều trận nên bị tan rã, phần thì chạy sang Xiêm-la, phần thì ra Bắc hợp với Hoàng hoa-Thám tiếp tục kháng chiến. Còn những người bị Nguyễn Thành bắt đều bị giết hoặc bị đày ra Côn-đảo.

CÂU HỎI.— Phan đình-Phùng quê ở đâu? — Tại sao ông bị Tôn-thất Thuyết cách chức? — Khi Hàm-Nghi chạy ra Quảng-trị, ông làm thế nào? — Thành thế ông mạnh là nhờ đâu? — Quân Pháp sai ai đến đánh ông? — Ông mất thế nào? — Nghĩa quân tan vỡ thì chạy đi đâu?

Chiến lũy Ba-dinh và các cuộc khởi nghĩa khác ở Trung-việt

Chiến lũy Ba-dinh. — Khi quân Căn-vương khởi-nghĩa chống nhau với người Pháp thì Trần xuân-Soạn, một tùy tướng của Tôn thất-Thuyết lập ra chiến-lũy Ba-dinh ở Thanh-hóa để cản đường giao-thông tiếp tế của địch quân từ Bắc-việt vào Trung-việt.

Địa thế Ba-dinh. — Người có công xây chiến lũy Ba-dinh là Đinh-công Tráng, người đã theo Hoàng-kế Viêm và Lưu-vĩnh Phúc trong cuộc chiến tranh chống với quân Pháp.

Chiến lũy Ba-dinh xây ở cạnh khuỷu sông giữa cánh đồng lầy. Tường xây toàn bằng tre và đất trộn rơm, trộn chấu nên đạn bắn không bị thiệt hại mấy. Dài 1.200 thước, rộng 400 thước, Ba-dinh có một đường hiềm-yếu thông với đồn Ma-cao cách đấy hơn 30 cây số.

Quân Pháp công phá Ba-dinh. — Năm 1886, chính phủ Pháp sai 3.500 quân vào đánh Ba-dinh, lại huy động cả bốn chiến hạm yểm hộ. Thủy bộ rầm rộ tấm công quyết tiêu-diệt nghĩa quân.

Trong chiến-lũy có chừng năm sáu trăm ngàn dân quân, khi giới toàn là giáo, mác, gậy gộc và một ít súng cồ lồ. Nhưng lòng nhiệt thành của binh-sĩ thì vô cùng mạnh mẽ.

Mỗi khi quân Pháp vào tới gần thành thì nghĩa quân mới sả súng bắn ra. Mỗi khi có đoàn quân tiếp tế đi qua, thì nghĩa quân lại ra đánh úp để cướp lấy lương thực súng đạn.

Ba-dinh thất thủ.— Gần một năm trời vây hãm, bị tốn thất nặng-nề, mấy lần người Pháp phải xin quân tiếp viện.

Tháng giêng năm 1887, người Pháp vây Ba-dinh cả bốn mặt công phá bằng đại bác, sau bắc ván làm cầu để leo lên mặt lũy. Xem chừng không giữ nổi, Đinh công-Tráng đem tàn binh lên Ma-cao. Quân Pháp đuổi theo. Đinh công-Tráng rút tới Nghệ-an thì bị tử-trận.

BÀI HỌC

Khi quân Cản-vương chống nhau với quân Pháp, Trần xuân-Soạn và Bình-công Tráng xây chiến lũy Ba-dinh ở Thanh-hóa để ngăn cản đường tiếp-tế của địch quân từ bắc vào trung.

Chiến lũy Ba-dinh, dài 1.200 thước, rộng 400 thước, xây toàn bằng tre và đất trộn với rơm và chấu là một thành trì kiên cố và hiểm yếu. Năm 1886, chính phủ Pháp huỷ động cả thủ y và lục quân, công phá Ba-dinh. Nghĩa quân, một mặt chống cự hăng-hái, một mặt lén ra cướp phá những đoàn tiếp tế đi qua.

Sau gần một năm trời chống giữ, Định-công Tráng phải bỏ Ba-dinh rút về Ma-cao. Ông bị tử trận ở Nghệ-an.

CÂU HỎI.— Tại sao Trần xuân-Soạn và Định công-Tráng lập chiến lũy Ba-dinh? — Ba-dinh xây ở đâu? — Quân Pháp đến đánh Ba-dinh mạnh mẽ thế nào? — Ta chống cự Ba-dinh khang hái và khôn khéo thế nào? — Ba-dinh thất-thủ, nghĩa quân rút đi đâu?

Bài thứ 32

Trương Định và các cuộc khởi nghĩa ở Nam-viết

Nguyên-nhân cuộc kháng-chiến của Trương-Định.— Trương Định, nguyên làm phó quản-cơ ở Gia-dịnh, đã từng theo Nguyễn tri-Phương chống nhau với Quân Pháp.

Khi ba tỉnh miền đông bị mất, Trương Định tụ ý ở lại Gò-công là tỉnh bị đặt dưới quyền cai-trị của người Pháp, kết nạp Văn-thân, luyện-tập binh mã, để mưu toan sự khôi phục.

Dân chúng hưởng ứng nhiệt liệt, nhà giàu giúp tiền của, thanh-niên trai tráng tình nguyện xung vào nghĩa quân.

Cuộc kháng chiến. — Nghĩa quân tuy đông, băng hái, nhiều tinh thần chiến-dấu và được huấn luyện kỹ càng, nhưng khi giới dã it, lại thô sơ như gậy tầm vông, súng hỏa mai.

Vì vậy, không đủ lực lượng giàn trận để đối chọi với quân Pháp, nghĩa-quân dùng thế du-kích, hoặc đánh các đòn lẻ, hoặc bắt những kẻ làm tay sai cho địch, hoặc phá các đường giao-thông tiếp-tế.

Người Pháp thấy bị thiệt hại nhiều, yêu cầu triều đình Huế gọi Trương Định về, lại viết thư khuyên Trương Định đầu hàng, hứa sẽ thưởng cho nhiều tiền bạc và chức tước. Nhưng danh lợi không làm nhụt lòng yêu nước nồng nàn của người chiến sĩ, và những trận giao tranh với người Pháp vẫn tiếp tục. Oanh-liệt và mạo hiềm hơn cả là những trận phục kích quân Pháp ở Rạch-giá và Gò-công.

Cuộc kháng chiến tan rã. — Người Pháp thấy vây bèn tìm đủ mọi cách để dàn áp cuộc kháng chiến. Ngày 19-8-1864, tên phản bội Huỳnh-công Tân dẫn người Pháp đến vây nghĩa quân ở Kiến-phước. Ông bị đạn, gãy xương sống mà chết.

Cuộc khởi - nghĩa khác ở Nam - việt. — Trương Định tuy chết, tinh-thần bắt khuất của dân-tộc Việt-nam vẫn còn. Nhiều người khác nỗi lên, tiếp tục cuộc kháng chiến. Nguyễn-trung Trực chỉ huy dân-quân vùng Rạch-giá, Tân-an đốt phá tàu Ét-pe-răng (Espérance) của Pháp đóng tại Nhật-tảo. Sau ông bị bắt tại Rạch-giá và bị giết.

Tri huyện Toại và thiên-hộ Dương khởi-nghĩa ở Đồng-tháp-mười.

Nguyễn-hữu Huân lãnh-dạo nhóm văn-thân ở Mỹ-tho.
Phan Tông khởi nghĩa ở Ba-tri.

Phan Liêm, Phan Tam khởi nghĩa ở Vĩnh-long, Sa-dec, Bến-tre.

Dân chúng tự động chống Pháp ở Hóc-môn, Gò-vấp, Vĩnh-long, Cần-thơ.

Tuy các người yêu nước đều lần lượt bị bắt, khủng bố, tù dày trước lực-lượng thống-trị, nhưng họ cũng nêu một gương sáng cho những người Việt-nam đời sau.

BÀI HỌC

Trương Định làm phó quản-cơ, đã từng theo Nguyễn-tri Phương chống nhau với quân Pháp ở Chí-hòa. Khi triều đình Huế nhường cho người Pháp ba tỉnh miền đông Nam-việt, Trương Định về Gò-công, kết nạp văn-thân, luyện tập binh mã. Dân chúng hưởng ứng nhiệt liệt. Nghĩa quân dùng thuật du kích, làm quân Pháp thiệt hại rất nhiều.

Năm 1864, ông bị thương ở Kiến-phước rồi từ trần.

Trương Định tuy chết, nhưng tinh thần bất khuất của dân Việt-nam vẫn còn nêu cao. Sau ông, nhiều người như tri-huyện Toại và thiên-hộ Dương khởi nghĩa ở Đồng-tháp-mười, Nguyễn-trung Trực ở Rạch-giá và Tân-an, Nguyễn-hữu Huân ở Mỹ-tho,

dân chúng tự động chống Pháp ở Hôc-môn, Gò-vấp,
Vĩnh-long, Cần-thơ làm cho người Pháp phải vất và
và thiệt hại nhiều mới bình-trị được đất Nam-việt.

CÂU HỎI.— Trương Định lúc đầu làm chức quan
gì ? — Khi mất ba tỉnh miền đông ông làm thế nào ? — Ông có
được dân chúng ủng-hộ không ? — Ông chết trong trường hợp
nào ? — Sau ông, có những ai tiếp tục cuộc kháng chiến ?

Bài thứ 38

Cuộc khởi nghĩa ở Bắc-việt

Nguyễn thiện-Thuật.— Nguyễn-thiện Thuật làm tán-tương quân-vụ với Hoàng-kế Viêm nên thường gọi là Tân Thuật, lãnh đạo phong trào văn-thân chống Pháp ở Bắc-việt. Khi triều đình ký hiệp ước 1884 công nhận nền bảo hộ của Pháp, Nguyễn-thiện Thuật bỏ quan chức, hô hào dân chúng khởi-nghĩa chống ngoại xâm. Lúc đầu ông hoạt động ở vùng Hải-duong, Bắc-ninh, sau rút lui về bãi Sậy. Bãi này thuộc phủ Khoái-châu và huyện Văn-giang là một nơi bùn lầy, toàn lau sậy. Dựa theo địa thế hiểm yếu ông chống cự với người Pháp mãi đến năm 1889.

Bị thất bại, ông chạy sang Tàu và mất ở bên ấy.

Hoàng-hoa Thám.— a) *Thân thế*.— Hoàng-hoa-Thám tức Đè-Thám, người hater Yên-thể (Bắc giang), trước theo Trần quang-Loan chống với người Pháp nên được chức lãnh-binh. Khi Trần-quang Loan bị thất bại, ông lui về chiếm cứ miền Yên-thể.

b) *Chiến-thuật du-kích*.— Hoàng-hoa Thám triệt để lợi dụng chiến-thuật du-kích. Ngày thường, ông cho quân tản mát về làng, làm ruộng để lấy lương ăn. Khi nào sắp đánh một trận lớn, ông mới tập họp quân lính lại. Khi tấn công một đồn binh Pháp xong, ông lại chuyển quân đi một nơi xa ném quân Pháp muốn tiêu diệt quân ông mà ít khi tìm thấy. Vì vậy, người Pháp bị thiệt hại rất nhiều, quan trọng nhất là trận Bản-các ngày 30-11-1892. Hôm đó quân Pháp bao vây làng Bản-các từ sáng, nã đại bác vào làng rồi ô-ạt xung phong. Nghĩa quân trong hào bình tĩnh, đợi quân Pháp tiến đến gần mới nổ súng. Quân Pháp phải lui, dùng đại bác yểm hộ. Đến lần xung phong thứ hai thì quân Càn-vương đã rút đi hết.

c) *Hoàng-hoa Thám thất bại*.— Nhưng dù sao, Hoàng-hoa Thám binh lực cũng ít ỏi, việc mua súng đạn một ngày một khó khăn.

Bị thua nhiều trận, Hoàng-hoa Thám rút vào rừng để gầy dựng lại thế lực.

Năm 1815, người Pháp bèn thuê Lương-tam Kỳ sai thủ hạ người Tàu vào nhập đảng, rồi thừa lúc ông ngủ mà đâm chết. Đầu ông bị bêu ở Nhã-nam (Bắc-giang). Quân Càn-vương, một phần trốn sang Tàu, một phần bị bắt và bị tù dày hay giết chết.

Các cuộc khởi-nghĩa khác.— Ngoài Nguyễn-thiện Thuật và Hoàng-hoa Thám ra, thuở đó ở Bắc-việt còn có nhiều

người khởi nghĩa chống lại người Pháp. Danh tiếng hơn cả có : Đốc Tit, Đề-đốc Tạ Hiền, Thủ-khoa Nguyễn Cao ở Hải-dương ; Đốc Quế, Đốc Sung ở Bắc-ninh, Đề Kiều, Quận Vùng ở Tây-Sơn.

BÀI HỌC

Khi triều đình Huế nhận sự bảo-hộ của người Pháp. Nguyễn thiện-Thuật bỏ quan, chiêu mộ hào kiệt, rút vào chiến khu bāi Sậy, lợi dụng địa thế hiểm trở để chống lại quân Pháp. Năm 1889, bị thất bại, ông chạy sang Tàu rồi mất.

Đồng thời với Nguyễn-thiện Thuật, Hoàng-hoa Thám khởi nghĩa ở Yên-thể. Ông triệt để lợi dụng chiến thuật du-kích. Ngày thường, ông cho quân về làm ruộng. Khi sắp đánh một trận lớn, mới tập họp quân lại. Đánh xong một đòn Pháp, ông lập tức rút lui thật xa. Vì vậy, tuy binh ít, thê kém, ông cũng cầm cự được hai chục năm trời. Năm 1915, người Pháp thuê Lương-tam Kỳ sai thủ hạ người Tàu vào nhập đảng, rồi thừa lúc ông ngủ, đâm chết. Đầu ông bị bêu ở Nhã-nam và đảng Cần-vương cũng tan rã.

CÂU HỎI.— Nguyễn-thiện Thuật, trước làm chức quan gì ? — Khi triều đình Huế nhận quyền bảo-hộ của người Pháp, ông làm thê nào ? — Ông chống nhau với quân Pháp đến năm nào ? — Sau ông mất ở đâu ? — Hoàng-hoa-Thám khởi-nghĩa ở đâu ? Ông áp dụng chiến-thuật gì ? — Ông cầm cự với quân Pháp được bao lâu ? — Ông mất trong trường hợp nào ?

THỜI PHÁP THUỘC

(Từ 1883 đến 1945)

Chính sách cai trị của người Pháp ở Việt-nam

QUYỀN HÀNH CHÍNH

Vua và triều đình. — Từ đời Đồng-Khánh trở đi, các vua nhà Nguyễn đều do người Pháp đặt lên ngôi.

Những vua chịu theo chính sách của người Pháp như Đồng-Khánh, Khải-Định, Bảo-Đại thì được chính-phủ bảo-hộ trọng-dâi.

Trái lại, những vua biết lo lắng đến tiền-đồ dân-tộc, hoặc tỏ ý bất-mãnh về chinh-sách thực-dân như Thành-Thái, hoặc ngầm-ngầm ủng-hộ các phong-trào cách-mạng như Duy-Tân thì bị chính-phủ bảo-hộ bắt đem đi tù dày.

Đến đời Bảo-Đại thì vua chỉ còn quyền phát-sắc cho các vị thần ở các thôn-xã.

Triều-định thì cũng có lục bộ là bộ Lại, bộ binh, bộ hình, bộ lẽ, bộ công, bộ hộ, sau thêm bộ Học, nhưng thực ra bộ Lại thì coi việc tuyển-mộ những lại-thuộc, bộ binh thì coi mấy

trăm lính cơ, bộ học, coi những trường sơ học, bộ công coi nhà cửa cung-diện của vua. Các việc gọi là quan-trọng đều do người Pháp chủ-trương cả.

Việc cai trị trong nước.— Thực hành chính sách chia để trị, người Pháp chia nước ta ra làm ba kỳ với ba chế-dộ khác nhau.

Nam-kỳ là thuộc địa, do người Pháp cai-trị thẳng. Đứng đầu có thống-đốc đóng ở Sài-gon. Các tỉnh thì có tham-biện cũng là người Pháp, còn các quận thì giao cho các quận - trưởng người Pháp, hoặc cho các đốc-phủ người Việt-nam.

Bắc kỲ là xứ bán thuộc-địa. Các tỉnh đều có tuần-phủ, tổng đốc đại-diện triều-dinh cai trị dân. Nhưng mọi việc, lớn đến nhỏ đều phải trình viên công-sứ người Pháp.

Đứng đầu xứ Bắc-kỳ lúc đầu có kinh-lượt là người do triều-dinh cử ra để kiềm soát việc cai trị. Nhưng rồi sau chức kinh-lược cũng bị bãi bỏ và quyền hành chuyển sang viên thống - sứ người Pháp.

Trung-kỳ là một xứ bảo-hộ, Theo hiệp ước năm 1884 thì mọi việc cai-trị đều do triều-dinh Việt-nam đảm nhiệm. Nhưng dần dần, cũng như ở Bắc-kỳ có các quan lại biến thành những tay sai của chánh phủ Pháp. Mỗi tỉnh cũng có một viên công-sứ người Pháp.

Ở Huế viên khâm-sứ vừa chỉ huy việc cai-trị vừa là chủ-tịch viện cơ-mật của triều-dinh. Các bộ, cũng đều do người Pháp kiểm-soát.

Đứng đầu ba nước Việt-nam, Cao-miên và Ai-lao thì có toàn quyền Đông-dương.

Toàn-quyền có đủ các quyền hành của một ông vua nước quân-chủ chuyên-chế, vừa nắm quyền cai-trị, vừa là ư-lệnh thủy lục không quân, vừa đặt ra pháp luật để dân chúng phải tuân theo. Tóm lại, tất cả các việc trong nước ta đều do Pháp nắm giữ. Vua và triều-định chỉ làm bù-nhin, quan lại chỉ làm tay sai cho chính-phủ bảo-hộ mà thôi.

BÀI HỌC

Từ đời Đồng-Khánh trở về sau, các vua nhà Nguyễn đều do người Pháp đặt lên ngôi. Những vua chịu theo chính sách của nước Pháp như Đồng-Khánh, Khải-Định, Bảo-Đại thì được trọng đại. Còn những vua, hoặc tỏ ý bất mãn về chính sách thực-dân như Thành-Thái, hoặc ngầm-ngầm giúp đỡ các phong trào cách mạng như Duy-Tân đều bị tù đầy.

Người Pháp chia nước ta làm ba kỳ là Nam-kỳ, Bắc-kỳ và Trung-kỳ. Nam-kỳ là thuộc địa do quan lại Pháp cai-trị thẳng. Trung-kỳ và Bắc-kỳ là những xứ bảo-hộ, có tuần-phủ, tổng-đốc lo việc cai-trị, nhưng mọi việc lớn nhỏ đều phải trình với viên công-sứ người Pháp. Thống-sứ Bắc-kỳ và khâm-sứ Trung-kỳ kiểm soát tất cả công việc và hành vi của quan lại Việt-nam.

Đứng đầu ba nước Việt-nam, Ai-lao và Cao-môn có toàn-quyền Đồng-dương. Vua và triều-định Việt-nam chỉ làm bù-nhin, quan lại chỉ làm tay sai cho chính-phủ bảo-hộ mà thôi.

CÂU HỎI.— Từ đời Đồng-Khánh về sau, các vua đều do ai lập ra? — Những vua thế nào thì được trọng dụng? — Tại sao Thành-Thái, Duy-Tân bị đi tù đầy? — Người Pháp chia nước

Đã làm mấy kỳ? — Nói qua về việc cai-trị xứ Nam-kỳ — xứ Bắc-kỳ — xứ Trung-kỳ.— Theo ý anh, vua và triều đình Huế có quyền gì không?

Bài thứ 35

Chính sách cai trị của người Pháp ở Việt-nam

CÁC QUYỀN TỰ DO DÂN CHỦ

Tự do ngôn luận.— Trong thời Pháp thuộc, người Việt-nam không có quyền tự do ngôn luận nào. Các báo chí, sách vở đều phải kiểm-duyệt rất gắt gao. Những người, hoặc công kích chính sách đàn áp của chính phủ Đông-dương, hoặc ca tụng lòng ái quốc của dân-tộc Việt-nam đều bị tù dày, đàn áp.

Tự do hội họp.— Quyền tự do hội họp trong thời Pháp thuộc cũng không có nốt. Hội họp quá năm người có thể bị nghi là làm loạn. Sau mỗi cuộc bạo động của các phong trào cách-mạng, hàng trăm hàng ngàn người, hoặc bị xử tử, hoặc bị tù dày.

Các tổ chức dân chủ giả dối.— Người Pháp mua chuộc một vài hạng người để dùng làm tay sai cho chúng hoặc làm bình phong cho chính sách thực-dân. Họ lập ra những tổ

chức, bề ngoài là dân chủ, nhưng thực ra chỉ là những cơ quan bù-nhin, không có quyền-hành gì hết.

Năm 1880, tại Nam-kỳ có một hội-dồng thuộc-địa, đa số hội viên là người Pháp; quyền bầu cử dành riêng cho người Pháp, hoặc người có quốc-tịch Pháp; trong số 3 triệu công dân Việt-nam chỉ có chừng vài ngàn người được đi bầu, mà trong số này, 3/4 là công chức.

Ở Bắc-việt và Trung-việt cũng có hội-dồng dân biều, nhưng hội-dồng này chỉ có quyền tư-vấn nghĩa là khi chính-phủ hỏi thì phát-biểu ý-kiến chứ chẳng có quyền quyết định việc gì. Mà những người được quyền đi bầu các nghị-viên, mỗi làng cũng chỉ độ năm sáu người.

Đến năm 1940, các hội-dồng này cũng bị bãi bỏ nốt và thay thế bằng hội-dồng Liên-bang Đông-đương. Những hội-viên đều do Toàn-quyền chọn. Trong số 53 hội-viên thì có tới 23 người Pháp và một phần nửa có quốc-tịch Pháp.

Các quyền tự-do ở hương thôn.— Xưa kia, làng xã là những tổ-chức dân-chủ. Các lý-trưởng, phó-lý, chánh phó tổng đều do dân cử ra. Người Pháp đã làm lũng đoạn nền dân-chủ đó bằng cách khuyễn khích các hủ tục như khao-vọng, lập ra những hội-dồng kỳ-hào. Những người có ý muốn cải cách tuân lệ đó đều bị đàn áp.

Những tục lệ đốt vàng mã, hối lộ, đồng bóng đều được khuyễn-khích. (Trong thời kỳ đại-chiến lần thứ hai, trong khi học-sinh không có giấy viết, báo chí sách vở không có giấy in thì những nhà máy giấy của người Pháp ở Việt-nam chỉ chuyên làm giấy mả cho dân chúng đốt).

Nói tóm lại, suốt trong thời Pháp thuộc, dân ta không được hưởng một tý quyền tự-do dân-chủ nào. Trái lại, những tục lệ hùm hại, xấu-xa đều được khuyễn-kích.

BÀI HỌC

Trong thời Pháp thuộc, các báo chí sách vở đều bị kiểm duyệt rất khắt khe. Những người, hoặc công kích chính sách đàn áp của chính phủ Đông-dương, hoặc ca ngợi lòng ái quốc của dân tộc Việt-nam đều bị đàn áp, tù đầy. Hội họp quá năm người có thể bị nghi là làm loạn.

Người Pháp lập ra những tổ chức bể ngoài thị dân-chủ, nhưng thực ra là những cơ quan bù-nhìn. Tại Nam-kỳ có hội đồng thuộc địa. Đa số hội viên là người Pháp. Cử tri thì toàn là người Pháp, hoặc có quốc tịch Pháp và một số rất ít người Việt-nam. Ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ có hội đồng dân biểu không có quyền định đoạt việc gì.

Năm 1940, các hội đồng này cũng bị bãi bỏ nốt và thay thế bằng một hội đồng Liên-bang Đông-dương. Tất cả các hội viên đều do toàn-quyền cử, thành ra người Việt-nam không được hưởng một tý quyền tự-do dân-chủ nào cả.

CÂU HỎI.— Trong thời Pháp thuộc, các sách vở báo chí bị kiểm-soát thế nào? — Những người công kích chính sách của người Pháp thi đều bị làm sao? — Người Pháp lập ra những hội đồng nào? — Những hội đồng đó có quyền-hành gì không? — Năm nào các hội đồng này bị bãi bỏ? — Hội-viên hội đồng Liên-bang Đông-dương có do dân bầu không? — Theo ý anh thi các quyền tự-do dưới thời Pháp thuộc thế nào?

Chính sách cai trị của người Pháp ở Việt-nam

VĂN-HÓA VÀ Y-TẾ

Việc giáo-dục bị hạn chế.— Trước khi người Pháp sang bảo-hộ nước ta, việc giáo-dục hoàn-toàn tự-do. Làng nào, phố nào cũng có một vài trường học. Các ông đồ, ông khóa mở những trường tiểu-học dạy trẻ con. Các ông nghè, ông bảng hối hưu mở những lớp dạy học để đào-tạo nhân tài. Người Pháp trái lại đã han chế việc học. Những người dạy từ sáu học trò trở lên đều phải xin phép. Các trường tư-thục đều bị kiểm-soát gắt gao.

Số trường học thiểu thốn.— Số trường học không đủ cho học sinh. Hàng năm số học sinh xin vào các trường công-lập rất nhiều mà số trẻ được vào học rất ít. Theo bản thống-kê của chính-phủ Đông-dương, về năm 1929-1930 là những năm chưa bị ảnh-hưởng của nền kinh-tế khủng-hoảng, nền tài-chính và kinh-tế trong nước tương-dối khả-quan, ta thấy trong toàn quốc chỉ có 4.704 trường tiểu-học, một số rất ít trường trung-học và chuyên nghiệp và mỗi một trường đại-học ở Hà-nội. Trong số năm triệu trẻ em đến tuổi đi học thì có 301.500 học-sinh tiểu-học, 5.000 học-sinh trung-học, 1.500 học-sinh các trường công nghệ và 500 sinh-viên các trường cao-dâng và đại-học.

Cũng trong năm đó, toàn quốc chỉ có 4.379 học-sinh đỗ tiểu-học, 648 học-sinh đỗ cao-dâng tiểu-học, 65 học-sinh

đỗ tú-tài. Sự thiếu thành-thật của người Pháp trong việc giáo-dục rất rõ rệt, nếu ta nhận thêm rằng :

1.— Năm 1929, số tiền tiêu về việc giáo-dục của công-quỹ Đong-dương là 1.841.000 đồng tức là có 2% công-quỹ.

2.— Bị một số nghị-viên đảng-xã-hội Pháp công kích về chính-sách ngu-dân của Chính-phủ bảo-hộ, người Pháp bèn đổi tên bằng Tiêu-học Pháp-Việt thành bằng Sơ-học bô-túc để đánh lừa những người Pháp có thiện chí.

Bởi vậy, 90 phần trăm dân chúng bị nản mù chữ và cũng vì thế mà những di-doan, mè-tin, những hủ-tục một ngày một bành-trướng.

Việc y-tế cũng bị sao-lang. — Việc y-tế cũng không được chính-phủ săn-sóc chu đáo. Toàn cõi Việt-nam chỉ vén vẹn có 74 nhà thương có bác-sĩ trong nom và 320 phòng phát thuoc do các y-tá điều-khiển. Toàn quốc có 270 bác-sĩ vừa người Pháp vừa người Việt, chữa bệnh tại các bệnh-viện công, trung-bình cứ 75.000 người mới có một bác-sĩ.

Vì vậy, số tử-và nhât là số trẻ con hữu-sinh vô dường cao hơn các nước Âu-châu và cả các nước Á-châu như Nhật-bản, Phi-luật-tân nhiều lắm.

BÀI HỌC

Trước thời Pháp thuộc, ở nước ta việc giáo-dục được hoàn toàn tự do. Người Pháp trái lại đã hạn chế việc học. Các trường và các giáo-sư đều bị kiểm-soát gắt-gao.

Đã thế, số trường công lập rất thiểu thốn. Năm 1929 - 1930 là những năm chưa bị ảnh hưởng của nền kinh-tế khủng hoảng mà toàn

quốc chỉ có hơn 4.000 trường tiểu học, một số rất ít trường trung học và chuyên nghiệp. Trong số năm triệu trẻ em đến tuổi đi học, chỉ có hơn 300 000 người được may mắn cấp sách đến trường. Có đến 90 phần trăm dân chúng bị nạn mù chữ.

Việc y-tế cũng không được chính phủ săn sóc chu đáo hơn. 270 bác sĩ vừa Pháp, vừa Việt, chăm nom sức khỏe cho 20 triệu dân, trung bình 75.000 người mới có một bác-sĩ. Vì vậy số tử và nhất là số trẻ con hữu sinh vô đường cao hơn các nước Nhật-bản và Phi-luật-tân nhiều lắm.

CÂU HỎI. — Trước thời Pháp thuộc, việc giáo-dục ở nước ta có được tự-do không? — Người Pháp có để cho việc giáo-dục tự-do mãi không? — Người Pháp có mở đủ trường cho trẻ em vào học không? Tìm vài thi-dụ — Việc y-tế có được săn-sóc chu đáo không? — Trung-bình mỗi bác-sĩ chữa bệnh cho bao nhiêu người? — Anh có cảm tưởng gì về con số đó? — Kết quả của sự thiếu bác-sĩ này thế nào?

Bài thứ 37

Chính sách cai trị của người Pháp ở Việt-nam

CHÍNH SÁCH KINH TẾ

Nền kinh tế Việt-nam rất lạc-hậu. — a) Nông-nghiệp — Dưới thời Pháp thuộc, người Việt-nam vẫn làm ruộng theo phương-pháp cổ truyền, vẫn cái cày, cái bừa cũ, vẫn phân gio,

tất nước như một ngàn năm về trước ; các máy móc dù thô sơ, các phân hóa-học, các phương-pháp tối-tan về nông nghiệp, dân Việt-nam không hề biết đến.

b) *Kỹ-nghệ*.— Nền kỹ-nghệ cũng chẳng hơn gì. Cả nước, không có lấy một nhà máy đúc gang thép. Số công xưởng lớn rất ít. Tuy tiểu công-nghệ cũng được phát đạt đôi chút, nhưng người thợ Việt-nam ít khi biết đến các dụng-cụ, máy-móc nên hàng sản-xuất vừa thiếu tinh-vi, vừa đắt nèn làm sao cạnh tranh được với hàng ngoại-quốc.

c) *Thương-mại*.— Nền thương-mại lại bi thảm hơn, 95% các nhà nhập-cảng đều là ngoại-kiều, nhất là người Pháp. Dân Việt-nam ta chỉ buôn thúng bán mệt ở thôn-quê, hoặc bán lẻ các hàng hóa ở tỉnh thành. Của cải trong nước, vì vậy đã sang tay các người ngoại-quốc rất nhiều.

Chính sách kinh-tế của người Pháp là một chính-sách thuộc địa.— a) *Thuế khóa*.— Thuế định đánh vào người Việt-nam thì nặng nề. Những ruộng đất ở thôn quê phải chịu thuế gấp ba bốn lần những dồn điền của người Pháp khẩn.

Nhiều công-ty Pháp như công-ty nấu rượu được hưởng độc-quyền trong việc hoạt-dộng thương-mại của mình nên đã gây ra nhiều tệ nhũng.

b) *Khai thác tài-nuôi*.— Ta cũng phải nhận rằng nền kinh-tế nước ta dưới thời Pháp thuộc so với triều Tự-Đức, có đôi chút tiến-bộ. Người Pháp thường khoe khoang nào khai mỏ, lập xưởng kỹ-nghệ, nào mỏ mang đường xá.

Nhưng thực-tế mà xét, thì các mỏ lớn, những xưởng công-nghệ đều ở trong tay người Pháp. Nền kỹ-nghệ ở Việt-

nam đã được tổ chức để lúc nào cũng chỉ có mục-dich cung cấp nguyên-liệu cho nước Pháp và tiêu-thụ hàng hóa của nước Pháp. Một thí-dụ cụ-thể, nước ta hàng năm xuất cảng nào quặng sắt, quặng kẽm, quặng chì mà vẫn phải nhập cảng sắt kẽm, chì nguyên chất. Hàng năm, ta bán sang Trung-hoa, Phi-luật-tân nhiều da sống mà vẫn phải mua da thuộc của người Pháp.

Sự thiếu đường giao-thông lại làm cho nền kinh-tế thêm kém cỏi. Năm 1930, toàn quốc chỉ có 19.000km đường nhựa, đường đá và đường đất lớn, và 2.156km đường xe lửa, trung bình 100km vuông thì có 700 mét đường sắt và 8km đường đá.

Kết quả của chính sách thuộc địa.— Nói tóm lại, chính sách thuộc địa của người Pháp là không cho người Việt-nam hưởng những quyền tự-do dân-chủ, kim hâm sự học hành, biến nước ta thành một xứ cuug-cấp các nguyên - liệu và tiêu thụ hàng hóa của người Pháp. Nhưng dù bị kìm hãm, áp bức, người Việ - nam luôn luôn quật khởi để đòi quyền sống và dành lại nền độc-lập đã mất.

BÀI HỌC

Trong thời Pháp thuộc người Việt-nam vẫn làm ruộng theo phương pháp cổ truyền. Nền kỹ-nghệ thì chỉ trong phạm-vi gia-dình, nền ngoại - thương thì hoàn toàn trong tay các người ngoại quốc.

Đã thế, thuế má đánh vào dân ta thì lại nặng nề, các công ty độc quyền đã gây ra nhiều sự tệ nhũng tai hại cho dân chúng.

Người Pháp ở Việt-nam cũng khai mỏ, lập xưởng kỹ-nghệ, mỏ mang đường xá. Nhưng những mỏ lớn, các nhà máy lớn đều do họ chủ trương. Đường giao-thông và các phương-tiện vận-tải thì luôn luôn thiếu thốn nên những tài-nguyên trong nước không khai thác hết được. Vì vậy, về phương-diện kinh-tế, nước ta phải phụ-thuộc vào nước Pháp.

Nhưng dù bị áp-bức về phương-diện chính-trị, bị kìm hãm về phương - diện văn - hóa và kinh-tế, người Việt-nam luôn luôn quật khởi để đòi quyền sống và dành lại nền độc-lập đã mất.

CÂU HỎI.— Trong thời Pháp thuộc, nông-nghiệp, kỹ-nghệ và thương-mại của nước ta lạc hậu thế nào ? — Kết quả đó tai hại cho dân ta thế nào ? — Người Pháp khai khẩn các tài-nguyên trong nước ta với mục-đích gì ? — Tìm một vài thi-dụ để chứng tỏ là người Pháp không chịu mỏ mang nền kỹ-nghệ ở nước ta ? — Người Việt-nam đã làm thế nào để thoát khỏi những áp-bức đó ?

Các cuộc tranh đấu dành độc lập của dân tộc Việt-nam trong thời Pháp thuộc

PHONG-TRÀO DUY-TÂN

Các cuộc cách-mạng dành độc-lập.— Tuy phong-trào Cần-vương và những cuộc khởi-nghĩa của Văn-thân lần lượt bị thất bại trước vũ lực của quân-dội Pháp, lòng yêu nước của người Việt-nam không vì đó mà suy kém, nên luôn luôn có những cuộc tranh-dấu để dành độc-lập. Ta có thể chia các cuộc cách-mạng dành độc-lập đó làm ba thời kỳ :

1 — Trước cuộc thế-giới đại chiến lần thứ nhất (1914) : **phong-trào duy-tân.**

2.— Sau cuộc thế-giới đại chiến lần thứ nhất : các cuộc cách-mạng dân-chủ.

3.— Cao trào cách-mạng hiện tại.

Phong-trào duy-tân.— Nhận rõ sự tiến-hộ của nền văn-hóa tây phương, một số nhà nho thức thời hào hào dàn chúng theo tây-học để dành lại nền độc-lập cho tổ-quốc. Các vị thủ-lĩnh phong-trào này là Phan-bội Châu, và Phan-chu Trinh.

Phan-bội Châu.— a) *Thân Thể.*— Phan-bội Châu tự là São-Nam, người tỉnh Nghệ-an. Đầu thủ-khoa năm 1900, ông

không ra làm quan, kết nạp những người còn lại của phong trào Cần-vương, tôn Cường-Đế làm minh-chủ.

b) *Những hoạt-động của Phan-bội Châu*.— Nhận thấy lực lượng của Việt-nam còn yếu ớt và muốn cho cuộc cách-mạng thành công thì cần phải có một cường quốc giúp đỡ, năm 1905, ông cùng với Tăng-bạt Hồ xuất dương sang Nhật. Ông cỗ động thanh-niên du-học để đào tạo nhân tài, viết tập *Hải-ngoại huyết-thư* để kích thích lòng ái-quốc của đồng bào trong nước. Ở Hương-cảng, ông lập ra *Thượng-đoàn Công-hội* để tuyên-truyền và kết nạp đồng-chi.

c) *Phong-trào bị đàn áp*.— Năm 1910, thề lời yêu cầu của người Pháp, chính-phủ Nhật trực-xuất Phan-bội Châu ra khỏi nước. Ông sang Tàu hoạt-động và đến năm 1925, ông bị lừa vào tò-giới Pháp ở Thượng-hải và bị bắt đưa về nước.

Phan-chu Trinh.— Phan-chu Trinh, tự là Tây-Hồ người tỉnh Quảng-nam, dỗ phô-bảng, nhưng không chịu ra làm quan. Ông kết nạp với các nhà nho như Trần qui-Cáp, Huỳnh thúc-Khang. Ông đi khắp nước diễn-thuyết, hô hào cải lương việc học, bỏ hủ tục, lập hội buôn để ganh đua với người ngoại-quốc.

Năm 1908, có cuộc biểu tình xin giảm sưu (thuế thân) ở Quảng-nam. Nhân-sĩ trung và bắc bị bắt hàng ngàn. Trần-qui Cáp bị xử tử, Phan-chu Trinh bị đày ra Côn-lon. Được tha, ông sang Pháp hoạt-động, nhưng đến năm 1925 bị trực-xuất về nước và năm sau mất ở Sài-gòn.

Trường Đông-kinh nghĩa-thục.— Trường Đông-kinh nghĩa-thục là một trường tư, do các nhà chí sĩ như Lương ngọc-Can, Ngô đức-Kế, Dương bá-Trạc, Hoàng tăng-Bí điều khiển. Bè ngoài là một trường học, nhưng thực ra là một tổ chức cách-mạng.

Năm 1903, một số lính Pháp ở Hà-nội trúng độc và có hai toán nghĩa quân dột kích vào quân đội Pháp ở Hà-nội, người Pháp nghĩ là do ảnh-hưởng của nhóm Đông-kinh nghĩa-thục nên trường bị đóng cửa, những người cầm đầu đều bị bắt và dày ra Côn-lon.

BÀI HỌC

Phan-bội Châu, tự là São-Nam, đỗ thủ-khoa nhưng không chịu ra làm quan. Năm 1905, ông sang Nhật-bản khuyến-khích thanh-niên ra ngoại-quốc để học hỏi. Hoạt-động ở Nhật, ở Tàu, ông bị bắt tại tò-giỏi Pháp ở Thượng-hải.

Phan-chu Trinh, tự là Tây-Hồ, đỗ phó-bảng. Ông đi khắp các nơi để diễn thuyết, hô hào cải lương việc học, lập hội buôn để ganh đua với nước ngoài. Năm 1907, ông bị bắt, sau được tha Ông sang Pháp hoạt-động và mất năm 1926 tại Sài-gòn.

Năm 1908, một số nhà chí-sĩ Việt-nam như Lương-ngọc Can, Ngô-đức Kế mở trường Đông-kinh nghĩa-thục tại Hà-nội. Bên ngoài là trường học, nhưng thực ra là một tổ-chức cách-mạng. Sau chín tháng hoạt-động, trường bị đóng cửa, các nhà lãnh-tụ bị bắt và dày ra Côn-lon.

CÂU HỎI.— Phan-bội Châu đỗ gì?— Ông có ra làm quan không?— Ông sang Nhật làm gì?— Ông bị bắt ở đâu?— Phan chu-Trinh đỗ gì?— Tại sao ông không ra làm quan?— Ông có đóng cho nền tản học thể nào?— Năm nào ông bị bắt?

Được thả ra, ông hoạt động ở đâu? — Trường Đông - kinh nghĩa thực do ai mở? — Trường mở ra có mục đích gì? — Năm nào trường này bị đóng cửa? —

Bài thứ 39

Cuộc khởi nghĩa Thái-nguyên và Yên-bái

Cuộc khởi nghĩa Thái-Nguyên. — Lương-ngọc Quyến con Lương-ngọc Can, là một thanh-niên tốt-nghiệp trường võ-bị Nhật-bản, định về nước hoạt động. Chẳng may mới đến Huong-cảng thì bị bắt, đem về giam tại nhà giam Thái-nguyên. Ở đây, ông gieo mầm cách-mạng trong đám binh-sĩ và tù-nhân.

Năm 1917, Trịnh văn-Cẩn, một quân-nhân đã được ông giác-ngộ, kéo cờ « Việt-nam Phục-quốc » chiếm tinh-ly Thái-nguyên.

Quân Pháp một mặt từ Bắc-cạn kéo xuống, một mặt từ Hà-nội kéo lên tiến đánh. Nghĩa quân chống cự được sáu ngày thì phải rút lui vào rừng Tam - đảo. Thế cõi, lực kiệt, Lương-ngọc Quyến phải tự tử và nghĩa - quân cũng bị tan rã,

Cuộc khởi-nghĩa Yên-bái. — a) *Nguyên-nhân.* — Năm 1912, cuộc cách-mạng bên Trung-hoa thành-công, lòng ái quốc của người Việt-nam thêm bồng-bột. Trong trận đại-chiến 1914-

1918, người Pháp hứa ban hành cho Việt-nam các quyền tự do dân-chủ. Cuộc chiến tranh kết liêu, họ nuốt lời hứa và quay lại đàn áp dân ta hơn trước. Nhiều đảng bị bắt như: Phục việt Hưng-nam, Việt-nam Cách-mạng đảng, Tân-việt Cách-mạng đảng hoạt động ráo riết, nhưng vì thiếu tö-chire, nên bị khủng bố thì tan rã ngay. Gây được thành thế mạnh mẽ chỉ có Việt - nam Quốc-dân đảng.

b) *Hoạt-động*.— Tö-chire theo kiểu Quốc dân-đảng Trung-hoa, lấy tam-dàn (dân-lộc độc-lập, dân-quyền tự-do, dân-sinh hạnh-phúc) làm tôn chỉ. Mục đích là đánh đuổi người Pháp, lập một chế độ cộng-hòa.

Đảng do Nguyễn thái - Học cầm đầu được hưởng ứng nhiệt-liệt nên có đảng-viên khắp các tỉnh Bắc-việt.

Đêm hôm mùng 9 tháng 2 năm 1930, binh-sĩ đảng - viên trong trại lính Yên-bái khởi sự chiếm tinh lỵ, nhưng hôm sau thì bị đẩy lui vì quân Pháp có viện-binhh từ Hà-nội lên.

Đồng thời, Nguyễn khắc - Nhu chỉ huy một toán nghĩa quân đánh đồn Hưng-hóa ; Ký-con chỉ-huy cuộc tấn công vào nhà pha Hỏa - lò, sở Công - an và các bót Cảnh - sát Hà-nội ; Nguyễn thái - Học cùng một số đồng-chí đánh Hải - phòng và Phả-lại, Trần quang - Rieu chiếm Vĩnh - bảo.

Nhưng vì lực lượng yếu ớt của đảng, các cuộc tấn công đều bị đẩy lui. Các đảng-viên bị bắt rất nhiều. Ngày 17 tháng 6 năm 1930, Nguyễn thái - Học và 12 đồng - chí lên máy chém ở Yên-bái.

Tuy bị thất bại, hai cuộc khởi-nghĩa Thái-nguyễn và Yên-bái cũng ghi được những trang vẻ vang trong lịch-sử nước ta và làm cho người ngoại quốc phải khâm phục lòng dũng - cảm của người Việt-nam.

BÀI HỌC

Lương-ngọc Quyến là một thanh-niên tốt nghiệp trường vô bị Nhật-bản, định về nước để hoạt-động, nhưng khi đi đến Hương-cảng thì bị bắt và đem về giam ở nhà lao Thái-nguyên,

Năm 1917, ông mưu với Trịnh văn-Cẩn và một số quân nhân, kéo cờ Việt-nam Phục-quốc, chiếm tỉnh-iy Thái-nguyên. Bị quân Pháp tiếp đánh hai mặt, quân cách-mạng phải rút lui vào rừng và sau bị tiêu diệt.

Sau cuộc đại chiến 1914-1918, Việt-nam Quốc-dân đảng do Nguyễn thái-Học cầm đầu, hoạt-động mạnh mẽ, mục đích là đánh đuổi người Pháp và lập một chính-thế Cộng-hòa.. Đêm hôm 9-2-1930, đảng khởi sự tấn-công Yên-bái, Hưng-hóa, Hà-nội, Hải-phòng, Vĩnh-bảo và nhiều nơi khác, nhưng vì không đủ lực-lượng nên bị thất bại khắp mọi nơi. Ngày 17 tháng 6 năm 1930, Nguyễn thái-Học và 12 đồng chí lên đoạn đầu dài ở Yên - bái, ghi lại một trang vể-vang trong lịch-sử nước nhà.

CÂU HỎI.— Lương-ngọc Quyến đã du học ở đâu ?— Ông bị bắt ở đâu ?— Ở nhà lao Thái-nguyên, ông đã làm được việc gì ?— Năm nào Trịnh-văn Cẩn khởi nghĩa ?— Quân cách-mạng bị thất bại thế nào ?— Mục-đích của Việt-nam Quốc-dân đảng là thế nào ?— Đảng tổng khởi-nghĩa ngày nào ?— Cuộc khởi-nghĩa thất bại làm sao ?— Hai cuộc cách-mạng này có ảnh-hưởng gì trong dân chúng ?—

THỜI HIỆN KIM

(Từ 1945 đến ngày nay)

Nhật-bản can thiệp vào Đông-dương

Nguyên nhân sự can thiệp của Nhật-bản.— Ngày 7-7-1937, Nhật-bản xâm chiếm Trung-Hoa. Các cường-quốc như Anh, Pháp, Mỹ, hoặc ngầm ngầm hoặc ra mặt giúp đỡ nước Tàu. Cuộc chiến-tranh chưa kết-liếu thì đến năm 1939, cuộc thế-giới đại-chiến lần thứ hai bùng nổ, nước Pháp bị bại trận và thế lực ở Đông-dương yếu đi. Người Nhật muốn nhân dịp ấy lập căn cứ ở Đông-dương để xâm lăng miền nam nước Tàu và miền đông-nam châu Á.

Nhật-bản chiếm Lạng-sơn.— Tháng 9 năm 1940 quân đội Nhật-bản, từ Quảng-tây mở cuộc tấn công vào Lạng-sơn, chiếm đóng từ Lộc-bình đến Thất-khé, buộc chính-phủ Pháp phải để Nhật-bản đóng quân trên toàn cõi Đông-dương.

Ngược lại, Nhật vẫn công nhận quyền lợi của người Pháp ở Đông-dương, mọi việc cai-trị vẫn đề nguyên như cũ. Thế là dân-tộc Việt-nam lại bị thêm một tầng áp bức nữa.

Phong trào Phục-quốc.— Khi quân Nhật chiếm Lạng-sơn, dân chúng ở đây có một cơ-hội may mắn để mưu đồ sự khôi-phục lại nền độc-lập.

Các thanh-niên Việt-nam, Thổ, Nùng đã hợp tác lại, dưới sự điều-khiển của Trần trung-Lập, để thành lập phong-trào Phục-quốc. Quân Phục-quốc đã lẩn lượn chiếm đóng nhiều vị-trí quan trọng như Thất-khé, Na-sầm, Lộc-bình, Bình-gia, Đồng-mỏ.

Tháng chạp năm 1940, quân-dội Pháp phản công chiếm lại các vị-trí đó. Quân cách-mạng bị tan vỡ, một phần chạy sang Tàu, một phần rút lui vào rừng rồi bị tiêu diệt.

Cuộc đảo chính ngày 9 tháng 3 năm 1945.— Cuộc liên-minh Nhật, Pháp là một cuộc liên-minh bất đắc-dĩ. Từ năm 1939, đến năm 1943 thế lực của Đức, Ý, Nhật còn mạnh, chính-phủ Đông-duong dành chịu ép một bè và người Pháp đã thi hành tất cả những ý muốn của người Nhật.

Sang năm 1944, cục-diện thế-giới thay đổi. Nhật-bản bị thua nhiều trận ở Phi-luật-tân và ở các đảo Thái-bình-duong. Ý đầu hàng đồng minh. Đức bị tốn hại nặng nề và một ngày một yếu thế.

Sợ rằng, nếu quân-dội Hoa-kỳ đồ bộ ở Đông-duong, quân đội Pháp sẽ làm nội ứng, nên ngày 9 tháng 3 năm 1945, toàn quyền Nhật là Mat-su-mô-tô (Matsumoto) trao cho toàn quyền Đô-eu (Decoux) một tối hậu thư buộc Pháp phải đặt quân-dội dưới quyền chỉ huy của người Nhật. Pháp không chịu, nên tối hôm đó quân đội Nhật tấn-công trên toàn cõi Đông-duong và sau 24 tiếng đồng hồ, làm chủ tình thế được khắp mọi nơi.

BÀI HỌC

Năm 1937 Nhật-bản xâm - chiếm Trung - hoa.
Cuộc chiến tranh chưa kết thúc thì năm 1939, thế giới đại chiến lần thứ hai bùng nổ, nước Pháp bị bại trận và thế lực ở Đông-duong cũng yếu đi.

Tháng 9 năm 1940 quân Nhật chiếm Lạng-sơn, và bắt chính phủ Pháp cho đóng trên toàn cõi Đông-dương. Nhân dân Việt-nam lại chịu thêm một tầng áp bức nữa.

Nhân dịp Pháp mất chủ quyền ở Lạng-sơn, các thanh niên ở tỉnh này, dưới sự lãnh-thạo của Trần trung-Lập đã tổ chức một phong trào Phục-quốc chiếm đóng Lộc-bình, Na-sầm, Thủ-khé, Đồng-mô. Nhưng đến cuối năm 1940, bị quân Pháp tấn công phong trào bị tan rã.

Cuộc liên kết Nhật-Pháp chỉ là bất đắc-dĩ. Năm 1945, Nhật, Đức, Ý bị thua khắp các mặt trận. Số người Pháp làm nội ứng cho quân đội Đồng-minh, đêm hôm 9-3-1945, quân Nhật đánh úp quân Pháp trên toàn cõi Đông-dương và sau 24 giờ đã làm chủ được khắp mọi nơi.

CÂU HỎI.— Tại sao năm 1940, Nhật-bản chiếm Lạng-sơn ? — Sau trận này, Pháp và Nhật liên kết nhau thế nào ? — Trong khi người Pháp mất chủ quyền ở Lạng-sơn thanh niên Việt-nam lập đảng cách-mạng nào ? — Bị tấn công, đảng viên Việt-nam Phục-quốc chạy đi đâu ? — Người Pháp và người Nhật có thực tâm hợp tác với nhau không ? — Tại sao ngày 9-3-1945, quân Nhật đánh úp quân Pháp ? — Kết quả trận đánh này thế nào ?

Chính-phủ Trần trọng-Kim và cuộc đảo-chính tháng 8 năm 1945

Những sự khó khăn của người Nhật.— Sau khi, loại được người Pháp ra khỏi sân khấu chính trị ở Đông-dương người Nhật cũng muốn biến nước ta thành một thuộc địa của chúng như Mãn-châu và Triều-tiên. Nhưng vì bị thua nhiều trận, thủy quân và không quân bị thiệt hại nặng nề, nên họ cần phải rảnh tay để đối phó với quân-đội Hoa-kỳ. Vì vậy người Nhật tuyên bố trả lại nền độc-lập cho Việt-nam, để người Việt-nam tự cai-trị lấy.

Bảo-Đại giao cho Trần trọng-Kim nhiệm-vụ tổ chức một nội-các mới.

Nội-cács Trần trọng-Kim.— Trần trọng-Kim là một học giả uyên-thâm, nặng lòng yêu nước. Chính-phủ ông gồm toàn những người có khuynh hướng quốc-gia rõ rệt nhưng gặp nhiều nỗi khó khăn. Người Nhật, tuy nói là không nhúng tay đến việc nội-trị của Việt-nam, nhưng thực ra đã kiềm-soát gắt-gao những công việc lớn nhỏ trong nước.

Tuy vậy, chính-phủ này cũng làm được một vài việc đáng khen như chống nạn đói, lập một nền giáo dục hoàn toàn Việt-nam, thành-lập những đoàn-thể sinh-viên, thanh-niên có tinh thần quốc-gia mạnh mẽ.

Phan kẽ-Toại được cử làm khâm-sai ở Bắc-bộ và Nguyễn Văn-Sầm ở Nam-bộ.

Những đảng phái cách-mạng.— Từ năm 1940, vì chính sách càng ngày càng áp bức của người Pháp, nhiều đảng cách-mạng ra đời và hoạt động chống Pháp.

Trương tử-Anh và Nguyễn văn-Viễn lập ĐẠI-VIỆT QUỐC-DÂN ĐẢNG

Nguyễn xuân-Chữ, Vũ đình-Di lập VIỆT-NAM ÁI-QUỐC ĐẢNG

Nguyễn xuân-Mai, Bùi nhur-Uyên, Ngô thúc-Địch lập ĐẠI-VIỆT QUỐC-GIA LIÊN MINH

Nhưng không đảng nào có lực-lượng và khéo tò-chức bằng Việt-minh, (tên tắt của Việt-nam Độc-lập đồng-minh hội). Đảng này là Đông-dương cộng sản đảng đổi tên để che mắt đồng-minh và đánh lừa dân chúng Việt-nam đang khát khao nền độc-lập.

Việt-minh cướp chính quyền.— Ngày mồng 6 tháng 8 năm 1945, quả bom nguyên-tử đầu tiên thả xuống đất Nhật. Ngày 15 tháng 8, Nhật phải đầu hàng đồng-minh. Biết rằng không thể nuốt nỗi Đông-dương, người Nhật giao trả quyền độc-lập thực-sự cho chính phủ Trần trọng-Kim, nhưng đã quá muộn. Việt-minh nhờ mánh lới tuyên-truyền, đã gây được ảnh hưởng trong dân chúng.

Ngày 19-8-1945, dân chúng Bắc-bộ tò-chức một cuộc biểu tình vĩ-đại để mừng sự thu hồi chủ quyền thì Việt-minh lợi-dụng, biến thành cuộc cướp chính-quyền. Ngày 25 tháng 8, Bảo-đại thoái-vị và một chính-phủ làm thời được thành lập do Hồ chí-Minh làm chủ-tịch.

BÀI HỌC

Sau khi loại được người Pháp ra khỏi vòng chính trị ở Đông-dương, người Nhật tuyên bố là giao trả quyền độc-lập cho Việt-nam nhưng sự thực vẫn kiểm soát tất cả các công việc lớn nhỏ trong nước.

Trần trọng-Kim được cử ra lập nội -các. Tuy nhiều thiện chí, nhưng nội các này không thực hiện được điều gì quan trọng, vì thiếu kinh nghiệm lại gặp phải sự thiếu thành thật của người Nhật và sự tuyên truyền của các đảng phái chính trị, trong số đó có đảng Việt-minh. Việt-minh là Đông-dương cộng-sản đảng đổi tên để đánh lừa dân chúng và che mắt đồng-minh vì khéo tuyên-truyền và hoạt động, nên được dân chúng ủng hộ. Ngày 19-8-45, Việt-minh chiếm Bắc-bộ phủ, Bảo-đại tuyên bố thoái vị. Một chính phủ lâm thời được thành lập do Hồ-chí Minh làm chủ tịch.

CÂU HỎI.— Sau khi làm chủ được lãnh thổ, người Nhật làm thế nào ? — Nên độc - lập ấy có được giao trả thành thật không ? — Ai được cử ra lập nội các ? — Nội các này gặp những sự khó khăn nào ? — Kê một vài đảng phái hoạt động lúc bấy giờ ? — Có tổ-chức nhất là đảng nào ? — Khi Nhật đầu hàng, Việt-minh làm thế nào ? — Bảo-đại có phản ứng gì không ? — Ai cầm đầu chính phủ lâm thời lúc bấy giờ ?

Chính-phủ Hồ chí-Minh

Tình thế nước ta khi Hồ chí-Minh nắm chính quyền.— Việt-minh nắm chính-quyền sau khi chính phủ Nhật đầu hàng Đồng-minh và điều-kiện. Theo hiệp-định Pots-dam, Đồng-dương chia làm 2 phần : phía bắc vĩ-tuyến 16 quân Trung-hoa sẽ tước khí-giới quân-đội Nhật-bản, phía nam vĩ-tuyến 16, việc tước khí-giới giao cho quân-đội Anh.

Tháng 9 năm 1945, quân-đội Anh dỗ bộ ở Sài-gòn và quân Trung-hoa vượt biên-giới tiến xuống các thị-trấn Việt-nam và Ai-lao. Theo chân quân-đội Anh, quân Pháp do tướng Léclerc (Leclerc) chỉ-huy cũng vào Sài-gòn, lúc đó thuộc quyền ủy-ban hành-chinh Nam-việt. Ngày 23 tháng 9 quân Pháp đánh úp Sài-gòn rồi lần lượt chiếm các tỉnh Nam-việt và nam Trung-việt.

Việt-minh tiêu - diệt các chính đảng miền bắc.— Cùng về nước với quân-đội Trung-hoa, có hai chính đảng đã từng hoạt-động chống Pháp và có xu-hướng quốc-gia rõ rệt : Việt-nam Quốc-dân đảng do Vũ Hồng-Khanh lãnh-đạo và Việt-nam Cách-mệnh đồng-minh hội do Nguyễn Hải-Thần cầm đầu.

Khi hai đảng này về đến nước thì Việt-minh đã lập được căn-bản vững chắc ở khắp mọi nơi trong nước.

Việt-Minh muốn lừa bịp dân chúng và đồng-minh, tuyên-bố giải-tán đảng Cộng-sản Đồng-dương, nhưng nhiều người đã hiểu rõ đó chỉ là một mưu mò xảo-quyết, nên đã tỏ ý phản

đối mạnh mẽ chính-sách của chính-phủ lâm thời. Hồ chí-Minh phải lập một chính-phủ liên-hiệp gồm có độ 3 đảng: Việt-minh, Việt-nam Quốc-dân đảng và Việt-nam Cách-mệnh đồng-minh hội.

Nhưng sự liên-hiệp đó chỉ là bề ngoài. Bên trong Việt-minh ra lệnh tấn-công các vị-trí do quân-dội Việt-nam Quốc-dân đảng và Việt-nam Cách-mệnh đồng-minh hội chiếm đóng: Việt-tri, Vĩnh-yên, Yên-bái, Lào-cai, Hà-cối, Móng-cái. Hàng vạn thanh-niên ưu-tú vì vậy đã bị bắt, bị tàn sát hoặc bị tù dày để bỏ mình nơi rừng thiêng nước độc.

Việt-minh vơ vét của cải của dân chúng.— Muốn làm giàu cho chính-phủ và đảng cộng-sản, Việt-minh tổ-chức tuần lě vàng. Nhờ sự tuyên-truyền khéo léo nên họ đã thu được rất nhiều vàng của dân-chúng.

Việt-minh kiểm soát hành động của dân chúng.— Khắp nơi, từ thành thị cho đến thôn quê, Việt-minh đã lập được rất nhiều đoàn-thể mệnh danh là cứu-quốc; thanh-niên cứu-quốc, phụ-nữ cứu-quốc, bô-lão cứu-quốc, nhi-dồng cứu quốc v. v... Nhưng thật ra những đoàn-thể này đều do nhàn vien đảng cộng-sản chỉ-huy và không ngoài mục-dịch củng-cố địa-vị của đảng cộng sản, kiểm-soát chặt chẽ hành-vi và tư tưởng của các tầng lớp dân-chúng.

BÀI HỌC

Theo đúng hiệp định Potsdam (Posdam), tháng 9 năm 1945, quân đội Anh đến Sài-gòn và quân đội Trung-hoa vượt biên giới để trước khi giới quân đội Nhật-bản. Theo chân quân đội Anh, quân đội Pháp cũng đến Việt-nam và ngày 23 tháng 9 đánh úp Sài-gòn rồi lần lượt chiếm các tỉnh miền nam.

Ở miền bắc, Việt-minh tuyên bố giải tán đảng Cộng-sản Đông-dương, nhưng nhiều người đã hiểu rõ rằng đó chỉ là một cử chỉ lừa bịp. Hồ chí-Minh phải lập một chính phủ liên-hiệp gồm có các đại diện của Việt-minh, Việt-nam Quốc-dân đảng, Việt-nam Cách-mạng đồng-minh hội, nhưng đồng thời Việt-minh, một mặt tấn công các vị trí do các đảng phái đóng giữ, một mặt tö-chức các đoàn thể mệnh danh là cứu-quốc để kiểm-soát hành vi và tư tưởng của dân chúng và củng cố địa vị của đảng cộng-sản.

CÂU HỎI. — Theo hiệp-định Potsdam quân-đội đồng-minh tước khi-giới quân-đội Nhật-bản thế nào? — Quân-đội Pháp làm thế nào để đặt chân đến nước ta? — Ở miền bắc, Việt-minh có những cử chỉ lừa bịp thế nào? — Tại sao họ lập chính phủ liên-hiệp? — Khi chính-phủ này lập xong, Việt-minh củng-cố địa-vị của đảng Cộng-sản như thế nào?

Bài thứ 43

Cuộc chiến tranh Việt Pháp và lá bài Bảo-Đại

Pháp chiếm miền nam nước Việt.— Theo chân quân đội Anh sang tước khi-giới quân-đội Nhật-bản, quân Pháp, do tướng Lorraine chỉ-huy, đã đánh úp Sài-gòn ngày 23-9-1945 và

cũng do cách ấy, chiếm hầu hết các thị trấn từ vĩ-tuyến 16 (Hội-an) trở vào. Tuy vậy miền quê vẫn ở trong tay quân kháng-chiến.

Quân-đội Pháp lập căn-cứ ở Bắc-việt.— Phía bắc vĩ-tuyến 16 do quân Trung-hoa chiếm đóng. Ngày 23.2-1946, chính-phủ Trùng-khánh (kinh-dô nước Tàu trong những năm chiến-tranh chống Nhật) thuận cho quân Pháp thay thế ở Đông-dương. Ngược lại, Pháp phải trao trả cho Trung-hoa các tơ-giới ở Tàu, đường xe lửa Lào-cai, Côn-minh.

Ngày 6-3-1946, Hồ chí-Minh ký với Pháp một hiệp-ước sơ bộ, theo đó thì quân đội Pháp được phép chiếm đóng một vài địa-diểm quan-trọng ở Bắc-việt như Hải-phòng, Hà-nội, Lang-sơn, Lào-cai v.v... Việt-minh đã giúp Pháp bắc một đầu cầu để xâm-chiếm miền bắc nước ta.

Cuộc chiến tranh bùng nổ.— Cuộc liên-kết Pháp Việt-minh là một cuộc liên-kết hất dắc dĩ. Đầu hôm 19-12-1946, tiếng súng nổ ở Hà-nội mở đầu cho một cuộc chiến-tranh tàn khốc diễn ra trên đất Việt-nam trong tám năm trời. Hàng vạn thanh-niên Việt và Pháp phải bỏ mình nơi chiến địa, dân-chứng Việt-nam diêu linh khồ-sở.

Giải-pháp Bảo-Đại.— Thấy tinh-thần chiến đấu của dân tộc Việt-nam mạnh-mẽ, người Pháp bèn đưa Bảo-Đại đang ở Huong-cảng về nước Ngày 5-6-1948, Nguyễn văn-Xuân và Bo-la-e (Bollaert) ký một thỏa-ước công nhận nước Việt-nam được độc-lập và thống-nhất trong liên-hiệp Pháp.

Nhưng nền độc-lập mà Pháp ban cho Bảo-Đại chỉ là chiếc bánh vẽ. Các chính-phủ do Pháp lập ra không có thực quyền gì hết.

Trong khi ấy thì Việt-minh được Trung-cộng và Liên-sô giúp đỡ. Quân đội Pháp vừa kém phần chiến thuật, vừa thiếu tinh-thần chiến-dấu nên bị « sa lầy » trong cuộc chiến - tranh này. Không được dân chúng ủng-hộ, quân đội Pháp bị thua nhiều trận. Sau cuộc thất bại lớn lao ở Điện-biên-phủ, chính-phủ Pháp ký với Việt-minh hiệp định Gio-neo (Genève) ngày 20 tháng 7 năm 1954, chia xẻ nước Việt-nam làm hai phần, lấy vĩ-tuyến 17 làm giới hạn, đặt miền bắc nước ta dưới quyền kiểm soát của chính-phủ Hồ chí-Minh.

BÀI HỌC

Nhờ hiệp ước ngày 20-2-46 ký với chính-phủ Trung-khánh và hiệp-ước ngày 6-3-46 ký với Hồ chí-Minh, người Pháp được phép đóng quân tại Hà-nội, Hải-phòng, Lào-cai, Lạng-sơn v.v...

Nhưng mục-đích của nước Pháp là chiếm lại tất cả Đông-dương, nên ngày 19-12-1946, cuộc chiến tranh bùng nổ. Thấy tinh thần chống ngoại-xâm của dân-tộc Việt-nam mạnh-mẽ, tháng 6 năm 1948, chính-phủ Pháp đưa Bảo-Đại về nước. Nhưng Bảo-Đại chỉ ham mê hành lạc, nền độc-lập mà Pháp cho Việt-nam là một nền độc-lập giả-dối. Quân đội Pháp không được dân chúng ủng hộ, nên bị thua nhiều trận. Ngày 20-7-1954, chính phủ Pháp ký với chính-phủ Việt-minh một thỏa ước tại Gio-neo (Genève) chia xẻ nước Việt-nam làm hai phần, lấy vĩ-tuyến 17 làm giới hạn.

CÂU HỎI. — Quân-đội Pháp làm thế nào để chiếm các thị trấn mèn nam ? — Nhờ những hiệp-ước nào, Pháp đặt chân lên đất bắc ? — Từ thị trấn nào, ngày 19-12-1946 quân-đội Pháp tiến đánh Bắc-việt ? — Quân Pháp có thắng quân-đội kháng-chiến để dùng không ? — Vì sao Pháp đưa Bảo-Đại về nước ? — Giải pháp Bảo-Đại có đem lại thắng lợi cho người Pháp không ? — Hiệp-định Gio-neo có ảnh-hưởng tai hại thế nào cho nước Việt-nam ?

Bài thứ 44

Ngô-đình Diệm và cuộc cách mạng quốc gia

Tình-thể nước Việt-nam sau khi thỏa-hiệp Gio-neo được ký kết.— Sau khi thỏa-hiệp Gio-neo được ký kết, nước Việt-nam chia làm hai phần :

1.— Miền bắc vĩ-tuyển 17 đặt dưới quyền cai-trị của chính-phủ cộng-sản Hồ chí-Minh do chính-phủ Trung-cộng và Liên-sô kiềm-soát.

2.— Miền nam vĩ-tuyển 17, dưới quyền kiềm soát của chính phủ Quốc-gia. Không muộn sống dưới ách nô lệ của bọn cộng-sản, gần một triệu người Việt-nam miền bắc, dù các giới,

đã lia bô quê hương, của cải, ruộng nương, dề vào miền nam tiếp tục cuộc tranh đấu dành tự-do.

Ngô-đình Diệm chấp chính.— Ngày 7-7-1954, Ngô-đình Diệm, một nhà chí-sĩ nặng lòng yêu nước và có một tinh thần quốc-gia mạnh mẽ lên giữ chính-quyền. Nhưng lúc đó, tại thủ-dô Sài-gòn, đảng Bình-xuyên chỉ-huy nhà Công-an từ năm 1953, công khai chống lại chính-phủ. Các tay sai của thực-dân Pháp, dựa vào thế-lực của bọn quan thày lăm le lật đổ chính-quyền. Tại các tỉnh miền Hậu-giang, bọn Hòa-hảo ly khai do Ba-Cụt tức Lê quang-Vinh cầm đầu, hùng cứ một phương, ức hiếp dân lành, gày những sự khó khăn cho nhà cầm quyền. Bảo-Đại ở Pháp, tuân theo mệnh lệnh của thực-dân, khuyến khích bọn phiến-loạn định đưa dân chúng vào cảnh lầm than lần nữa.

Sự-nghiệp của chính-phủ Ngô-đình Diệm.— Dừng trước bao nỗi khó khăn đó, chính-phủ Ngô-đình Diệm, một mặt củng cố lực-lượng và tinh-thần quốc-gia của dân chúng, một mặt đã dẹp tan bọn phiến-loạn Bình-xuyên. Ba-Cụt, đem lại an-ninh cho đồng-bào miền nam.

Ngày 23 tháng 10 năm 1955, trong một cuộc trưng cầu dân ý, 95 phần trăm dân-chúng đã truất-phế Bảo-Đại và suy tôn nhà chí-sĩ Ngô-đình Diệm làm quốc-trưởng.

Ngày 26-10-1955, tại dinh Độc-lập, nền Cộng-hòa Việt-nam đã được long trọng tuyên bố, và nhà chí-sĩ Ngô-đình Diệm giữ chức Tổng-thống dè dặt đặt quốc-dân lên đường diệt cộng và xây đắp cho nước ta một nền dân chủ thực sự.

Ngày 4-3-1956, toàn dân, một lần nữa, lại hăng hái đi bầu quốc-hội lập-hiến có nhiệm vụ thành lập cho nước ta một hiến pháp dân chủ.

Ngoài ra, Ngô Tông-thống còn làm được nhiều việc quan trọng như thống nhất quân đội, tổ-chức lại nền hành-chính tẩy trừ các phần tử thối nát trong chính giới, thúc đẩy phong-trào cách mạng quốc-gia, khuyến-khích nông-nghiệp, thương-nghiệp và công-nghệ, cải tổ nền giáo-dục cùng ban bõ những quyền tự-do dân-chủ mà từ trước dân chúng chưa bao giờ được hưởng.

BÀI HỌC

Sau khi hiệp-định Giơ-neo ký-kết, miền bắc nước Việt-nam bị đặt dưới quyền thống trị của chính-phủ cộng-sản Hồ chí-Minh do Nga, Tàu kiểm soát. Không chịu sống dưới ách nô lệ đó, gần một triệu người Việt-nam đã bỏ quê hương, tài sản vào miền nam để tiếp tục tranh đấu dành tự-do.

Trong khi đó thì chính phủ quốc-gia đã gặp nhiều nỗi khó khăn. Nhưng nhờ ở sự lãnh đạo sáng suốt của nhà chí-sĩ Ngô-đình Diệm, nhờ ở tinh thần đoàn-kết của toàn dân, chính phủ dẹp tan được bọn phiến loạn Bình-xuyên và Ba-Cụt, đem lại an ninh cho đồng bào.

Ngày 23-10-1955, 95 phần trăm dân chúng đã trất phế Bảo-Đại, và bầu Ngô-đình Diệm lên làm Tổng-thống nước Việt-nam cộng-hòa. Ngày 4-3-1956, toàn dân lại hăng hái đi bầu quốc-hội có nhiệm vụ thành lập cho nước ta một hiến pháp dân chủ.

Ngoài ra, Ngô Tông-thống còn thống nhất quân đội, cải tổ nền hành chính, nâng cao đời sống của giới lao động và ban bõ những quyền tự-do dân chủ mà từ trước dân chúng chưa bao giờ được hưởng.

CÂU HỎI. — Sau khi hiệp-định Giơ-neo được ký-kết nước ta bị chia đôi như thế nào? — Người Việt-nam miền bắc đã đi tìm tự-do ra làm sao? — Trong khi đó, chính-phủ Quốc-gia đã gặp những sự khó khăn nào? — Chính-phủ Ngô-đình Diệm đã thắng những khó khăn đó ra làm sao? — Ngày 23-10-1955, ngày 4-3-1956 là hai ngày quan trọng thế nào? — Kè các công việc mà chính-phủ Ngô-đình Diệm đã thực hiện được.

Bài thứ 45

Địa vị của nước Việt-nam trên trường quốc-tế

Vị-trí của nước Việt-nam. — Việt-nam ở đông-nam châu Á, chiếm một vị-trí đặc-biệt trên đường giao-thông quốc-tế. Các tàu biển hoặc phi cơ đi từ châu Âu, châu Phi hay Ấn-dô sang Trung-hoa và Nhật-bản đều phải qua địa-phận Việt-nam. Nhưng cũng vì thế mà nền độc-lập của nước ta thường bị đe dọa.

Tài-nguyên của nước Việt-nam. — Nước ta có những tài-nguyên rất rỗi-rào. Miền nam còn có rất nhiều cánh đồng chưa khai-khẩn, trên cao-nghệên nhiều cánh đồng cỏ bò hoang; rất tiện cho sự chăn nuôi trâu bò. Các mỏ ở nước ta cũng nhiều. Riêng mỏ than ở Bắc-việt chạy dài trên một khoảng đất 150 km, từ vịnh Hạ-long đến Phả-lại. Các mỏ thiếc, mỏ chì, mỏ sắt, mỏ bạc cũng chưa khai khẩn được hết.

Năng lực của người Việt.— Sở dĩ nền kinh-tế kém eoki là vì bị kìm hãm. Một khi được tự-do thì chắc-chắn dân ta chẳng bao lâu sẽ dành lại các quyền-lợi hiện giờ do ngoại kiều nắm giữ.

Việt-nam trên trường quốc tế.— Tuy đất đai bị chia xé, tuy mới dành lại được nền độc-lập, Việt-nam ngày nay đã được hơn năm mươi nước trên thế giới công-nhận. Bị Nga-sô dùng quyền phủ-quyết không cho vào Liên-hiệp-quốc; Việt-nam vẫn chính-thức có chân trong nhiều tổ-chức của Liên-hiệp quốc như :

- Tổ-chức giáo-dục, khoa-học và văn-hóa.
- Á-châu và viễn-dông kinh-tế ủy-hội.
- Tổ-chức lương nông quốc-tế.
- Tổ-chức hàng không dân sự quốc-tế.
- Liên-hiệp hữu-chinh thế-giới.

Nhiệm-vụ dân tộc Việt-nam hiện thời.— Hiện thời dân tộc Việt-nam gặp nhiều trở lực trong cuộc kiến-thiết quốc-gia :

1.— Đối nội, chúng ta phải đề phòng bọn phong kiến đang lăm-le phá hoại nền Cộng-hòa để gây lại ánh hường. Nước ta hiện thời chưa được thống nhất và miền bắc còn do bọn đế quốc Nga, Tàu kiểm-soát.

2.— Đối ngoại, nước ta ở biên thùy thế-giới tự do, phải đương đầu với mọi nỗi khó khăn do bọn Cộng-sản quốc-tế gây ra.

Hơn ở nhiều nước khác, nước ta phải phòng ngừa để khỏi rơi lại dưới ách nô-lệ của các lực-lượng phong-kien nội bộ hay của đế-quốc ngoại lai vì lý do địa dư và nhất vì bị cộng-sản đang thống-trị miền bắc lăm-le lũng-đoạn miền nam. Sau khi lãnh thổ thống-nhất, nước ta vẫn còn ở trong địa-thế bấp-bênh và nguy hiểm vì ở sát cạnh những khối đồng đúc, trù mây. (Thông-diệp của Ngô Tông-thống gửi quốc-hội ngày 17-4-1956).

Nhưng chúng ta tin rằng, dân-tộc Việt-nam, với hai ngàn năm lịch sử, đã từng đánh bại những cuộc xâm lăng của các đế quốc hùng mạnh, với óc quật cường sẵn có, với trí thông minh lanh lẹn, với tài khéo léo mà tạo hóa đã phù cho, chúng ta nhất định vượt mọi trở ngại, để dành những quyền lợi hiên-nhiên, thống nhất lãnh-thổ, để thành một nước giàu mạnh trong thế-giới tự-do.

BÀI HỌC

Việt-nam ở miền đông nam châu Á, chiếm một địa điểm đặc biệt trên đường giao thông quốc tế. Nước ta có những tài nguyên rỗi rào, những cánh đồng ruộng lớn và những đồi cỏ bò hoang, những mỏ chưa khai khẩn được hết. Với trí thông minh, tài khéo léo săn cỏ, chắt chắp dân tộc Việt-nam sẽ khai thác những tài nguyên đó và dành lại những quyền lợi về kinh tế hiện ở trong tay ngoại kiều.

- Trên trường quốc-tế, chính-phủ Việt-nam đã được hơn năm mươi nước trên thế-giới công-nhận và đã được chính-thức làm hội-viên của các tổ-chức của Liên-hiệp quốc như :

- Tổ-chức giáo-dục khoa-học và văn-hóa.
- Á-châu và viễn-đông kinh-tế ủy-hội.
- Tổ-chức lương-nông quốc-tế.
- Tổ-chức y-tế quốc-tế.
- Tổ-chức hàng-không dân-sự quốc-tế.

Hiện nay, dân-tộc Việt-nam phải đương đầu với các lực lượng phong kiển nội bộ, với các đế quốc ngoại lai, với bọn cộng-sản miền bắc, nhưng ta tin chắc rằng với chí quật-cường săn-có, nhất-định chúng ta sẽ thắng tất cả mọi trở ngại để thành một nước giàu mạnh trong thế-giới tự-do.

CÂU HỎI.— Vị-trí nước Việt-nam quan-trọng thế nào? — Tài-nguyên ở nước ta rồi rào thế nào? — Tương lai của nền kinh-tế nước ta thế nào? — Hiện nay, chúng ta gặp những trở ngại nào? — Tương lai của nước ta thế nào?

MỤC-LỤC

BÀI THÚ

TRANG

Nhà Nguyễn Tây-Sơn

1 — Vua Quang-Trung đại phá quân nhà Thanh	5
2 — Nhà Nguyễn Tây-Sơn (1776-1802)	9
3 — Nhà Nguyễn Tây-Sơn — <i>Quân sự và ngoại-giao</i>	11
4 — Nhà Nguyễn Tây-Sơn — <i>Văn hóa</i>	13
5 — Nguyễn-Ánh lấy lại miền nam	15
6 — Nguyễn-Ánh thống nhất nước ta	17

Nhà Nguyễn : Thời kỳ độc lập

7 — Vua Thái-tô : Niên-hiệu Gia-Long (1802-1820).	23
Việc cai trị	
8 — Vua Gia-Long — <i>Tài chính, Pháp luật và binh bị</i>	25
9 — Vua Gia-Long : <i>Giao thiệp nước ngoài</i>	28
10 — Vua Thành-tô : Niên-hiệu Minh-Mạng (1820-1840)	30
11 — Vua Minh-Mạng : <i>Những cuộc nội-loạn ở Nam-việt</i>	32
12 — Vua Minh-Mạng : <i>Những cuộc nội-loạn ở Bắc-việt</i>	35
13 — Vua Minh-Mạng : <i>Giao thiệp với nước ngoài</i>	37

14 — Vua Hiển-Tồ : Niên-hiệu Thiệu-Trị (1841 - 1846)	40
15 — Văn-hóa nước ta về đời nhà Nguyễn	42
16 — Vua Dực-Tôn : Niên-hiệu Tự-Đức (1848 - 1883)	45
17 — Nguyên nhân cuộc chiến tranh Việt-Pháp	48
18 — Tình hình các nước miền Đông-Á.	52
19 — Tình-hình nước ta về thế-kỷ thứ 19	56
20 — Tình-hình nước ta về thế-kỷ thứ 19 (<i>bài nối</i>)	59
21 — Những tư-tưởng duy-tân dưới triều Tự-Đức	61
22 — Quân Pháp chiếm ba tỉnh miền đông Nam-việt	64
23 — Phan thanh-Giản đi sứ	67
24 — Quân Pháp chiếm ba tỉnh miền tây Nam-việt	69
25 — Người Pháp tìm đường sang Trung-hoa	72
26 — Quân Pháp đánh Bắc-việt lần thứ nhất	74
27 — Quân Pháp đánh Bắc-việt lần thứ hai	77
28 — Quân Pháp hạ thành Huế	80
29 — Vua Hàm-Nghi và phong trào Cần-vương	82
30 — Phan đình-Phùng	85
31 — Chiến-lũy Ba-đinh	88
32 — Trương Định và các cuộc khởi nghĩa ở Nam-việt	90
33 — Các cuộc khởi nghĩa ở Bắc-việt	93

Thời Pháp thuộc

34 — Chính sách cai trị của người Pháp ở Việt-Nam <i>Quyền hành chính</i>	99
--	----

BÀI THƯ

TRANG

35 — Chính sách cai trị của người Pháp ở Việt-nam.— <i>Các quyền tự-do dân-chủ.</i>	102
36 — Chính sách cai trị của người Pháp ở Việt-nam.— <i>Văn-hóa và y-tế</i>	105
37 — Chính sách cai trị của người Pháp ở Việt-nam.— <i>Chinh sách kinh-te</i>	107
38 — Các cuộc tranh đấu dành độc lập của dân tộc Việt-nam.— <i>Phong-trào Duy-tân</i>	111
39 — Cuộc khởi nghĩa Thái-nguyên và Yên-bái	114

Thời hiện kim

40 — Nhật-bản can-thiệp vào Đông-dương.	119
41 — Chính-phủ Trần Trọng-Kim và cuộc đảo chính tháng 8 năm 1945	122
42 — Chính-phủ Hồ chí-Minh	125
43 — Cuộc chiến-tranh Việt Pháp và lá bài Bảo-Đại	127
44 — Ngô-đình Diệm và cuộc cách-mạng quốc-gia	130
45 — Địa-vị của nước Việt-nam trên trường quốc-te	133



TRẦN VĂN MINH — NGUYỄN HỮU TÂN
NGUYỄN HỮU HỒNG

VẠNH VẬT HỌC

Lớp đệ Thát

Đệ Lực

Đệ Ngũ

Đệ Tứ

YÊN-SƠN XUẤT BẢN

PHẠM HỮU MẬU
Giáo học

CÔNG DÂN GIÁO DỤC

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

Soạn theo chương-trình hiện
hành của Bộ Quốc-gia Giáo-dục.

LỚP NHẤT	20\$
LỚP NHÌ	20\$
LỚP BA	10\$
LỚP TƯ	10\$
LỚP NĂM	10\$

YÊN-SƠN XUẤT BẢN

THƯ-MỤC YÊN-SƠN

LỚP NHẤT

ĐỊA LÝ	<i>Nguyễn hữu Hồng</i>	25\$
TOÁN PHÁP	<i>Hoàng đình Tuất</i>	28
ĐỨC DỤC	<i>Vũ quốc Khanh</i>	22
VIỆT SỬ	<i>Nguyễn hữu Hồng</i>	30
CÔNG THỨC TOÁN	<i>Nguyễn phúc Lộc</i>	15
CÁCH TRÍ	<i>Nguyễn hữu Hồng</i>	20
NGỮ VỰNG	<i>Trần ngọc Chu</i>	20
PHÁP VĂN	<i>Phạm Thành</i>	25
VIỆT LUẬN	<i>Phạm Thành</i>	22
222 BÀI TÍNH ĐỐ	<i>Bùi văn Bảo</i>	34
333 BÀI TÍNH ĐỐ	<i>Nguyễn hà Bàng</i>	32
550 BÀI TÍNH ĐỐ	<i>Vũ quốc Khanh</i>	20
TOÁN THI TIÊU HỌC	<i>Nguyễn đình Cần</i>	25
TOÁN ĐỐ LUỢC GIẢI	<i>Lê đình Huyền</i>	32
CÂU HỎI THƯỜNG THỨC	<i>Nguyễn hữu Hồng</i>	25
CHÍNH TẢ ĐỔI CHIẾU	<i>Nguyễn Hồng</i>	25
CÔNG DÂN GIÁO DỤC	<i>Phạm hữu Mâu</i>	20

LỚP NHÌ

ĐỊA LÝ	<i>Nguyễn hữu Hồng</i>	22\$
VIỆT SỬ	<i>Nguyễn hữu Hồng</i>	28
CÁCH TRÍ	<i>Nguyễn hữu Hồng</i>	20
TOÁN PHÁP	<i>Hoàng đình Tuất</i>	35
444 BÀI TÍNH	<i>Nguyễn đình Cần</i>	20
ĐỨC DỤC	<i>Vũ quốc Khanh</i>	28
NGỮ VỰNG	<i>Phạm hữu Khanh</i>	20
VIỆT LUẬN	<i>Nguyễn văn Thái</i>	18
ĐỨC DỤC	<i>Trần thế Bảo</i>	25
CÔNG DÂN GIÁO DỤC	<i>Phạm hữu Mâu</i>	20

LỚP BA

ĐỊA LÝ	<i>Vũ quốc Khanh</i>	25\$
ĐỊA LÝ	<i>Nguyễn hữu Hồng</i>	20

VIỆT SỬ	Vũ hữu Tuệ	28\$
VIỆT SỬ	Nguyễn hữu Hồng	15
TOÁN PHÁP	Hoàng định Tuất	25
TÍNH VÀ TÍNH ĐỐ	Nguyễn đình Cẩn	10
VẼ VÀ THỦ CÔNG	Lê Minh	10
ĐỨC DỤC	Trần thế Bảo	24
ĐỨC DỤC	Vũ hữu Tuệ	20
VĂN PHÁP NGỮ	Nguyễn đình Cẩn	8
VIỆT LUẬN	Nguyễn văn Thái	16
CÁCH TRÍ	Nguyễn hữu Hồng	20
NGỮ VỰNG	Đặng hiền Đức	20
TẬP ĐỌC	Vũ trọng Yên	14
CỘNG DÂN LỚP BA	Phạm hữu Mậu	15

LỚP TƯ

NGỮ VỰNG	Phạm hữu Khánh	25\$
TẬP ĐỌC	Vũ trọng Yên	18
VĂN PHẠM	Vũ quốc Khanh	20
ĐỨC DỤC	Vũ hữu Tuệ	20
ĐỨC DỤC	Trần thế Bảo	20
TÍNH VÀ TÍNH ĐỐ	Nguyễn đình Cẩn	10
CÁCH TRÍ	Nguyễn hữu Hồng	20
CÁCH TRÍ	Nguyễn qui Bình	28
QUAN SÁT	Nguyễn qui Bình	30
VIỆT LUẬN	Nguyễn văn Thái	16
VIỆT SỬ	Nguyễn hữu Hồng	11
VIỆT SỬ	Vũ hữu Tuệ	20
TOÁN PHÁP	Trần văn Minh	18
ĐỊA LÝ	Nguyễn hữu Hồng	12
ĐỊA LÝ	Vũ quốc Khanh	10

LỚP NĂM

TÍNH VÀ TÍNH ĐỐ	Nguyễn đình Cẩn	8\$
ĐỨC DỤC	Vũ hữu Tuệ	16
CÁCH TRÍ	Nguyễn qui Bình	16
QUAN SÁT	Nguyễn qui Bình	16
NGỮ VỰNG	Phạm hữu Khánh	12
TẬP ĐỌC	Vũ trọng Yên	15

TOÁN PHÁP	<i>Trần ngọc Chu</i>	18\$
VỆ SINH.	<i>Trần thế Bảo</i>	12

VĂN VIỆT-ANH-PHÁP

A B C TRANH MÀU.		14\$
A B C KHAI TÂM.		8
A B C CAP TỐC		10
VĂN QUỐC NGỮ PHÔ THÔNG.		14
VĂN QUỐC NGỮ THỰC HÀNH.		14
VĂN QUỐC NGỮ KHAI TÂM		14
VĂN PHÁP NGỮ		8
VĂN ANH NGỮ		10

SÁCH BẬC TRUNG - HỌC

BÀI GIẢI TOÁN VẬT LÝ ĐỀ TỨ NGỮ	<i>Đặng đức Cường</i>	15\$
BÀI GIẢI TOÁN HÓA HỌC ĐỀ TỨ NGỮ	<i>Đặng đức Cường</i>	15
CÔNG THỨC TOÁN TRUNG HỌC.	<i>Tần văn Tâm</i>	30
TOÁN HỌC	<i>Đặng đức Cường</i>	34
HÌNH HỌC ĐỀ LỤC — NGỮ	<i>Đặng đức Cường</i>	30
HÌNH HỌC ĐỀ NGỮ — TỨ	<i>Phan Minh</i>	30
MUỐN GIỎI TOÁN, ĐẠI SỐ VÀ		
SỐ HỌC ĐỀ THẤT VÀ ĐỀ LỤC	<i>Khoaan-Tâm</i>	30
LE FRANÇAIS PAR SOI-MÈME	<i>Nguyễn văn Dung</i>	28
MẸO TIẾNG PHÁP	<i>Nguyễn văn Dung</i>	38
CHIA ĐỘNG TỰ PHÁP	<i>Nguyễn văn Dung</i>	30
MODÈLES DE LETTRES	<i>Nguyễn văn Dung</i>	30
THƠ NGỮ NGÔN LA FONTAINE	<i>Phạm hữu Khanh</i>	35
BÀNG LƯỢNG GIÁC VÀ KÈ SỐ	<i>Mạc ngọc Pha</i>	5
BÀI TẬP ĐẠI SỐ ĐỀ TỨ NGỮ	<i>Nguyễn hữu Kế,</i>	40
HÓA HỌC ĐỀ TỨ NGỮ	<i>Phan hữu Niệm và</i>	
	<i>Nguyễn Thạch</i>	
	<i>Vũ ngọc Khôi</i>	

LINH-TINH

ĐỒI THÔNG HAI MỘ	<i>Vũ định Trung</i>	40\$
ĐIỆN Ô-TÔ	<i>Đỗ xuân Lũy</i>	50
SÁCH DẠY LÁI XE HƠI	<i>Đỗ xuân Lũy</i>	50
NGHỀ THUẬT LÁI XE HƠI	<i>Đỗ xuân Lũy</i>	15
PAN Ô-TÔ	<i>Đỗ văn Ý</i>	38
TẬP ĐỒ Từ số 1 đến số 10	<i>Lê Kỳ</i>	4